BÙI MẠNH HÙNG (Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ THỊ MINH NGUYỆT
NGUYỄN THỊ MINH THƯƠNG

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập NGỮ VĂN 8

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ THỊ MINH NGUYỆT
NGUYỄN THỊ MINH THƯƠNG

Bài tập
NGỮ VĂN
8

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Trang

Phần một: BÀI TẬP 3

Bài 6. Chân dung cuộc sống 3

Bài 7. Tin yêu và ước vọng 12

Đọc mở rộng 19

Bài 8. Nhà văn và trang viết 20

Bài 9. Hôm nay và ngày mai 28

Đọc mở rộng 34

Bài 10. Sách – người bạn đồng hành 35

Ôn tập học kì II 41

Phần hai: GỢI Ý LÀM BÀI 46

Bài 6. Chân dung cuộc sống 46

Bài 7. Tin yêu và ước vọng 51

Đọc mở rộng 62

Bài 8. Nhà văn và trang viết 64

Bài 9. Hôm nay và ngày mai 73

Đọc mở rộng 83

Bài 10. Sách – người bạn đồng hành 85

Ôn tập học kì II 90

Phần một

BÀI TẬP

Bài 6 CHÂN DUNG CUỘC SỐNG

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc lại văn bản *Mắt sói* (từ *Tới chỗ dựng trại của toán đi săn* đến *rơi mãi trong màn đêm đầy tia lửa*) trong SGK (tr. 8) và trả lời các câu hỏi:

1. Nhận xét sau đây đúng hay sai?

   Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất.

   A. Đúng B. Sai

2. Trong đoạn trích, câu nào sau đây là lời nhân vật?

   A. *Một việc chẳng hay ho gì với một con sói.*

   B. *Đám người và chó còn đang nhìn hết lên trời.*

   C. *Chạy đi, anh giao cả nhà cho em đấy!*

   D. *Sói Lam chưa kịp mừng vì em chạy thoát.*

3. Trong đoạn trích, nhân vật Sói Lam KHÔNG được khắc hoạ ở phương diện nào?

   A. Ngoại hình B. Suy nghĩ

   C. Hành động D. Lời nói

4. Khi được Sói Lam cứu, Ánh Vàng đã nói gì với Sói Lam? Những lời nói đó cho thấy Ánh Vàng có suy nghĩ như thế nào?

Bài tập 2. Đọc lại văn bản *Mắt sói* (từ *Với tên Báo thì Phi Châu nói chuyện lâu hơn* đến *không thể tách rời*) trong SGK (tr. 11 – 12) và trả lời các câu hỏi:

1. Điều gì khiến Báo vô cùng ngạc nhiên khi mới gặp Phi Châu?

   A. Tai Phi Châu rất thính.

   B. Phi Châu nói chuyện rất lâu với Báo.

   C. Phi Châu đến từ Châu Phi Vàng.

   D. Phi Châu là một tay đi săn tuyệt vời.

2. Câu nào sau đây KHÔNG nêu đúng lí do Báo kết bạn với Phi Châu?

   A. Phi Châu nhận ra Báo trong đêm tối.

   B. Phi Châu khen ngợi ưu điểm của Báo.

   C. Phi Châu rủ Báo chăn cừu cùng.

   D. Phi Châu muốn Báo đi săn cùng.

3. Theo em, tại sao khi nói chuyện cùng Phi Châu, Báo đã khóc (*Hai giọt nước mắt khóc từ lúc nào, giờ đã khô lại làm thành hai vệt đen dài tới tận mép.*)?

4. Điều gì ở Phi Châu khiến Báo trở thành "bạn thân thiết, không thể tách rời" của cậu?

5. Nêu một bài học em rút ra được từ đoạn trích.

6. Tìm một câu trong đoạn trích có thán từ gọi – đáp.

Bài tập 3. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tối đến, chúng tôi ngủ trong hang cáo. (Lũ cáo lười nhác không thích đi săn, chúng sẵn sàng đổi hang của mình cho bầy sói để lấy ít đồ ăn.) Sói Xám Em Họ ra ngoài canh gác, nó ngồi chót vót trên tảng đá cao nhất giữa thung lũng. Sói Lam nằm ngay lối vào hang, còn Sói Mẹ Hắc Hoả ru bầy sói con trong đáy hang. Bà vừa ru vừa kể chuyện cho chúng nghe. Tất nhiên là những câu chuyện về Con Người. Phần vì trời đã tối, và chúng đã quá mệt chẳng muốn đùa nghịch nữa, và phần vì chúng khoái có cảm giác sợ, và hơn nữa đã có Hắc Hoả mẹ chúng ở bên cạnh để bảo vệ nên bầy sói anh và Ánh Vàng nằm yên lắng nghe.

Ngày xửa ngày xưa...

Vẫn câu chuyện ấy: chuyện về một chú sói con rất vụng về có bà ngoại sói già lụ khụ.

Ngày xửa ngày xưa, có một chú sói con vụng về tới mức cả đời chẳng bao giờ bắt được thứ gì. Ngay cả đến những con tuần lộc già cũng chạy nhanh hơn chú, những con chuột nhắt rừng lượn trước mũi chú [...]... Chú chẳng hề bắt được gì. Ngay đến cái đuôi của mình cũng không! Thật vụng về quá thể.

Nói vậy, nhưng chẳng nhẽ chú không được việc gì? May sao, chú còn có Sói Bà. Sói Bà già lắm. Già tới mức cũng chẳng thể bắt được gì nữa. [...] Bà chậm chạp chỉnh trang bộ lông, rồi cẩn thận lau rửa. Vì Sói Bà có một bộ lông đẹp tuyệt vời. Sáng lấp lánh như bạc. [...] Việc của Vụng Về là vầy: nuôi Sói Bà. Khi có con tuần lộc bị tóm, hốp! Cái đùi nó để phần bà.

– Cháu không thấy nặng quá chứ Vụng Về?

– Chẳng nặng tí nào, bà ạ.

– Tốt, đừng lang thang trên đường nhé!

– Hãy đi đứng cho cẩn thận!

– Và phải dè chừng Con Người đấy!

[...]

– Con Người đã giết Sói Bà, họ lấy bộ lông của bà đem làm áo choàng, lấy đôi tai bà làm mũ và, lấy mõm bà làm thành chiếc mặt nạ.

– Thế... rồi sao nữa ạ?

– Sao ư? Thôi, đến giờ đi ngủ rồi các con ạ, mai mẹ kể tiếp.

(Đa-ni-en Pen-nắc, *Mắt sói*, Ngân Hà *dịch*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014, tr. 35 – 40)

1. Trong đoạn trích có những tuyến truyện nào được lồng ghép với nhau?
   A. Tuyến truyện về mẹ Hắc Hoả và tuyến truyện về đàn sói con
   B. Tuyến truyện về Sói Lam và tuyến truyện về sói em Ánh Vàng
   C. Tuyến truyện về Sói Bà và tuyến truyện về sói cháu Vụng Về
   D. Tuyến truyện về gia đình Sói Lam và tuyến truyện về hai bà cháu sói Vụng Về
2. Câu nào sau đây KHÔNG nêu đúng chi tiết thể hiện sự cảnh giác của nhà sói trong đêm tối?
   A. Sói Xám Em Họ ngồi chót vót trên tảng đá cao nhất giữa thung lũng.
   B. Sói Lam nằm ngay lối vào hang.
   C. Sói Mẹ Hắc Hoả ru bầy sói con trong đáy hang.
   D. Sói mẹ vừa ru vừa kể chuyện cho bầy sói con nghe.
3. Tại sao sói mẹ kể chuyện về hai bà cháu sói Vụng Về cho các con nghe?
4. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Sói Bà trong đoạn trích.
5. Chỉ ra sự thay đổi lời người kể chuyện trong đoạn trích.
6. Tìm và nêu tác dụng của việc sử dụng trợ từ trong các câu sau:
   a. *Sói Lam nằm ngay lối vào hang, còn Sói Mẹ Hắc Hoả ru bầy sói con trong đáy hang.*
   b. *Ngay cả đến những con tuần lộc già cũng chạy nhanh hơn chú, những con chuột nhắt rừng lượn trước mũi chú...*

Bài tập 4. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Khi tỉnh lại, Sói Lam chỉ mở được một mắt. Nó đã không bị giết. Bộ lông nó quá tơi tả sau cuộc giao tranh với con người nên chẳng bán được nữa. Vì thế mà nó được đưa tới vườn thú này. [...]

Lẻ loi vô cùng. Cho tới ngày người ta cho một con sói cái vào chuồng của nó.

Lúc đầu, Sói Lam không thích chút nào. Vì nó đã quen sống cô độc. Nó thích hồi tưởng về những kỉ niệm của mình hơn là cần một người bạn đồng hành. Con sói cái thì hỏi đủ thứ chuyện. [...]

– Tôi đến từ Ba-ren Len (Barren Lands), ở Bắc Cực.

Sói Lam như ngừng thở. Vùng "Ba-ren Len" ư? Đúng là tên mà con người đã đặt cho nơi họ bắt nó. [...]

– Cô có biết một cô sói con màu vàng không?

– Ánh Vàng à? Có phải con gái của Mẹ Hắc Hoả và Bố Đại Sói không? Tất nhiên tôi biết chứ! Nhưng cô ấy đâu có bé, cô ấy to lắm. To hơn cả những con sói to. Hơn nữa, cô ấy không phải lông vàng...

– Sao lại không phải lông vàng, cô nói gì lạ vậy?

– Thật mà, tôi không bao giờ nói dối đâu. Đúng là cô ấy đã từng có bộ lông vàng. Nhưng giờ thì không còn nữa rồi. Nó đã bị cháy.

– Bị cháy ư?

– Vâng. Có một đêm, cô ấy đi đâu đó với một người anh mà chẳng ai biết, và sáng hôm sau, cô ấy trở về một mình. Bộ lông đã bị cháy. Nó không sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời nữa. Chỉ còn màu rơm vàng! Mọi người nói là cô để tang cho anh mình. [...]

Gà Gô kể lại. Chuyện xảy ra vào mùa hè. Ba gia đình sói vây quanh một cái đầm lúc nhúc vịt. Trong đó có gia đình Ánh Vàng và gia đình Gà Gô. Ai nấy căng thẳng. Im phăng phắc. Bỗng có tiếng đập không khí phía trên đầu mà ai cũng nhận ra ngay. Đó là tiếng máy bay trực thăng! (Phải rồi, họ đã bắt đầu đi săn bằng trực thăng!) Và... Pằng! Pằng! Tiếng những phát súng đầu tiên. Cả bầy hoảng loạn! Bầy sói tán loạn chạy tứ phía, cứ như chúng bị gió từ chân cánh quạt đẩy bắn ra. May sao họ bắn trượt. [...] *Có Ánh Vàng lẫn trong đám cỏ mà không ai phát hiện ra, vì cùng màu rơm vàng! Bỗng, hấp, một cú nhảy tung lên! Cắc! Một miếng ngoạm vào cẳng chân viên phi công. Chiếc trực thăng cất cánh bay lên, lượn một vòng rất lạ, và bùm, nó rơi xuống giữa đầm!*

Gà Gô chạy vội về phía Ánh Vàng: "Bạn làm thế nào giỏi thế hả Ánh Vàng, kể đi?" [...]

– Vâng. Sau đó chiếc trực thăng nằm ngay giữa đầm, người lõm bõm lẫn trong lũ vịt (lũ vịt giận điên cuồng!), còn bầy sói ngồi trên bờ xung quanh đầm, và lăn ra cười,... anh không tưởng tượng được cười ghê gớm tới mức nào đâu! Mỗi Ánh Vàng là không cười.

– Sao cô ấy không cười?

– Chẳng bao giờ thấy cô ấy cười.

(Đa-ni-en Pen-nắc, *Mắt sói*, Ngân Hà *dịch*, Sđd, tr. 61 – 68)

1. Trong đoạn trích có những tuyến truyện nào được lồng ghép với nhau?
   A. Tuyến truyện về Sói Lam và tuyến truyện về sói Gà Gô
   B. Tuyến truyện về Sói Lam, Gà Gô và tuyến truyện về mẹ Hắc Hoả
   C. Tuyến truyện về gia đình Sói Lam và tuyến truyện về gia đình sói Gà Gô
   D. Tuyến truyện về Sói Lam, Gà Gô và tuyến truyện về Ánh Vàng
2. Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?
3. Sói Lam có tâm trạng như thế nào khi ở trong vườn thú?
4. Trong đoạn trích, Ánh Vàng đã giải cứu bầy sói như thế nào trước mối nguy hiểm từ những kẻ đi săn? Qua hành động đó, em hãy nhận xét về nhân vật Ánh Vàng.
5. Theo em, tại sao sói Gà Gô chẳng bao giờ thấy Ánh Vàng cười?

Bài tập 5. Đọc lại văn bản *Lặng lẽ Sa Pa* (từ *Phải, người hoạ sĩ già vừa nói chuyện đến lo nghĩ như vậy cho đất nước*) trong SGK (tr. 20) và trả lời các câu hỏi:

1. Dòng nào sau đây KHÔNG phải suy nghĩ của người hoạ sĩ khi vẽ anh thanh niên?
   A. Ông cảm thấy bất lực khi vẽ chân dung anh thanh niên
   B. Vẽ là một việc khó, nặng nhọc, gian nan
   C. Cần làm cho người thanh niên hiện lên đẹp như một ngôi sao xa
   D. Hoàn thành được bức vẽ về người thanh niên còn là chặng đường dài
2. Trong đoạn trích trên, nhân vật anh thanh niên được khắc hoạ chủ yếu ở phương diện nào?
   A. Ngoại hình B. Suy nghĩ
   C. Hành động D. Lời nói
3. Em hiểu thế nào về suy nghĩ của người hoạ sĩ: *"Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội hoạ trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời."*?
4. Anh thanh niên đã giới thiệu những ai để ông hoạ sĩ có thể vẽ? Điều đó cho thấy nét tính cách gì ở nhân vật anh thanh niên?

5. Tìm một câu trong đoạn trích có thán từ và nêu tác dụng của việc dùng thán từ đó trong câu.

Bài tập 6. Đọc lại văn bản *Chiếc lá cuối cùng* (từ *Khi trời vừa hửng sáng* đến *chiếc lá cuối cùng đã rụng*) trong SGK (tr. 34 – 35) và trả lời các câu hỏi:

1. Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của ai?

   A. Lời của người kể chuyện ngôi thứ ba
   B. Lời của nhân vật Xiu
   C. Lời của nhân vật Giôn-xi
   D. Lời của vị bác sĩ

2. Câu nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng tâm trạng của Giôn-xi khi nằm nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng?

   A. Giôn-xi không còn bi quan, tuyệt vọng nữa.
   B. Giôn-xi thấy cuộc sống có nhiều ý nghĩa.
   C. Giôn-xi thấy ân hận về tâm trạng trước đây của mình.
   D. Giôn-xi chán nản và muốn chết.

3. Câu nào sau đây chứa thán từ?

   A. *Muốn chết là một tội.*
   B. *Xiu ơi, em hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ.*
   C. *Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác.*
   D. *Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng.*

4. Xiu cho rằng chiếc lá thường xuân "chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Bơ-men". Em có đồng tình với điều đó không? Vì sao?

5. Nêu một bài học em rút ra được từ đoạn trích.

Bài tập 7. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

BÂY GIỜ BẠN Ở ĐÂU?

Đó là một buổi học bình thường gần cuối năm học lớp Tám.

Vừa bước chân vào lớp, tôi cảm thấy ngay một không khí khác thường bao trùm đến cả hơi thở. [...]

– Nhân vật chính đã đến! – Tiếng thằng Đinh, một trong những miệng lưỡi ác nhất đám con trai.

Tôi nhét cặp vào hộp bàn, ngẩng lên chợt bắt gặp nhiều đôi mắt đang đổ dồn về phía mình. Tôi lập tức hiểu rằng "nhân vật chính" chẳng phải ai khác, cũng lập tức nghĩ xem mình có làm điều gì khiến mấy chục cặp mắt phải có cái nhìn khác thường kia. [...]

Cô giáo vừa ra khỏi lớp, thằng Đinh lại oang oang:

– E hèm, bọn mày chú ý này, xem có hay như tiểu thuyết không nhé: Nàng có hai bím tóc xinh xinh như hai quả đào, vầng trán sao mà tinh khiết, thông minh, riêng đôi mắt thì lại buồn buồn thế nào ấy...

Mấy đứa con trai to mồm cười lên hô hố. Có vài đứa con gái cũng khúc khích cười theo.

Bấy giờ cái Thuỷ ngồi cạnh tôi mới thì thào vào vai tôi:

– Bọn nó đang đọc nhật kí của thằng Bình viết về mày đấy! Chả biết thằng Bình để quên sổ thế nào mà thằng Lượng trọ cùng nhà lại vớ được. [...]

Những ngày sau đó thật khủng khiếp đối với tôi. Tin về cuốn nhật kí của thằng Bình lan nhanh như gió từ lớp tôi ra khắp trường. [...]

Tôi bắt đầu thấy căm ghét thằng Bình. Nó chính là kẻ đã gây ra tai hoạ cho tôi – còn ai vào đây nữa! [...]

Chuyện cuốn nhật kí của Bình rồi cũng lùi vào quên lãng, nếu không có một hôm, vào năm thứ tư của tôi ở trường đại học, Đinh đột ngột xuất hiện. Chỉ tiếc là hôm Đinh đến tôi lại đi vắng. Lúc về, người ta chuyển cho tôi một gói quà nhỏ. Kẹp bên ngoài gói quà là lá thư ngắn Đinh gửi lại: "Tâm! Tìm mãi mới thấy Tâm. Mình vừa ra Bắc được ít tháng nay. Mình đã gặp Bình ở trong ấy và đã hứa chuyển tận tay Tâm "món quà" của Bình. Hãy coi đây là việc làm chuộc cái lỗi ngày xưa của mình với hai bạn. Bình nhắn "Một lần nữa xin lỗi Tâm!" đấy. Hẹn gặp lại".

Tôi đã quên chuyện cũ từ lâu, giờ cầm cuốn sổ bìa nâu sậm, nỗi ám ảnh kinh hoàng xưa chợt trở về. Lại nhớ lần chuyện trò duy nhất giữa tôi và Bình hồi đó. [...]

– Mình xin lỗi Tâm! Nhưng mình thề là trong cuốn sổ ấy không hề có một điều gì xúc phạm Tâm. Nếu Tâm muốn, mình sẽ đưa Tâm xem...

Tôi, với nỗi uất ức dồn nén bao nhiêu ngày, bởi bao nhiêu người (mà mãi sau này tôi mới hiểu không hề có Bình trong số họ) bỗng hét lên:

– Đi đi, tớ không muốn nghe nữa! Không bao giờ tớ thèm đọc cuốn sổ của cậu đâu mà đưa!

Hè năm đó, gia đình Bình chuyển đi nơi khác. Tôi thật nhẹ cả người khi được bọn bạn thông báo tin ấy, hôm khai giảng năm học mới.

Thời buổi chiến tranh. Mỗi đứa mỗi nơi, ngay cả bạn bè cùng học với tôi đến hết cấp ba giờ nhiều đứa không liên lạc được gì với nhau huống chi Bình. [...]

Chữ Bình cứng cáp và phóng khoáng, rất dễ đọc. Đây cuốn sổ là những trang nhật kí của một cậu học trò đang lớn, được giáo dục cẩn thận, quan tâm đến nhiều vấn đề ở xung quanh, giàu tình thương và trách nhiệm. Dành cho cô bé Tâm lớp 8A dạo đó là

một số trang rải rác, bắt đầu như thế này: "Hôm nay mình nhận nhiệm vụ hộ tống mẹ đi chợ Tết. Chợ tỉnh có khác, đông quá, khác hẳn cái chợ huyện ngoài quê mình. Qua dãy hàng rau, mình chợt nhìn thấy một gương mặt quen (tuy rằng chưa quen lắm, vì mình mới đi học ở trường mấy buổi). Thì ra đó là một bạn gái cùng lớp mình, ngồi cạnh cửa sổ, ngay trước bàn mình. Đúng rồi, hai bím tóc như hai quả đào, gương mặt bầu bầu hiền hậu và đôi mắt buồn buồn mà mình chú ý ngay buổi đầu đến lớp. Tên bạn ấy là Tâm thì phải. Bữa nay Tâm mặc cái áo cánh gụ vá một miếng ở vai, nhìn lạ hẳn so với khi đi học. Không hiểu vì sao, nhìn bạn ấy ngồi bán rau giữa những người bán rau tiều tuỵ khác, mình thấy thương Tâm quá. Chắc là nhà Tâm nghèo lắm. Mình thì quá sướng. Chỉ có cái việc nấu bữa cơm chiều mà cũng không xong...".

Trở đi trở lại các trang nhật kí của Bình là nỗi day dứt về hoàn cảnh sống của gia đình tôi (không hiểu Bình biết được bằng cách nào?). Tôi càng đọc càng bồi hồi vì tấm lòng bạn. Lũ bạn lớp tôi hồi ấy quá vô tư, hầu như không đứa nào để ý đến gánh rau tôi đi bán hằng ngày. Duy chỉ có Bình – Bình ơi!

Thế mà Bình đã hi sinh dạo mùa xuân năm 1975, không cho tôi có được một lần gặp lại và xin lỗi. Cuốn sổ của Bình sẽ theo tôi đến hết đời...

(Trần Thiên Hương, *Bây giờ bạn ở đâu?*,
in trong *Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi*, tập 5,
Trần Hoài Dương *tuyển chọn*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr. 69 – 76)

1. Câu nào sau đây KHÔNG thể hiện lí do Đinh chuyển gói quà cho Tâm?
   A. Đinh muốn gặp Tâm để ôn lại những kỉ niệm thời học trò.
   B. Đinh đã hứa với Bình sẽ chuyển tới Tâm món quà của Bình.
   C. Đinh muốn chuộc lỗi ngày xưa với Tâm và Bình.
   D. Đinh muốn chuyển lời xin lỗi của Bình đến Tâm.
2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: *"Tin về cuốn nhật kí của thằng Bình lan nhanh như gió từ lớp tôi ra khắp trường."*?
   A. Ẩn dụ B. Hoán dụ
   C. Nhân hoá D. So sánh
3. Câu chuyện trong văn bản trên được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?
4. Trong văn bản, các nhân vật Đinh, Bình, Tâm xin lỗi nhau vì điều gì?
5. Phân tích sự thay đổi thái độ, cảm xúc của nhân vật Tâm với Bình trong văn bản.
6. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Bình trong văn bản.
7. Nêu một bài học em rút ra được từ văn bản.

VIẾT

Bài tập 1

Lập dàn ý cho đề văn sau: Phân tích truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O. Hen-ry.

Bài tập 2

Chọn một luận điểm trong phần Thân bài của dàn ý đã thực hiện ở bài tập 1 để viết thành một đoạn văn.

Bài tập 3

Viết bài văn phân tích truyện ngắn *Bây giờ bạn ở đâu?* của Trần Thiên Hương.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Em hãy điền những thông tin về hai cuốn sách (truyện) mà em yêu thích vào bảng (kẻ vào vở) theo gợi ý dưới đây:

Tên cuốn sách	
Tác giả	
Thể loại	
Nhà xuất bản, năm xuất bản	
Nội dung	
Chủ đề	
Đặc điểm nghệ thuật nổi bật	
Sự đón nhận của độc giả	
Đánh giá của em	

Bài tập 2

Từ kết quả thực hiện bài tập 1, hãy giới thiệu trong nhóm học tập về một cuốn sách (truyện) mà em yêu thích.

Bài 7 TIN YÊU VÀ ƯỚC VỌNG

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc lại đoạn thơ từ *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày* đến *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* trong bài *Đồng chí*, SGK (tr. 38) và trả lời các câu hỏi:

1. Người bộc lộ cảm xúc trong đoạn thơ là ai? Cảm xúc được thể hiện trong đoạn thơ đó là gì?
2. Nêu những biểu hiện của tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ.
3. Xác định biện pháp tu từ được dùng trong câu thơ *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính* và nêu tác dụng.
4. Chỉ ra phó từ trong câu sau và nêu ý nghĩa mà phó từ đó bổ sung: *Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh.*

Bài tập 2. Đọc lại văn bản *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* trong SGK (tr. 57 – 58) và trả lời các câu hỏi:

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu nhận xét về đặc điểm vần, nhịp của bài thơ.
2. Xác định người bộc lộ cảm xúc và đối tượng hướng tới của cảm xúc trong bài thơ.
3. Xác định mạch cảm xúc của bài thơ.
4. Em có cảm nhận gì về hình ảnh những chiếc xe không kính?
5. Nhận xét về vẻ đẹp của hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn trong bài thơ.
6. Chỉ ra các biện pháp tu từ được dùng ở khổ thơ thứ nhất và nêu tác dụng.
7. Xác định biện pháp tu từ trong câu thơ *Chỉ cần trong xe có một trái tim* và nêu ý nghĩa của hình ảnh trái tim.
8. Chỉ ra một số từ ngữ trong bài thơ thể hiện đặc điểm ngôn ngữ của những người lính lái xe Trường Sơn. Các từ ngữ đó gợi cho em cảm nhận gì về hình ảnh người lính?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

KHÚC BẢY

chúng tôi không mệt đâu
nhưng cỏ sắc mà ấm quá!

tuổi hai mươi thằng em tôi sững sờ
một cánh chim mảnh như nét vẽ
nhiều đổi thay như một thoáng mây
khi chúng tôi nằm nó vẫn ngồi nguyên đó
ngậm im lìm một cọng cỏ may

những dấu chân rồi lùi lại phía sau
dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất
mười tám hai mươi sắc như cỏ
dày như cỏ
yếu mềm và mãnh liệt như cỏ

cơn gió lạ một chiều không rõ rệt
hoa chuẩn bị âm thầm trong đất
nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên
hơn một điều bất chợt

chúng tôi đã đi không tiếc đời mình
(nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)
nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?

cỏ sắc mà ấm quá, phải không em?

(Thanh Thảo, trích Chương 1. *Chiếc áo ngắn*, trường ca *Những người đi tới biển*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr. 138 – 139)

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? Căn cứ vào đâu để xếp đoạn thơ vào thể thơ đó?
2. Ai là người bộc lộ tình cảm, cảm xúc trong đoạn thơ và tình cảm, cảm xúc ấy được dành cho ai?
3. Chỉ ra mạch cảm xúc của đoạn thơ.
4. Cách chia khổ của đoạn thơ có gì đặc biệt? Theo em, cách chia ấy có tác dụng gì trong việc biểu đạt mạch cảm xúc của nhà thơ?

5. *tuổi hai mươi thằng em tôi sững sờ*
   một cánh chim mảnh như nét vẽ
   nhiều đổi thay như một thoáng mây
   Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ trên.
6. Xác định những câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá, điệp ngữ trong đoạn thơ và nêu tác dụng.
7. Nêu cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ.

Bài tập 4. Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

NGỌN ĐÈN ĐỨNG GÁC

Trên đường ta đi đánh giặc
Ta về nam hay ta lên bắc,
Ở đâu
Cũng gặp
Những ngọn đèn dầu
Chong mắt
Đêm thâu

Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt
Như những tâm hồn không bao giờ biết tắt,
Như miền Nam
Hai mươi năm
Không đêm nào ngủ được,
Như cả nước
Với miền Nam
Đêm nào cũng thức

Soi cho ta đi
Đánh trận trường kì
Đèn ta thắp niềm vui theo dõi
Đèn ta thắp những lời kêu gọi.
Đi nhanh đi nhanh
Chiến trường đã giục
Đầy núi đầy sông
Đèn ta đã mọc.

Trong gió trong mưa
Ngọn đèn đứng gác
Cho thắng lợi, nối theo nhau
Đang hành quân đi lên phía trước.

1965

(Chính Hữu, *Đầu súng trăng treo*, NXB Văn học, Hà Nội, 1984, tr. 57 – 58)

1. Xác định thể thơ của bài thơ và nêu căn cứ để xác định thể thơ.
2. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là ai? Cảm xúc bộc lộ trong bài thơ là gì và vận động, phát triển như thế nào?
3. Hình ảnh xuyên suốt bài thơ là gì? Nêu ý nghĩa của hình ảnh đó.
4. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt
Như những tâm hồn không bao giờ biết tắt,
Như miền Nam
Hai mươi năm
Không đêm nào ngủ được,
Như cả nước
Với miền Nam
Đêm nào cũng thức.

5. Em có cảm nhận như thế nào về cảm hứng chủ đạo của bài thơ?

Bài tập 5. Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

VẦNG TRĂNG VÀ NHỮNG QUẦNG LỬA

Bom bi nổ chậm nổ trên đỉnh đồi
Lốm đốm nền trời những quầng lửa đỏ
Một lát sau cũng từ phía đó
Trăng lên.

Trong ánh chớp nhoáng nhoàng cây cối ngả nghiêng
Một tổ công binh đứng ngồi bên trạm gác
Cái cậu trẻ măng cất lên tiếng hát
Khi biết trong hầm có cô bé đang nghe.

Trong ánh chớp nhoáng nhoàng là những đoàn xe
Buông bạt kín rú ga đi vội
Trên đỉnh đồi vẫn vừng trăng đỏ ối
Tưởng cháy trong quầng lửa bom bi.

Những đồng chí công binh lầm lì
Mùi bộc phá trộn vào trong tiếng hát
Trên áo giáp lấm đầy đất cát
Lộp độp cơn mưa bi sắt đuối tầm.

Hun hút đường khuya rì rầm rì rầm
Tiếng mạch đất hai miền hoà làm một
Và vầng trăng, vầng trăng đất nước
Vượt qua quầng lửa, mọc lên cao.

(Phạm Tiến Duật, *Vầng trăng quầng lửa*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 67 – 68)

1. Xác định thể thơ và nêu những nét đặc sắc về cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ. Những nét đặc sắc đó đóng góp gì vào việc biểu đạt cảm xúc của bài thơ?
2. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là ai và ai là đối tượng hướng tới của cảm xúc đó?
3. Ghi lại mạch cảm xúc trong bài thơ *Vầng trăng và những quầng lửa*.
4. Xuất hiện xuyên suốt bài thơ là hai hình ảnh vầng trăng và những quầng lửa. Theo em, việc đặt hai hình ảnh đó bên nhau có ý nghĩa gì?
5. Dưới ánh sáng của vầng trăng và những quầng lửa, những hình ảnh nào đã hiện lên? Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của những hình ảnh ấy.
6. Xác định các từ láy trong bài thơ và nêu tác dụng của các từ láy đó.
7. Cảm hứng chủ đạo nào đã khơi gợi mạch cảm xúc của bài thơ?

Bài tập 6. Đọc bài thơ sau của Lưu Quang Vũ và trả lời các câu hỏi:

LÁ BƯỞI LÁ CHANH

Công sự pháo
Phủ đầy nguỵ trang xanh
Trong những chùm cây dại
Có vài cành bưởi cành chanh.

Giữa giờ chiến đấu
Mẹ già em bé trong thôn
Đã bẻ cả cây vườn
Cả cành chanh cành bưởi
Đem tới làm nguỵ trang cho bộ đội.

Chiến hào nắng chói
Bỗng thơm mùi bưởi, mùi chanh
Chan chứa lòng anh bộ đội
Bao nhiêu ân tình...

Ôi lá bưởi lá chanh
Hương vị quê nhà quen thuộc quá
Như ngày thơ nhỏ
Có cây bưởi cạnh cầu ao
Mấy gốc chanh ven hàng rào
Bưởi chín về mùa thu
Chanh sai về mùa hạ
Mẹ chăm gốc nhiều nên ngon quả.

Chanh bâng khuâng mùi lá
Lời mẹ thường hát đó:
"Con gà cục tác lá chanh"...
Bưởi cứ mùa xuân hoa trắng nở
Hương thơm ngát cả thân cành
Đi xa lòng vẫn nhớ
Dáng quê hương trong cây lá hiền lành...
Lá chanh đầu ai thường gội
Mái tóc dài ai cài hoa bưởi
Buổi ban đầu vấn vương...

Cây lá nơi này cây lá quê hương
Ôi những mẹ những em ta hiền hậu
Những cô gái cùng ta chiến đấu
Giống như người con gái hôm xưa...

Máy bay quân thù
Đốt những vườn cây sém lửa
Chồi biếc bây giờ đứt nhựa
Thân cành đau không cây ơi
Bầm gan tím ruột bao người.

Cả quê nhà
Cùng ta chiến đấu
Từng viên đạn lắp vào nòng pháo
Bồi hồi nghe hương lá bưởi lá chanh.

Vĩnh Phúc, 10 – 1965

(Lưu Quang Vũ – Bằng Việt, *Hương cây – Bếp lửa*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1968, tr. 22 – 24)

1. Bài thơ *Lá bưởi lá chanh* của nhà thơ Lưu Quang Vũ có phải là thơ tự do không? Vì sao?
2. Xác định người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ và đối tượng của cảm xúc đó.
3. Cảm xúc của bài thơ vận động như thế nào?
4. Nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của hình ảnh lá bưởi, lá chanh.
5. *Chồi biếc bây giờ đứt nhựa*

   Thân cành đau không cây ơi

   Biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ trên là gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.
6. Trong câu thơ *Hương vị quê nhà quen thuộc quá* có sự kết hợp từ nào đặc biệt? Nêu tác dụng của sự kết hợp đặc biệt đó.
7. Cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn từ cảm hứng chủ đạo nào?

VIẾT

Bài tập 1

Viết đoạn văn (khoảng 9 – 12 câu) nêu cảm nghĩ của em về bài thơ *Lá bưởi lá chanh* của Lưu Quang Vũ, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một biện pháp tu từ.

Bài tập 2

Viết đoạn văn (khoảng 9 – 12 câu) nêu cảm nghĩ của em về bài thơ *Vầng trăng và những quầng lửa* của Phạm Tiến Duật.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Đêm tối dù kéo dài thế nào đi chăng nữa thì bình minh cũng sẽ luôn ló rạng.

(W. Sếch-xpia)

Lập dàn ý cho phần trình bày ý kiến của em về câu danh ngôn trên.

Bài tập 2

Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời.

(Bê-lin-xki)

Lập dàn ý cho bài nói trình bày ý kiến của em về câu danh ngôn trên.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Tìm đọc một số truyện ngắn có cốt truyện đơn tuyến hoặc đa tuyến viết về sự phong phú, đa dạng của cuộc sống. Ghi vào nhật kí đọc sách một số điểm đáng chú ý về đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu, đặc điểm của cốt truyện; sự thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm,... của em sau khi đọc tác phẩm.

Bài tập 2

Tìm đọc một số bài thơ tự do thể hiện niềm tin yêu cuộc sống và ước vọng của con người. Ghi vào nhật kí đọc sách đề tài, chủ đề và những nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc, biện pháp tu từ; cảm hứng chủ đạo của nhà thơ thể hiện trong văn bản; cảm nghĩ của em về bài thơ đã đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8 NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc lại văn bản *Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam* (từ *Không còn những ước lệ văn hoa sang trọng* đến *một câu thơ hiếm có*) trong SGK (tr. 62 – 63) và trả lời các câu hỏi:

1. Nội dung chính của đoạn trích là gì? Những câu văn nào thể hiện rõ nhất nội dung ấy?
2. Tác giả cho rằng bài thơ *Thu ẩm* là *"tổng hợp của nhiều thời điểm, khái niệm, khái quát về cảnh thu"*. Em hãy dẫn ra một vài lí lẽ, bằng chứng mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ điều đó.
3. Xuân Diệu cảm nhận như thế nào về câu thơ *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*? Em có nhận xét gì về cách cảm nhận của Xuân Diệu?
4. Các cụm từ *theo tôi, cho nên tôi hiểu* trong đoạn trích có tác dụng gì?
5. Tác giả cho rằng các câu 2, 3, 4, 5 của bài thơ *Thu ẩm "hay trong cái thực của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, chứ không bay đi đâu xa khác"*. Em hiểu như thế nào về đánh giá trên?

Bài tập 2. Đọc lại văn bản *Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam* (từ *Trong ba bài thơ* đến *cho nhẹ nhõm trong sáng?*) trong SGK (tr. 63) và trả lời các câu hỏi:

1. Đoạn trích thể hiện nội dung gì? Dựa vào đâu em có thể xác định điều đó?
2. Tác giả đã làm sáng tỏ nhận xét *"Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở trong bầu trời, ở trên trời thu."* như thế nào?
3. Xuân Diệu đã diễn giải ý hai câu kết của bài thơ *Thu vịnh* như thế nào? Em hãy nhận xét về cách phân tích hai câu kết của tác giả.
4. Em có nhận xét gì về cách tác giả nêu bằng chứng trong đoạn trích?
5. So với cách phân tích bằng chứng trong đoạn trích ở bài tập 1, cách phân tích bằng chứng trong đoạn này có gì khác biệt?

Bài tập 3. Đọc lại văn bản *Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam* (từ *Bài "Thu vịnh" có thần hơn hết đến sự "đắc đạo" trong nghệ thuật ngôn ngữ*) trong SGK (tr. 63 – 64) và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:

1. Nội dung chính của đoạn trích là:

   A. Trong chùm thơ thu, bài *Thu điếu* là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam.

   B. Trong chùm thơ thu, bài *Thu điếu* là điển hình hơn cả cho mùa thu của nông thôn miền Bắc Việt Nam.

   C. Trong chùm thơ thu, bài *Thu điếu* mang cái thần của mùa thu xứ Bắc Việt Nam.

   D. Trong chùm thơ thu, bài *Thu điếu* thể hiện rõ hơn cả nghệ thuật ngôn ngữ thơ Nguyễn Khuyến.

2. Theo tác giả, so với ngôn ngữ thơ của thời Lê Hồng Đức, ngôn ngữ trong bài *Thu điếu* có đặc điểm gì?

   A. Gieo vần khó một cách tài tình

   B. Kết hợp từ đúng lúc, đúng chỗ

   C. Ngôn ngữ thơ thoải mái, tự nhiên

   D. Ngôn ngữ thơ có sự đối xứng hài hoà

3. Câu văn *"Bài "Thu vịnh" có thần hơn hết, nhưng ta vẫn phải nhận bài "Thu điếu" là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ)."* sử dụng thành phần biệt lập nào?

   A. Thành phần tình thái B. Thành phần cảm thán

   C. Thành phần chêm xen (phụ chú) D. Thành phần gọi – đáp

4. Điểm thú vị nào sau đây của bài *Thu điếu* KHÔNG được tác giả đề cập trong đoạn trích?

   A. Màu sắc của cảnh vật B. Các chuyển động của cảnh vật, con người

   C. Cách gieo vần, kết hợp từ D. Cách sử dụng từ láy

5. Nhận xét *"Cái thú vị của bài "Thu điếu" là ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi."* đã khẳng định điều gì?

   A. Màu sắc chủ đạo của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ là màu xanh và màu vàng.

   B. Bài *Thu điếu* gợi vẻ đẹp giản dị, chân thực của mùa thu Bắc Bộ, không hề ước lệ, sáo mòn.

C. Gam màu xanh là đặc trưng của bài *Thu điếu*, khác với hai bài thơ *Thu ẩm* và *Thu vịnh*.

D. Các "điệu xanh" thể hiện sự phong phú, đa dạng của màu sắc trong bài *Thu điếu*.

Bài tập 4. Đọc lại đoạn (3) văn bản *Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa* trong SGK (tr. 67 – 68) và trả lời các câu hỏi:

1. Theo tác giả, ý nghĩa của văn học nằm ở đâu?
2. Tác giả cho rằng ngoài văn bản, phải tìm hiểu lịch sử, văn hoá, tâm lí,... mới thực sự là đọc hiểu văn bản nghệ thuật. Em hãy lấy ví dụ chứng minh cho điều đó.
3. Tác giả quan niệm "tác phẩm văn học có nhiều tầng nghĩa, đa nghĩa, mơ hồ, không dễ gì tóm lược được vào một câu nhận định hay công thức nào đó". Bằng trải nghiệm đọc của mình, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
4. Trong đoạn trích, có ba câu được bắt đầu bằng cụm từ *không ai*. Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?
5. Em có nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ của tác giả trong đoạn trích?

Bài tập 5. Đọc lại văn bản *Nắng mới – sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng* trong SGK (tr. 83 – 85) và trả lời các câu hỏi:

1. Vấn đề được tác giả bàn luận trong văn bản là gì?
2. Tác giả đã giải thích như thế nào về nghĩa của cụm từ *nắng mới*?
3. Trong cảm nhận của tác giả, nắng mới của hiện tại và hoài niệm khác nhau như thế nào? Vì sao lại có sự khác biệt ấy?
4. Tác giả đã phân tích những hình ảnh nào trong bài thơ để đi đến nhận định: "không nhiều hình ảnh nhưng hình ảnh nào cũng linh động, cũng rất có hồn"? Em có nhận xét gì về cách phân tích của tác giả?
5. Tác giả cho rằng: "*Nắng mới* là một bài thơ hết sức thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng.". Em hiểu ý kiến trên như thế nào?
6. Em hãy chỉ ra trong văn bản một số câu văn thể hiện đánh giá chủ quan của người viết.
7. Em hãy xác định thành phần biệt lập trong câu văn sau và chỉ ra tác dụng của nó: "*Đọc bài thơ này chắc ta chẳng còn thờ ơ với mỗi năm một lần nắng mới.*".

Bài tập 6. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Trong số không nhiều nhân vật của bức tranh mộc mạc mà đầm ấm không khí gia đình ấy, bé Sơn là cậu bé có tâm hồn đa cảm khi em "cầm giơ những cái áo len

thấy mát lạnh cả tay". Hoặc "Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ lâu lắm"... Nếu Thạch Lam chợt dừng ở đó thì tuy chưa phải là một truyện ngắn nhưng đã là một tuỳ bút rất hay với tiêu đề: cảm nhận của Sơn trong cái phút chuyển mùa. Nhưng vì là một truyện ngắn nên bức tranh trở dạ của thiên nhiên có gài thêm vào một chi tiết để móc nối với phần sau. Nhưng hoàn toàn không hề khiên cưỡng, mà trái lại, rất tự nhiên. Đó là khi tìm áo cho các con, mẹ Sơn có giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn mà nói với mọi người: "Đây là áo của cô Duyên đây". Vĩ thanh của phần thứ nhất, đầu mối của câu chuyện cũng từ chi tiết bất ngờ tưởng như là "ngoài cuộc" ấy. Sở dĩ gọi nó là vĩ thanh của đoạn đầu bởi đây là thời điểm lắng lại của tình thương mến xa xôi hướng về một người thân đã không còn bao giờ có mặt. Tất cả những người trong gia đình đều bồi hồi xúc động, lẽ ấy đương nhiên. Riêng với Sơn, có lẽ vì gần tuổi với Duyên, nên câu nhắc của mẹ làm Sơn nhớ em mà "cảm động và thương em quá". Còn người nhắc, có thể cũng do vô tình, nhưng tự nó chạm đến chỗ đau, mẹ Sơn không kém phần thương nhớ Duyên thiệt phận, nhưng bà biết kìm nén lòng mình. Chỉ những ai tinh ý và đồng điệu với nỗi niềm này mới "giải mã" được tiếng nói vô ngôn. Chẳng thế mà khi vú già nhắc đến Duyên, người mẹ đã không nói gì. Nhưng đến lúc Sơn lại gần để mặc áo, "Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt". Bởi vậy, "Đây là áo của cô Duyên đây" là một chi tiết bất ngờ mà vô cùng quan trọng. Giả sử không có nó thì chị em Sơn dù có thương Hiên đến mấy cũng đành phải bó tay mà ngậm ngùi thương cảm, không xác lập được hình thức của tình thương. Không có nó thì mạch truyện đứng yên không còn khả năng tung phá, mở những hướng đi bất ngờ để từ đó mỗi nhân vật có một lần tự nhận diện trong sự cọ xát vào nhau mà phát sáng...

(*Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường, Thạch Lam và Hồ Dzếnh,* Lê Bảo *biên soạn và tuyển chọn*, NXB Giáo dục, 1999, tr. 66 – 67)

1. Đoạn trích tập trung phân tích tác dụng của chi tiết nào trong truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*?
2. Nhận xét *"bé Sơn là cậu bé có tâm hồn đa cảm"* được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào?
3. Theo tác giả, vì sao chi tiết mẹ Sơn nói với mọi người về chiếc áo của em Duyên lại vô cùng quan trọng? Em có nhận xét gì về cách giải thích của tác giả?
4. Em hãy tìm trong đoạn trích các câu văn có sử dụng thành phần biệt lập và cho biết tác dụng của thành phần biệt lập đó.

Bài tập 7. Đọc đoạn trích sau của Văn Giá và trả lời các câu hỏi:

Nhà văn tập trung bút lực miêu tả hình ảnh màu xanh của nước biển chiều và hình ảnh mặt trời đang lên trên biển. Đến đây, người đọc mới thực sự được chứng kiến cuộc chạy đua của ngôn từ Nguyễn Tuân với tạo hoá. Hay nói cách khác, đây là những màn trình diễn ngôn từ nghệ thuật thật náo nhiệt, ngoạn mục của Nguyễn Tuân. Hãy xem tác giả nói về màu xanh của nước biển chiều: "xanh quá quắt", "xanh như lá chuối non", "xanh như lá chuối già", "xanh như mùa thu ngả cốm làng Vòng". Cách ví von của dân gian thường ví sự vật này với sự vật khác có một vài đặc điểm tương đồng. Ba trường hợp trên, Nguyễn Tuân đã đi theo cách này. Song không chỉ dừng lại ở một cách này, mà ông đã đem ví màu xanh nước biển với những hình ảnh trong vốn liếng văn chương cổ điển: "xanh như cái màu áo Kim Trọng", "xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư mã". Đi xa hơn nữa, ông ví nó với "trang sử loài người, lúc con người còn phải viết vào thân tre"; và với "màu xanh dầu xăng của những người thiếu quê hương". Những cách ví von này, như tác giả thú nhận: vẫn còn hơi trừu tượng. Chúng được huy động ra từ vốn văn hoá rộng rãi và sự nếm trải cuộc đời của tác giả. Đến đây, người đọc bỗng nhớ đến những trang văn trong bút kí "Thiếu quê hương" của nhà văn viết những năm trước cách mạng. Một chàng Nguyễn sống xê dịch, sống dài dạc, hoang mang, bế tắc, sống ngay trong lòng Tổ quốc mà vẫn cảm thấy "thiếu quê hương". Đó là cái màu xanh ốm yếu, bệnh tật. Nhà văn không ngần ngại nhớ về một mảng đời đã qua, và như thế dường như để cảm nhận cho sâu hơn cái màu xanh trong trẻo và thuần khiết của nước biển Cô Tô chiều nay. Cách ví von một sự vật cụ thể với một ý tưởng trừu tượng vẫn là cách thường dùng của ngòi bút Nguyễn Tuân, và trong nhiều trường hợp, ông đã rất thành công. Cả đoạn văn ở trên, nhà văn không chỉ miêu tả màu nước biển, mà còn miêu tả bản thân quá trình lựa chọn ngôn từ của chính mình. Một cách ví von vừa được đưa ra, ngay sau đó đã là một sự nghi ngờ, phủ định; rồi tiếp tục lại xuất hiện các cách ví von khác. Qua đoạn này, nhà văn đã tiến hành mô tả kép cùng một lúc hai đối tượng: màu xanh nước biển và cuộc săn tìm chữ nghĩa của chính mình. Người đọc thấy được vẻ đẹp trong rất nhiều sắc thái tinh tế của vùng biển Cô Tô, đồng thời thấy một Nguyễn Tuân lao động hết mình trên con chữ. Hai câu văn về cuối được xem như là một sự nhượng bộ dễ thương của nhà văn trong cuộc chạy đua với tạo vật: "Chao ôi, nước biển Cô Tô chiều nay xanh cái màu xanh của ngọc bích. Hoặc là chao ôi, nó xanh như một niềm hi vọng trên cửa bể". Câu văn hữu tình và hiền lành biết mấy!

(Trần Hoà Bình – Lê Dy – Văn Giá, *Bình văn*, NXB Giáo dục, 1997, tr. 161 – 163)

1. Đoạn trích trên chủ yếu bàn luận về vấn đề gì?

   A. Vẻ đẹp đa dạng, biến ảo của màu nước biển Cô Tô và cảnh mặt trời lên trên biển

B. Những so sánh độc đáo của Nguyễn Tuân khi gợi tả màu xanh của nước biển Cô Tô

C. Quá trình lựa chọn ngôn từ của Nguyễn Tuân khi miêu tả màu xanh của nước biển Cô Tô

D. Sự hồi tưởng và cảm xúc của nhà văn về quãng đời đã qua khi đứng trước biển Cô Tô

2. Theo tác giả, Nguyễn Tuân sử dụng cách ví von của dân gian trong những trường hợp nào sau đây?

A. Xanh như lá chuối non, xanh như lá chuối già

B. Xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư mã

C. Xanh như cái màu áo Kim Trọng

D. Xanh như trang sử loài người, lúc con người còn phải viết vào thân tre

3. Đoạn trích tập trung phân tích biện pháp tu từ gì được sử dụng trong văn bản *Cô Tô*?

A. Nhân hoá B. So sánh

C. Điệp ngữ D. Hoán dụ

4. Theo tác giả, quá trình lựa chọn ngôn từ của Nguyễn Tuân trong *Cô Tô* diễn ra như thế nào?

A. Mô tả cùng một lúc hai đối tượng: màu xanh nước biển và cuộc săn tìm chữ nghĩa của chính mình

B. Đưa ra một cách ví von, ngay sau đó phủ định, rồi lại đi tìm một cách diễn đạt khác

C. Lựa chọn trong vốn trải nghiệm của mình những hình ảnh phù hợp để so sánh

D. Lựa chọn trong vốn tri thức sách vở của mình những hình ảnh phù hợp để so sánh

5. Trong đoạn trích, tác giả đánh giá Nguyễn Tuân như thế nào?

A. Một nhà văn lao động nghiêm túc với con chữ.

B. Một nhà văn có trí tưởng tượng phong phú.

C. Một nhà văn giàu tri thức và trải nghiệm.

D. Một nhà văn giàu tình yêu với thiên nhiên.

6. "Nhà văn không ngần ngại nhớ về một mảng đời đã qua, và như thế dường như để cảm nhận cho sâu hơn cái màu xanh trong trẻo và thuần khiết của nước biển Cô Tô chiều nay". Thành phần tình thái *dường như* trong câu văn có tác dụng gì?

A. Thể hiện đánh giá chắc chắn của tác giả về mục đích của việc nhà văn Nguyễn Tuân không ngần ngại nhớ lại mảng đời đã qua

B. Thể hiện đánh giá không chắc chắn của tác giả về mục đích của việc nhà văn Nguyễn Tuân không ngần ngại nhớ lại mảng đời đã qua

C. Thể hiện cảm xúc của tác giả về việc nhà văn Nguyễn Tuân không ngần ngại nhớ về một mảng đời đã qua

D. Giải thích rõ hơn về mảng đời đã qua của nhà văn Nguyễn Tuân

Bài tập 8. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) *Thành công của "Lặng lẽ Sa Pa" còn có một phần quan trọng là ở chất thơ của truyện. Chất thơ ấy toát lên trong những bức tranh thiên nhiên Sa Pa tuyệt đẹp hiện ra dưới ngòi bút tác giả, đồng thời chất thơ còn thấm vào mọi yếu tố từ cốt truyện, tình huống, đến mối quan hệ giữa các nhân vật cùng vẻ đẹp trong tình cảm và suy nghĩ của họ.*

(2) *Đây là cảnh nắng sớm trên những rừng thông non: "Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe". Ánh nắng càng rực rỡ ở đoạn kết của truyện: "Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo"... Những bức tranh đầy ánh sáng và màu sắc rực rỡ, như được nhìn và thể hiện bằng sự cảm nhận của một hoạ sĩ. Hai bức tranh đầy ánh sáng ấy được đặt ở đoạn đầu và đoạn cuối truyện đã tạo một cái nền không gian thật tươi sáng, trong trẻo cho câu chuyện về cuộc gặp gỡ tình cờ của ba nhân vật.*

(3) *Truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" có gì đó gần như một bài thơ, với cái tứ là cuộc gặp gỡ tình cờ để lại nhiều dư vang trong lòng các nhân vật và cả trong tâm trí người đọc. Chất thơ ấy còn ở nhiều chi tiết đặc sắc được tác giả dụng công sáng tạo, có khi bất ngờ nhưng vẫn giữ được vẻ tự nhiên. Chẳng hạn, việc anh thanh niên đẩy cây gỗ chắn ngang đường để kiếm cớ được gặp người, cảnh vườn hoa bất ngờ hiện ra trước mắt hai vị khách và bó hoa mà anh thanh niên tặng cô gái lần đầu gặp gỡ, việc anh vội vã quay lại lúc họ từ biệt nhau mà không tiễn ông hoạ sĩ cùng cô kĩ sư đến tận xe,... đều là những chi tiết khá đặc sắc và để lại được ấn tượng.*

(4) *Không chỉ nhân vật người thanh niên mà tất cả các nhân vật trong truyện đều đẹp trong những suy nghĩ, cảm xúc, trong các mối quan hệ và cách sống, thậm chí ở nhiều chỗ vẻ đẹp ấy mang màu sắc lí tưởng. Vẻ đẹp và chất thơ của "Lặng lẽ Sa Pa"*

không phải là không có cơ sở trong hiện thực đời sống, ở thời kì truyện được viết, nhưng nó cũng tạo nên màu sắc lãng mạn cho tác phẩm.

(Nguyễn Văn Long, *Phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 192 – 193)

1. Đoạn trích trên tập trung bàn luận về vấn đề gì? Những từ ngữ nào giúp em xác định vấn đề được luận bàn trong đoạn trích?
2. Mỗi đoạn văn trong đoạn trích có vai trò như thế nào trong việc thể hiện vấn đề bàn luận?
3. Tác giả đã chỉ ra chất thơ trong những yếu tố hình thức nghệ thuật nào của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*? Em hãy dẫn ra một câu văn thể hiện nhận xét, đánh giá của tác giả về những yếu tố hình thức nghệ thuật đó.
4. Cách nêu bằng chứng trong đoạn (2) và đoạn (3) có gì khác biệt?
5. Em hãy nêu một số lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong đoạn trích.

VIẾT

Bài tập 1

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích một chi tiết mà em ấn tượng nhất trong truyện ngắn *Xe đêm* của nhà văn Pau-xtốp-xki.

Bài tập 2

Viết bài văn phân tích đoạn trích *Những ngôi sao xa xôi* của nhà văn Lê Minh Khuê trong SGK (tr. 42 – 47).

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Trong những năm gần đây, trước sự hấp dẫn của các loại hình giải trí đa phương tiện, thói quen đọc sách của nhiều người đã giảm sút nghiêm trọng. Em hãy lập dàn ý cho bài nói thể hiện suy nghĩ của mình về vấn đề trên.

Bài tập 2

Có ý kiến cho rằng, xã hội càng phát triển, con người càng cần phải ứng xử với tự nhiên một cách văn minh. Em hãy trình bày bài nói thể hiện quan điểm của mình về vấn đề này.

Bài 9 HÔM NAY VÀ NGÀY MAI

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc lại văn bản *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ* trong SGK (tr. 89 – 92) và trả lời các câu hỏi:

1. Nhan đề văn bản báo hiệu những gì về các nội dung mà tác giả sẽ triển khai trong bài viết?
2. Trong văn bản, phần giải thích hiện tượng lũ nói chung, lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng đóng vai trò như thế nào trong việc thể hiện mục đích viết của tác giả?
3. Tìm trong văn bản những ý nói về ích lợi của lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long.
4. Tác giả đã thể hiện quan điểm gì về khẩu hiệu "sống chung với lũ"? Theo em, quan điểm đó đã được trình bày thuyết phục chưa? Vì sao?
5. Theo những thông tin trong văn bản, hãy cho biết tâm thế chào đón lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long được hình thành trên cơ sở nào.

Bài tập 2. Đọc lại văn bản *Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim "Hành tinh của chúng ta"* trong SGK (tr. 94 – 97) và trả lời các câu hỏi:

1. Nếu cần thuật lại ngắn gọn những thông tin được tác giả cho biết về loạt phim *Hành tinh của chúng ta*, em sẽ nói những gì? Các ý cần nói nên được sắp xếp theo trật tự nào?
2. Theo em, từ ngữ nào có thể được xem là từ khoá của văn bản? Vì sao em xác định như vậy?
3. Theo những điều được tác giả thuật lại và dẫn giải trong văn bản, cảm giác choáng ngợp của người xem phim đến từ đâu? Cảm giác này có liên quan như thế nào với cảm giác đau đớn đồng thời xuất hiện ở khán giả?
4. Em có nhận xét gì về hệ thống hình ảnh đã được đưa vào văn bản? Nếu có đủ điều kiện đưa thêm hình ảnh lấy từ loạt phim, theo em, nên chọn hình ảnh theo nguyên tắc nào?
5. Thông điệp của văn bản là gì? Thông điệp này có mối quan hệ như thế nào với thông điệp đã được tác giả cảm nhận từ chính loạt phim *Hành tinh của chúng ta*?

Bài tập 3. Đọc lại văn bản *"Dấu chân sinh thái" của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất* trong SGK (tr. 111 – 114) và trả lời các câu hỏi:

1. Qua những gì được tác giả nói tới trong văn bản, em hiểu thế nào là "dấu chân sinh thái"?
2. Vì sao tác giả lại ngỡ ngàng và xấu hổ khi biết được kết quả đo "dấu chân sinh thái" của mình? Nêu cảm nhận của em về trạng thái cảm xúc đó.
3. Phân tích các tình huống quan trọng đã giúp tác giả nhận ra được thông điệp từ Trái Đất. Hãy nói khái quát về thông điệp này.
4. Theo em, để nhận thức được sâu sắc những thông điệp từ Trái Đất, mỗi người chúng ta phải xác định thái độ sống như thế nào?
5. Lập bảng tổng hợp các kiểu câu phân loại theo mục đích nói xuất hiện trong văn bản (nêu các kiểu câu được dùng trong văn bản và ví dụ minh hoạ cho mỗi kiểu câu).
6. Tìm trong văn bản những ví dụ về câu phủ định và câu khẳng định.

Bài tập 4. Đọc lại văn bản *"Dấu chân sinh thái" của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất* (từ *Tương lai COVID-19 đi về đâu đến Chiến tranh thế giới thứ hai*) trong SGK (tr. 112 – 113) và trả lời các câu hỏi:

1. Em hiểu thế nào về điều tác giả muốn nói trong câu: *"Chỉ biết rằng, với một liều kháng thể đầu tiên của Trái Đất, "vi-rút loài người" đã co cụm lại, và địa cầu lần đầu tiên khoẻ khoắn hơn."*?
2. Trong đoạn văn bản được xác định ở trên, tác giả đã nhấn mạnh tính khách quan của thông tin bằng cách nào?
3. Chỉ ra yếu tố chủ quan được tác giả sử dụng để hỗ trợ cho việc cung cấp thông tin. Theo em, yếu tố hỗ trợ đó có tạo được hiệu quả tích cực hay không? Vì sao?
4. Theo em, nhận xét nào sau đây phản ánh đúng tinh thần của đoạn văn bản?
   A. Niềm vui của những nhà môi trường học trước sự cải thiện các chỉ số môi trường.
   B. Lời cảnh báo của Trái Đất về vấn đề môi trường thông qua đại dịch COVID-19.
   C. Con người là một trong những "loài vi-rút" làm sức khoẻ của địa cầu giảm sút.
   D. Con người chưa thể kiểm soát được sức mạnh tàn phá của đại dịch COVID-19.
5. Phải chăng trong mọi đại hoạ đều ngầm ẩn một thông điệp tích cực về đời sống của con người? Nêu ý kiến của em về vấn đề này từ những gì được đoạn văn bản gợi lên.

Bài tập 5. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Thuỷ triều, nước biển lên và xuống, là một hệ quả của lực hút hấp dẫn của Mặt Trăng lên Trái Đất. Vệ tinh của chúng ta, bề ngoài có vẻ như yếu ớt, mỏng manh trong màn đêm, nhưng thực tế đã làm dâng lên một lượng nước khổng lồ của các đại dương, làm cho nước tràn lên bãi biển và xoá tan các lâu đài cát của trẻ nhỏ. Chẳng hạn, thuỷ triều lên cao ở nơi Trái Đất gần Mặt Trăng nhất, vì lực hút hấp dẫn của Mặt Trăng ở đó là mạnh nhất: cường độ của lực hấp dẫn càng cao nếu khoảng cách càng ngắn. Ở đó nước biển được Mặt Trăng nâng lên. Nhưng, một điều tưởng như rất nghịch lí là, thuỷ triều cũng dâng cao tại nơi đối diện trực tiếp, ở phía bên kia của địa cầu [...] trong vùng Trái Đất xa vệ tinh của chúng ta nhất. Sở dĩ như vậy là do Mặt Trăng hút các đại dương ở vị trí xa này yếu hơn là hút Trái Đất trong tổng thể của nó.

(Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, *theo* Phạm Văn Thiều – Ngô Vũ *dịch*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 392 – 393)

1. Theo em, có thể đặt nhan đề cho đoạn trích như thế nào?
2. Để có thể phát triển đoạn trích trên thành văn bản hoàn chỉnh có nội dung giải thích một hiện tượng tự nhiên, em dự kiến sẽ bổ sung những ý gì?
3. Có câu chuyện kể về con rùa khổng lồ nằm ở đáy biển thở nước ra, hít nước vào gây nên những đợt thuỷ triều đều đặn. Có thể xếp câu chuyện này vào loại văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được không? Vì sao?
4. Cụm từ *vệ tinh của chúng ta* chỉ đối tượng nào? Vì sao đối tượng đó lại được gọi như vậy?
5. Phân tích liên kết trong đoạn trích.

Bài tập 6. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Nhiều loài chim có tập tính di cư và sẽ di chuyển nơi ở đều đặn theo mùa, theo những đường bay cụ thể. Vậy tại sao một số loài chim lại có tập tính di cư này, thay vì sống cố định một chỗ?

Trước đây, các nhà khoa học cho rằng chim di cư để tránh sự lạnh giá của mùa đông và tìm nơi ấm áp hơn để vượt qua mùa đông. Tuy nhiên, quan điểm này đã trở nên lỗi thời và dần bị bác bỏ. Những nghiên cứu mới nhất cho thấy rằng chim di cư để đi theo chuỗi thức ăn của chúng, vốn sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông. Các loài chim di cư sẽ đi theo sâu, bọ hoặc các loài động vật cỡ nhỏ... là nguồn thức ăn chính của chúng, để tránh việc khan hiếm thức ăn khiến chúng không thể vượt qua được mùa đông.

Chim di cư xác định phương hướng như thế nào?

Có hai kĩ năng mà tất cả các loài chim di cư đều phải có: định hướng và điều hướng. Định hướng là khả năng xác định hướng đang đi. Loài chim không có la bàn hoặc thiết bị GPS[1], nhưng chúng có thể tự định hướng bằng cách quan sát vị trí của Mặt Trời vào ban ngày và các vì sao vào ban đêm. Một số loài chim như bồ câu có thể tự định hướng nhờ vào từ trường của Trái Đất.

Có một số giả thuyết đối với việc điều hướng của loài chim, nhưng không có câu trả lời nào chắc chắn. Một số loài chim được cho rằng đã "lái" từ điểm này sang điểm tiếp theo bằng cách sử dụng những mốc lớn như đường bờ biển, dãy núi và thậm chí cả đường cao tốc của con người. Các loài chim khác thì tìm đường để di trú bằng cách theo dõi những chú chim già hơn đã từng thực hiện các chuyến đi đó.

Các loài chim bay cao như diều hâu và bồ nông hầu hết đều bay trong ngày để tận dụng các luồng gia nhiệt. Các loài chim nhỏ hơn chủ yếu bay vào ban đêm khi bầu khí quyển ổn định hơn.

(Nhi Nguyễn, *Bạn có biết: Tại sao một số loài chim lại phải đi di cư?*, báo điện tử *Dân trí*, ngày 13/11/2020)

1. Văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên nào? Tác giả đã đặt ra và giải đáp những câu hỏi gì về hiện tượng tự nhiên đó?
2. Xác định các câu then chốt trong nội dung giải thích của tác giả.
3. Em suy nghĩ như thế nào về vấn đề giải thích một hiện tượng tự nhiên được thể hiện qua hai câu sau: *"Tuy nhiên, quan điểm này đã trở nên lỗi thời và dần bị bác bỏ."*, *"Có một số giả thuyết đối với việc điều hướng của loài chim, nhưng không có câu trả lời nào chắc chắn."*?
4. Nêu những câu hỏi khác của bản thân em về hiện tượng chim di cư và tìm lời giải đáp trong các tài liệu khoa học đáng tin cậy.
5. Phân tích mạch lạc và liên kết của văn bản.

Bài tập 7. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

***TUỔI THƠ DỮ DỘI*, 1989**

Được chuyển thể từ bộ truyện dài tập cùng tên của nhà văn Phùng Quán viết trong gần 20 năm, bộ phim "Tuổi thơ dữ dội" ra mắt chỉ 2 năm sau khi tác phẩm văn chương được xuất bản và nhận giải thưởng Văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn

[1] *Thiết bị GPS*: thiết bị giám sát, định vị giúp xác định vị trí của một vật hay con người được gắn thiết bị này dựa trên định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System).

Việt Nam. Tác phẩm điện ảnh đầu tay của đạo diễn Nguyễn Vinh Sơn hoàn thành vào năm 1989, gây ấn tượng không kém bộ tiểu thuyết cùng tên, trở thành một bộ phim chiến tranh về đề tài thiếu nhi – những du kích thiếu niên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Huế vào những năm 40 của thế kỉ trước – được yêu thích đặc biệt vì chất anh hùng ca và bi tráng của nó.

Bộ truyện của Phùng Quán dài 8 tập và có khá nhiều tuyến nhân vật chính. Đạo diễn Nguyễn Vinh Sơn không có tham vọng chuyển thể hết thành điện ảnh trong một bộ phim có dung lượng 2 tập và dài khoảng 2 tiếng. Dù vậy, với những ai từng yêu thích tác phẩm văn học của Phùng Quán, bộ phim điện ảnh cùng tên không làm họ thất vọng – đặc biệt là những nhân vật du kích thiếu niên như Mừng, Quỳnh sơn ca,... đã được tái hiện sống động lên màn ảnh qua diễn xuất của những diễn viên không chuyên.

Bộ phim có bối cảnh ở Huế, năm 1946. Mừng (Nguyễn Thanh Bình đóng), một cậu bé nghèo 12 tuổi phụ giúp mẹ bán bún bò gánh nhưng khao khát được gia nhập đội thiếu niên trinh sát Trần Cao Vân đang tập huấn gần đó. Mừng đi theo đội thiếu niên và lén lút nhập vào đoàn. Chỉ khi vượt qua thử thách đầu tiên, Mừng mới được anh đội trưởng (Lê Công Tuấn Anh đóng) đồng ý đưa vào đội trinh sát thiếu niên "Vệ quốc đoàn". Thực ra mục đích lớn hơn để Mừng xin gia nhập đội thiếu niên này là hái lá tâm gửi để chữa bệnh hen suyễn cho mẹ, một loại cây thuốc chỉ có ở trong sân của đội trinh sát. Nhưng rồi tinh thần yêu nước của đội thiếu niên Vệ quốc đoàn, đặc biệt là cậu bạn thân Quỳnh sơn ca, đã cảm hoá Mừng. Cậu bé nhờ người gửi lá thuốc đã phơi khô về cho mẹ rồi gia nhập đội trinh sát lên chiến khu để bắt đầu những ngày kháng chiến ác liệt... Tuổi thơ của Mừng và những đứa trẻ cùng độ tuổi khác đã trải qua những năm tháng dữ dội trong nhóm thiếu niên trinh sát Vệ quốc đoàn. [...]

(Lê Hồng Lâm, *101 bộ phim Việt Nam hay nhất*,
NXB Thế giới & Công ty Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam,
2018, Hà Nội, tr. 169 – 171)

1. Đoạn trích đưa tới những thông tin cơ bản gì về bộ phim?
2. So với loại thông tin có trong văn bản *Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim "Hành tinh của chúng ta"*, loại thông tin được nêu trong đoạn trích có điểm khác biệt gì? Vì sao có sự khác biệt đó?
3. Nêu suy đoán của em về nội dung đã bị tỉnh lược của văn bản giới thiệu phim này. Em căn cứ vào đâu để suy đoán như vậy?
4. Những thông tin đã được trình bày trong đoạn trích giúp em nhận ra điều gì về thách thức đối với người làm phim chuyển thể một tác phẩm văn học?

5. Xác định câu phủ định và câu khẳng định trong 2 trường hợp sau đây:

– Đạo diễn Nguyễn Vinh Sơn không có tham vọng chuyển thể hết thành điện ảnh trong một bộ phim có dung lượng 2 tập và dài khoảng 2 tiếng.

– Dù vậy, với những ai từng yêu thích tác phẩm văn học của Phùng Quán, bộ phim điện ảnh cùng tên không làm họ thất vọng – đặc biệt là những nhân vật du kích thiếu niên như Mừng, Quỳnh sơn ca,... đã được tái hiện sống động lên màn ảnh qua diễn xuất của những diễn viên không chuyên.

VIẾT

Bài tập 1

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) thể hiện sự đồng cảm của em đối với thông điệp chung toát lên từ các văn bản đọc trong bài 9 của SGK – bài *Hôm nay và ngày mai*.

Bài tập 2

Em thấy thực sự hứng thú với hiện tượng tự nhiên nào? Hãy viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) giải thích về hiện tượng tự nhiên đó.

Bài tập 3. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hàng rong trước cổng trường dường như đã trở thành hình ảnh quen thuộc trên địa bàn thành phố. Đặc biệt, gần đây xuất hiện các quầy bán xúc xích rán, bỏng ngô nóng hổi, thơm lừng, thu hút nhiều trẻ em.

Nhiều phụ huynh lo ngại vì những tác động không tốt của nó đến con em mình. Trước hết là việc hàng ăn nằm bên lề đường không thể đảm bảo vệ sinh. Tai hại nữa là tạo cho các em thói quen thích ăn quà vặt, từ đó nảy sinh việc tìm nhiều cách không lành mạnh để có tiền mua quà. Thói quen ăn quà vặt cũng dễ tạo ra hiệu ứng dây chuyền trong nhiều học sinh.

Thiết nghĩ, Đội Trật tự đô thị thành phố H. T. cần quan tâm xử lí tình trạng này nhằm đảm bảo mĩ quan đô thị và hạn chế những tác động tiêu cực đối với học sinh.

(*Theo* Thiên Lý, *Cần chấm dứt tình trạng bán hàng rong trước cổng trường*, báo Hà Tĩnh, ngày 02/04/2015)

1. Sơ đồ hoá nội dung văn bản và cho biết: Văn bản này có điểm gì tương đồng với các văn bản thuộc loại kiến nghị về một vấn đề của đời sống?

2. Tổ chức lại văn bản trên thành một văn bản kiến nghị hoàn chỉnh theo cách triển khai đã được học.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Có thể có một số vấn đề đời sống mà em thấy cần phải nêu kiến nghị với những người liên đới hay các bộ phận hữu trách. Hãy cho biết một vấn đề trong số đó và những ý mà em muốn phát biểu về vấn đề này.

Bài tập 2

Trong những bộ phim em đã xem, một số bộ phim đã nêu lên được các vấn đề đời sống khiến em thực sự quan tâm. Các vấn đề đó là gì, được đặt ra từ phim nào? Hãy tổ chức một cuộc thảo luận trong nhóm học tập và nêu ngắn gọn các ý em dự định trình bày.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Tìm đọc một số văn bản nghị luận văn học viết về chủ đề *nhà văn và trang viết*. Khi đọc, cần chú ý đến vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; cách tiếp nhận của tác giả bài viết đối với tác giả văn học. Ghi vào nhật kí đọc sách luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; kinh nghiệm đọc hoặc phân tích một tác phẩm văn học em rút ra được từ việc đọc văn bản nghị luận.

Bài tập 2

Tìm đọc một số văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim. Ghi vào nhật kí đọc sách nội dung chính và cách triển khai nội dung trong văn bản thông tin (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, các đối tượng được phân loại,...); hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ; suy nghĩ của em về mối liên hệ giữa thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

Bài 10 SÁCH – NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Xây dựng mục tiêu đọc sách và danh mục sách cần đọc của em trong 2 tuần thực hiện dự án *Sách – người bạn đồng hành*.

Bài tập 2. Đọc lời giới thiệu sách sau đây và trả lời các câu hỏi:

LỜI GIỚI THIỆU[1]

(1) *Tôi đã từng đọc nhiều tác phẩm du kí trong nước và nước ngoài kể về những hành trình khác nhau trên thế giới. Con người, lịch sử, xã hội và văn hoá hiện lên một cách sinh động qua từng trang sách, câu chữ của các tác giả. Nhưng tôi chưa từng đọc một cuốn sách du kí nào kể lại một hành trình đặc biệt như của Lekima Hùng, với các cung đường rác từ Bắc tới Nam. Đó không phải là hành trình như bản thân tôi đã từng đi trên các nẻo đường thế giới, tìm hiểu về văn hoá và con người trên các điểm đến, thưởng thức văn hoá và những trải nghiệm vui buồn. Đó là một hành trình hoàn toàn khác, đau đáu, buồn nhiều hơn vui và mỗi chặng đường đi qua là những khám phá về mức độ ô nhiễm mà chính chúng ta đã gây ra cho những bờ biển, vùng đất, tác động trực tiếp và lâu dài lên chính cuộc sống của mình.*

(2) *Có người mà Lekima Hùng gặp và nói chuyện hiểu được điều gì đang xảy ra. Nhưng nhiều người thì không, chặc lưỡi không quan tâm. Qua từng trang sách, bức tranh ô nhiễm càng hiện ra một cách rõ ràng, nhức nhối và đau đớn [...] theo suốt chiều dài đất nước. Cuốn sách do đó đánh động cho chúng ta rằng, hiểm hoạ môi sinh không ở đâu xa xôi cả, không ở một nơi nào đó chỉ được tiếp cận qua ti vi hay in-tơ-nét, mà đang ở ngay bên chúng ta rồi.*

(3) *Lekima Hùng đi và chụp. Thực ra anh không phải nhà văn, cũng không phải là một người lữ hành. Do đó, cuốn sách được viết một cách chân thực nhất, không lãng mạn mà giản dị, nhưng rất sinh động. Anh là một nhiếp ảnh gia và với chủ đề thực hiện, anh là một người cầm máy rất khác với nhiều người chụp ảnh chỉ thường chú ý đến các yếu tố đơn thuần về thẩm mĩ và hay ca ngợi cái đẹp tôi đã quen. Lekima Hùng chụp rác thải nhiều, và anh còn có biệt danh là "Hùng rác". Chụp về môi trường*

---

[1] Đây là lời giới thiệu nhà báo Trương Anh Ngọc viết cho cuốn sách *Du kí xanh – Hành trình cứu biển* của tác giả Lekima Hùng, một nhiếp ảnh gia và một nhà hoạt động môi trường. Nhan đề văn bản do chính tác giả Trương Anh Ngọc đặt.

không chỉ là một thể loại mang tính "xanh", đó còn là một tuyên ngôn của nhiều người có lương tri và trái tim trên thế giới.

(4) *Cuốn sách này chỉ đơn giản là ghi lại một phần những gì đáng chú ý nhất trong những hành trình đi chụp của Hùng trong những năm qua và đọc nó đã thấy nhức nhối rồi. Nó không chỉ là phản ánh, mà còn thúc đẩy những hành động cho cả cộng đồng. "Du kí xanh" là để bảo vệ và nhân lên những màu xanh, trước tiên ở trong chính suy nghĩ và sau đó là hành động của tất cả mọi người. Tôi có thể làm và sẽ làm. Còn bạn?*

(Trương Anh Ngọc, *Lời giới thiệu*, in trong *Du kí xanh – Hành trình cứu biển*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2019, tr. 7 – 9)

1. Trong đoạn (1) của lời giới thiệu, người viết đã nhấn mạnh điều gì về cuốn sách của tác giả Lekima Hùng? Theo em, cách mở đầu như vậy có gì tương đồng và khác biệt so với những lời giới thiệu sách khác?
2. Nội dung chính của cuốn sách được nêu bật trong đoạn nào của lời giới thiệu? Vấn đề được đề cập trong cuốn sách có tầm quan trọng và ảnh hưởng như thế nào?
3. Người giới thiệu nhấn mạnh điều gì về mối quan hệ giữa tác giả và nét nổi bật về hình thức nghệ thuật của cuốn sách?
4. Tên cuốn sách được nêu ở đoạn nào trong lời giới thiệu? Theo em, điều này có gì đặc biệt và có tác động như thế nào tới người đọc?
5. Qua lời giới thiệu về cuốn sách *Du kí xanh – Hành trình cứu biển*, nhà báo Trương Anh Ngọc đã bộc lộ quan điểm, thái độ như thế nào đối với vấn đề mà cuốn sách đặt ra?

Bài tập 3. Đọc lời chia sẻ của nhà văn Nguyên Hồng về sự ra đời của tiểu thuyết *Cửa biển* và trả lời các câu hỏi:

HẢI PHÒNG VỚI TÁC PHẨM *CỬA BIỂN* CỦA TÔI

Tôi lớn lên rồi vào cuộc đời ở Hải Phòng, một thành phố kĩ nghệ, một hải cảng, một cửa biển lịch sử. Cuộc sống nơi đây, cái xã hội lao động, lầm than với những phong trào cách mạng của nó, cái mặt đất biển khơi với những dòng sử xanh bất tử của nó, đối với tôi cho đến bây giờ, vẫn là những hình ảnh, những điều gợi nhớ suy nghĩ, những niềm thương yêu và tin tưởng vô cùng.

Đất nước thần thánh và lịch sử hát ru. Đất nước và lịch sử Hải Phòng yêu dấu của tôi. Ngay từ bước đầu vào đời văn, tôi đã thấy đối với Hải Phòng, tôi mắc một món nợ, tôi đã yêu một tình yêu, không có thể nào trang trải, thay thế được, nếu tôi không có những tác phẩm mang tận cùng sự cố gắng và say mê của tôi khi viết về nó. Bao nhiêu năm tháng tôi đã trải qua là bấy nhiêu năm tháng của con người, của cuộc sống và của lịch sử của Hải Phòng đã quấn quýt da diết tôi. [...]

Hải Phòng với những quần chúng cách mạng của nó, Hải Phòng với những con người và cuộc sống lầm than, đau khổ của nó, Hải Phòng với những năm từ 1935 đến 1945, qua bao nhiêu cuộc biến chuyển với bao nhiêu sự phân hoá trong các tầng lớp xã hội, Hải Phòng thương yêu, đau xót, tin tưởng và chiến đấu của tôi ấy, là đề tài của bộ "Cửa biển" của tôi, mà tôi đã hoàn thành xong phần một là tập "Sóng gầm".

1939, Đại chiến lần thứ hai bùng nổ. Thống trị Pháp ở Đông Dương chuẩn bị cả một cuộc đầu hàng bọn quân phiệt Nhật. Trong sự chuẩn bị ấy, chúng trở lại đặc biệt khủng bố phong trào cách mạng, bóp nghẹt và cướp lại những quyền lợi mà quần chúng công nông đã giành giật được. Sau những bài báo: "Những giọt sữa", "Người đàn bà Tầu" đăng trên tờ "Mới" của Đoàn thanh niên Dân chủ xuất bản ở Sài Gòn, tôi bị đế quốc Pháp xử tù ở Hải Phòng. [...]

1942, tôi về quản thúc ở Hải Phòng. Bốn chương đầu của bản thảo đầu tiên trong "Xóm Cháy", mẹ tôi giữ cho tôi vẫn còn. Cầm trong tay, đọc lại những chương truyện mà bao nhiêu người quen biết, thân thuộc trước đây, kẻ xiêu tán đi hết, kẻ vẫn tiếp tục chiến đấu, kẻ tù đày, chết [...]. *Nhưng tôi thấy không sao có thể viết tiếp, viết lại được. Những đau xót, những u buồn cứ đè trĩu xuống ngòi bút tôi. Càng cố đưa ngòi bút đi chỉ mong được lấy mấy dòng đầu thôi, thì ngòi bút lại càng quằn lên, nặng nhọc vô cùng, và không làm sao ra chữ. Không những tôi không viết tiếp được mà cuối cùng tôi đã xé cả bốn chương kia đi.* [...] *Tôi xé và đốt đi như thế để một ngày tới đây, tôi sẽ viết hẳn lại, viết khác hẳn, thêm nữa những nhân vật, những con người, thêm nữa những cuộc đời và những cuộc chiến đấu* [...].

Những năm đó tôi đã chỉ nghĩ làm sao tôi lại được trông lại Hải Phòng, chân tôi lại được đi trên những con đường Hải Phòng, và Hải Phòng mà tôi trở lại đó sẽ là Hải Phòng giải phóng để tôi ôm rồi hát lên cùng với nó. Phải! Tôi đã chỉ tưởng nghĩ như thế, còn viết về nó tôi vẫn thấy ngại ngùng và không sao cất nổi những dòng chữ bắt đầu...

Nhưng những dòng chữ bắt đầu không những đã bắt đầu được mà đã thành trang, thành tập. Tôi đã trở về Hải Phòng giải phóng. Tôi đã trở về với Hải Phòng những ngày đầu tiên tiếp quản. Tôi đã trở về với Hải Phòng tàn phá tan hoang dần dần khôi phục [...].

Tất cả những nhân vật, những cuộc đời, những chuyển biến và những cuộc chiến đấu mà tôi nghiền ngẫm kia, đã nhuần nhuyễn đến độ mỗi lúc tôi tưởng tượng ra thì lại hiện lên roi rói thành xương thành thịt hoạt động lên ở trước mắt tôi, nâng đỡ ngòi bút tôi, thì thầm kể lể và thôi thúc ngòi bút tôi phải viết. Tôi đã viết xong "Sóng gầm", một giai đoạn chuyển biến của những nhân vật, những công nhân, những dân nghèo thành thị và những tiểu trí thức sống trong những phong trào Mặt trận Bình dân từ năm 1935 – 1939.

1958, tôi đi thực tế ở Nhà máy xi măng, thời gian ấy tôi đã hoàn toàn dành cho công việc xây dựng "Sóng gầm". Tôi rất ít ghi chép tài liệu về những đời sống và những sự việc. Tôi chỉ hỏi và nghe. Tôi chỉ nhìn ngắm và suy nghĩ. Tôi chỉ hồi hiện và phác tả. Tôi chỉ tưởng tượng và tưởng tượng. Ngay trong khi tôi xếp gạch cờ-lanh-ke ở lò nung, hay đẩy goòng, hay lái xe cày, ngay trong khi tôi làm việc, hội họp, chuyện vui, ăn uống, đi chơi với những bà con anh chị em công nhân ở đây, tôi đều không thấy mình là nhà văn và là nhà văn đi lấy tài liệu, tìm tài liệu gì cả. Tôi chỉ là một con cháu của đất Hải Phòng, sống với những bà con thân thuộc của mình; dĩ vãng của họ, lịch sử của họ gắn với dĩ vãng và quá trình trưởng thành của tôi như chính là dĩ vãng và lịch sử của cha ông tôi, của con cháu tôi. [...] *Tôi sống một sự sống rất hằng ngày với tất cả những diễn biến bình thường của nó. Nhưng khi xây dựng cốt truyện, khi xây dựng lại những nhân vật, khi đề lên những vấn đề của những nhân vật, thì lại là những phút cao độ nhất, quyết liệt nhất, mê man nhất của tôi trong một sự huỷ diệt và tái tạo phức tạp nhất. Tôi thật làm nhà văn. Tôi phải sáng tạo. Tôi phải chịu những trách nhiệm đặc biệt. Sự sống của văn học đòi hỏi tôi phải vui trước, đau trước, hi vọng trước, thấy tương lai trước; tôi phải dựng lên cho mặt đất những con người, những cuộc sống có phần nhuần nhuỵ, tươi rói, sinh động còn hơn cả những cuộc sống, những con người đã có mặt trên mặt đất với tôi. Nếu không được thế, thì cái nợ, cái ơn tình, cái nghĩa sống mà họ đòi hỏi ở nơi tôi, lòng tin cậy của họ đối với tôi, chức năng mà họ đặt cho tôi, vinh dự và tình yêu của họ choàng ấp cho tôi, tất cả những điều đó, tôi không trả được không đền đáp được! Tôi không xứng đáng một chút nào hết.*

Tôi đã viết "Sóng gầm" không ở Hải Phòng mà ở Yên Thế, quê hương chiến đấu của anh hùng Hoàng Hoa Thám. Trong khi viết "Sóng gầm", tôi lại sống với những

người nông dân ở chung quanh tôi, những con người sau đây rồi tôi lại phải trả nợ trong cuốn tiểu thuyết lịch sử về Yên Thế và Hoàng Hoa Thám. 1959 tôi đã viết xong năm chương đầu "Sóng gầm". Năm chương ấy tôi lại bỏ đi. Tôi viết lại toàn tập "Sóng gầm" cho đến tháng Chín 1960 thì lại đi thực tế. [...]

Nhưng rồi "Sóng gầm" đã tới đoạn chót. Thêm một đứa con của tôi gửi vào cuộc đời! Thêm một phần máu thịt của tôi trả lại cho cuộc sống. Đúng vào mùa thu 1940 đây, trên trại giam tập trung ở Hà Giang, tôi đương viết "Xóm Cháy". Xóm Cháy đã bị thủ tiêu, đã bị bỏ dở, đã chết đi sống lại qua hơn hai mươi năm kia.

(*Theo* Nguyên Hồng, trích *Hải Phòng với tác phẩm "Cửa biển" của tôi*, in trong *Tuyển tập Nguyên Hồng*, NXB Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 550 – 560)

1. "Tôi" trong bài viết này là ai và được xác định trong vai trò gì? Theo em, điều này có ý nghĩa như thế nào đối với việc tìm hiểu về quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn?
2. Bài viết cho biết điều gì về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm *Cửa biển*? Hoàn cảnh đó có tác động như thế nào đến việc lựa chọn đề tài và tái hiện đời sống trong tác phẩm?
3. Câu nào trong bài viết nêu bật mối quan hệ giữa bối cảnh đời sống và đề tài của tác phẩm *Cửa biển*?
4. Hãy nêu một số câu văn, đoạn văn mà em cho là tác giả đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa cuộc đời thực và thế giới nhân vật, cuộc sống được biểu hiện trong tác phẩm.
5. Theo nhà văn Nguyên Hồng, tưởng tượng có vai trò như thế nào trong quá trình sáng tạo thế giới đời sống trong tiểu thuyết *Cửa biển*?

VIẾT

Chọn một trong hai bài tập sau để thực hành viết:

Bài tập 1

Trong dự án, em đã đọc, tìm hiểu cuốn sách mà mình yêu thích. Hình dung mình không chỉ là độc giả mà còn có thể là một nhà phê bình, nghiên cứu để viết lời giới thiệu sách theo cách mà em cho là có thể tạo ấn tượng, thu hút nhất với độc giả.

Bài tập 2

Trong vai trò một tác giả (nhà văn hoặc nhà thơ), em hãy lựa chọn thể loại yêu thích và viết tác phẩm của mình.

NÓI VÀ NGHE

Lựa chọn một trong hai bài tập sau để thực hành nói và nghe:

Bài tập 1

Trên cơ sở lời giới thiệu sách mà em đã viết ở bài tập 1 phần Viết, chuyển thành bài nói (dùng bản trình chiếu hoặc pô-xtơ tóm tắt) để thuyết trình về cuốn sách em đã đọc.

Bài tập 2

Trình bày tác phẩm mà em đã sáng tác ở bài tập 2 phần Viết:

– Tác phẩm thơ: đọc diễn cảm, ngâm thơ.

– Tác phẩm truyện, tuỳ bút, tản văn: kể chuyện hoặc đọc diễn cảm.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ÔN TẬP HỌC KÌ II

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa
Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom...

Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn
Gặp hố bom nhắc chuyện người con gái
Một nấm mộ, nắng ngời bao sắc đá
Tình yêu thương bồi đắp cao lên...

Tôi nhìn xuống hố bom đã giết em
Mưa đọng lại một khoảng trời nho nhỏ
Đất nước mình nhân hậu
Lấy nước trời xoa dịu vết thương đau

Em nằm dưới đất sâu
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất
Đêm đêm, tâm hồn em toả sáng
Những vì sao ngời chói, lung linh

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Khoảng trời, hố bom*, in trong *Giải Nhất văn chương*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998, tr. 285 – 286)

1. Chọn phương án trả lời đúng

Câu 1. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát
B. Thơ Đường luật
C. Thơ tự do
D. Thơ 6, 7 chữ

Câu 2. Những dấu hiệu nào giúp em nhận diện thể thơ của đoạn trích?

A. Vần thơ, nhịp điệu và số tiếng trong các dòng thơ

B. Số tiếng trong dòng thơ và số dòng trong mỗi khổ thơ

C. Số tiếng trong dòng thơ, số dòng trong khổ thơ, vần, nhịp điệu

D. Dòng thơ, khổ thơ, vần điệu và nhịp điệu của bài thơ

Câu 3. *Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường*
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương

Biện pháp tu từ được sử dụng trong cụm từ *con đường đêm ấy khỏi bị thương* là gì?

A. So sánh B. Nhân hoá

C. Ẩn dụ D. Nói giảm nói tránh

2. Trả lời các câu hỏi

Câu 1. Theo em, "tôi" và "em" trong đoạn thơ là những ai?

Câu 2. Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh "cô gái mở đường" được khắc hoạ trong khổ thơ đầu tiên?

Câu 3. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau:

Em nằm dưới đất sâu
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất
Đêm đêm, tâm hồn em toả sáng
Những vì sao ngời chói, lung linh.

Câu 4. Hình ảnh "hố bom" và "khoảng trời" gợi cho em suy nghĩ gì về sự hi sinh của "cô gái mở đường" và tình yêu thương của đất nước, quê hương dành cho cô?

Bài tập 2. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

(Trước khi đến Trái Đất, hoàng tử bé đã đi qua nhiều hành tinh khác nhau. Trên mỗi hành tinh đó, cậu lần lượt gặp: một ông vua, một ông hợm hĩnh, một ông nát rượu, một nhà buôn, một người đốt đèn, một nhà địa lí. Hành tinh thứ bảy cậu đến là Trái Đất. Sau đây là câu chuyện về cuộc gặp gỡ trên hành tinh thứ hai và hành tinh thứ ba).

XI

Hành tinh thứ hai có một ông hợm hĩnh cư trú. "Ôi! Ôi! Một kẻ hâm mộ kia rồi!" ông hợm hĩnh kêu lên từ xa ngay khi nhìn thấy hoàng tử bé. Bởi lẽ, đối với những kẻ hợm hĩnh, mọi người khác đều là người hâm mộ.

– Xin chào! – Hoàng tử bé nói.

– Ông có một cái mũ thật kì khôi.

– Đó là để chào. – Ông hợm hĩnh trả lời cậu. – Đó là để chào khi có người hoan hô ta. Đáng tiếc là chưa bao giờ có ai đi qua đây.

– Vậy sao? – Hoàng tử bé hỏi lại mà chẳng hiểu gì.

– Cậu vỗ hai tay vào nhau đi – Ông hợm hĩnh bèn khuyên.

Hoàng tử bé vỗ tay này vào tay kia. Ông hợm hĩnh liền hươ cái mũ của ông ta lên chào một cách khiêm nhường.

"Trò này vui hơn là chuyến thăm ông vua", hoàng tử bé thầm nhủ trong lòng. Và cậu lại bắt đầu vỗ tay này vào tay kia. Ông hợm hĩnh lại bắt đầu vừa chào vừa hươ mũ lên.

Sau năm phút thực hành, hoàng tử bé cảm thấy mệt vì sự nhàm chán của trò này.

– Thế muốn cho mũ rơi xuống – cậu hỏi – thì phải làm gì đây?

Nhưng ông hợm hĩnh đâu có nghe cậu nói. Những người hợm hĩnh chẳng bao giờ nghe gì khác ngoài lời khen.

– Có phải cậu hâm mộ ta lắm hả? – Ông ta hỏi hoàng tử bé.

– "Hâm mộ" nghĩa là gì vậy?

– "Hâm mộ" nghĩa là công nhận ta chính là người xinh trai nhất, mặc đồ đẹp nhất, giàu có nhất và thông minh nhất trên hành tinh này.

– Nhưng có mỗi mình ông trên hành tinh này mà!

– Hãy làm ta vừa lòng. Dẫu sao cứ hâm mộ ta đi!

– Tôi hâm mộ ông – hoàng tử bé vừa nói vừa hơi nhún vai – nhưng việc đó có gì mà khiến ông thích thú thế?

Rồi hoàng tử bé bỏ đi.

"Những người lớn đúng là buồn cười thật", cậu cứ tự nhủ đơn giản như vậy trong cuộc hành trình.

XII

Hành tinh tiếp theo có một ông nát rượu ở. Cuộc viếng thăm này rất ngắn ngủi nhưng nó lại nhấn chìm hoàng tử bé trong một nỗi sầu muộn khó tả:

– Ông đang làm gì ở đó vậy? – Cậu hỏi ông nát rượu, người mà cậu thấy đang ngồi im lìm trước một đống chai rỗng và một đống chai đầy.

– Ta đang uống. – Ông nát rượu đáp với vẻ sầu thảm.

– Tại sao ông uống? – Hoàng tử bé hỏi.

– Ta uống để quên đi. – Ông nát rượu đáp.

– Để quên đi cái gì? – Hoàng tử bé hỏi mà trong lòng đã cảm thấy thương xót ông ta.

– Để quên đi rằng ta rất xấu hổ. – Ông nát rượu cúi đầu thú nhận.

– Xấu hổ vì điều gì? – Hoàng tử bé hỏi dò, cậu vẫn muốn giúp ông ta.

– Xấu hổ vì uống! – Ông nát rượu dứt lời, đoạn khư khư thu mình trong im lặng.

Và hoàng tử bé bối rối bỏ đi.

"Những người lớn đúng là buồn cười quá thể", cậu cứ nhủ thầm trong suốt chuyến viễn du.

(Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, *Hoàng tử bé*, *theo* Trác Phong *dịch*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 45 – 48)

1. Chọn phương án trả lời đúng

Câu 1. Câu chuyện được kể trong đoạn trích bao gồm những tuyến nào?

A. Hoàng tử bé và nhân vật trên các hành tinh khác nhau

B. Hoàng tử bé và nhân vật ông hợm hĩnh trên hành tinh thứ hai

C. Hoàng tử bé và nhân vật ông nát rượu trên hành tinh thứ ba

D. Hoàng tử bé và ông hợm hĩnh; hoàng tử bé và ông nát rượu

Câu 2. Những yếu tố nào giúp em xác định tuyến truyện của đoạn trích?

A. Nhân vật và thời gian

B. Nhân vật và không gian

C. Nhân vật và sự việc chính

D. Nhân vật và hành động

Câu 3. Những yếu tố chính nào được sử dụng để khắc hoạ đặc điểm nhân vật ông hợm hĩnh và ông nát rượu?

A. Suy nghĩ và hành động

B. Ngôn ngữ và hành động

C. Ngoại hình và hành động

D. Trang phục và ngôn ngữ

Câu 4. Phần in đậm trong câu: *"Nhưng chỉ có mỗi mình ông trên hành tinh này* ***mà!***" là thành phần gì?

A. Thành phần chêm xen (phụ chú)

B. Thành phần tình thái

C. Thành phần cảm thán

D. Thành phần gọi – đáp

2. Trả lời các câu hỏi

Câu 1. Câu chuyện được kể trong đoạn trích có cốt truyện đơn tuyến hay đa tuyến? Vì sao?

Câu 2. Đọc lại đoạn đối thoại giữa hoàng tử bé và ông hợm hĩnh và trả lời các câu hỏi:

– Đó là để chào – Ông hợm hĩnh trả lời cậu. – Đó là để chào khi có người hoan hô ta. Đáng tiếc là chưa bao giờ có ai đi qua đây.

– Vậy sao? – Hoàng tử bé hỏi lại mà chẳng hiểu gì.

a) Theo em, hoàng tử bé hỏi với mục đích gì?

b) Có thể xem đây là câu hỏi tu từ không? Vì sao?

Câu 3. Chỉ ra những chi tiết gây cười trong câu chuyện về ông hợm hĩnh và ông nát rượu. Nêu ý nghĩa của những chi tiết này.

Câu 4. Theo em, vì sao hoàng tử bé cảm thấy cả ông hợm hĩnh và ông nát rượu đều rất "kì quặc"?

Câu 5. Xác định đối tượng châm biếm trong câu chuyện được kể ở đoạn trích này.

VIẾT

Bài tập 1

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) trình bày cảm xúc của em về hình tượng "cô gái mở đường" trong đoạn thơ được trích dẫn của bài tập 1 phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt.

Bài tập 2

Từ câu chuyện của hoàng tử bé và các nhân vật trong đoạn trích đã dẫn ở bài tập 2 thuộc phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt, hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về một trong những thói xấu mà em cho là "kì quặc" của con người hoặc của chính bản thân mình.

NÓI VÀ NGHE

Chọn một trong hai đề bài sau đây để lập dàn ý cho bài nói và trình bày trong nhóm:

1. Từ hình tượng "cô gái mở đường" trong đoạn thơ được trích dẫn của bài tập 1, phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt, hãy trình bày suy nghĩ của em về tình yêu và trách nhiệm của con người với quê hương, đất nước.
2. Thói kiêu căng không chỉ khiến chúng ta trở nên lố bịch mà còn cản trở sự tiến bộ của mỗi người. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến đó.

Phần hai

GỢI Ý LÀM BÀI

Bài 6 CHÂN DUNG CUỘC SỐNG

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. B; 2. C; 3. A
4. Ánh Vàng đã nói với Sói Lam:

   – *Anh Sói Lam, tha lỗi cho em, tha…*

   – *Không! Em không muốn bỏ anh lại một mình!*

   Những lời nói đó cho thấy Ánh Vàng mong muốn Sói Lam tha lỗi cho mình, ân hận về hành động dại dột của mình. Chỉ vì sự tò mò, muốn biết thêm về con người mà Ánh Vàng đã đẩy Sói Lam vào tình huống nguy hiểm. Cô đau đớn không muốn chạy đi, không muốn bỏ sói anh ở lại.

Bài tập 2

1. A; 2. D
3. Giọt nước mắt của Báo thể hiện nỗi buồn thẳm sâu, sự xúc động, niềm hạnh phúc khi gặp được một người hiểu mình, trò chuyện cùng và làm bạn với mình.
4. Báo đã trở thành bạn thân của Phi Châu vì nhận thấy những nét đẹp đáng quý của cậu:

   – Phi Châu có tâm hồn tinh tế, tĩnh lặng, nghe được âm thanh khi Báo đến gần, nghe thấy được cả "hai con rận đang cãi nhau" trên vai Báo.

   – Phi Châu khen ngợi, trân trọng ưu điểm tuyệt vời của Báo: *"Anh là một tay đi săn tuyệt vời, Báo ạ"*.

   – Phi Châu nhận thấy sự tương đồng giữa mình và Báo: đều buồn bã, cô đơn và cần có một người bạn để sẻ chia (*Báo này, anh cần có một người bạn, và tôi cũng vậy*).
5. Em nêu một bài học rút ra từ đoạn trích. Ví dụ: bài học về sự trân trọng thế giới tự nhiên, yêu thương loài vật; cần có cái nhìn sâu sắc để đồng cảm và thấu hiểu người khác;…

6. Em tìm một câu trong đoạn trích có thán từ gọi – đáp. Ví dụ: *"Báo ơi, anh chăn cừu với tôi nhé?"*.

Bài tập 3

1. D; 2. D
3. Sói mẹ kể chuyện về hai bà cháu sói Vụng Về để ru các con ngủ và cũng là để bầy sói hiểu hơn về con người, cảnh giác trước sự săn lùng của con người.
4. Từ các chi tiết về vẻ ngoài và lời nói của Sói Bà với sói Vụng Về, em nêu cảm nhận về nhân vật Sói Bà. Ví dụ: Sói Bà có bộ lông đẹp tuyệt vời. Sói Bà rất yêu thương, quan tâm sói Vụng Về. Bà nhắc nhở sói Vụng Về cần cẩn thận, cảnh giác với con người trong cuộc mưu sinh đầy nhọc nhằn và nguy hiểm. Nhưng cuối cùng, Sói Bà đã bị con người giết chết.
5. Câu chuyện trong phần đầu đoạn trích được kể theo ngôi thứ nhất qua lời của nhân vật Sói Lam (*Tối đến, chúng tôi ngủ trong hang cáo.*). Sau đó, câu chuyện được kể theo lời người kể chuyện ngôi thứ ba (*Sói Lam nằm ngay lối vào hang, còn Sói Mẹ Hắc Hoả ru bầy sói con trong đáy hang.*). Lời kể lại được chuyển sang nhân vật Sói Mẹ trong câu chuyện ru bầy sói con ngủ (*Ngày xửa ngày xưa… Thôi, đến giờ đi ngủ rồi các con ạ, mai mẹ kể tiếp.*).
6. a. Trợ từ *ngay* biểu thị ý nhấn mạnh khoảng cách rất gần giữa vị trí của sự vật được nói đến (nơi Sói Lam nằm) so với địa điểm được lấy làm mốc (lối vào hang).

   b. Trợ từ *ngay, cả, đến* biểu thị ý nhấn mạnh sự chậm chạp của sói Vụng Về, thậm chí những con tuần lộc già cũng chạy nhanh hơn chú.

Bài tập 4

1. D
2. HS tự làm.
3. Em tìm trong đoạn trích những cụm từ, câu văn thể hiện tâm trạng của Sói Lam trong vườn thú. Ví dụ: *lẻ loi vô cùng; quen sống cô độc; Nó thích hồi tưởng về những kỉ niệm của mình hơn là cần một người bạn đồng hành.*
4. Em tìm chi tiết miêu tả hành động giải cứu bầy sói của Ánh Vàng: Ánh Vàng lẫn trong đám cỏ mà không ai phát hiện ra. Ánh Vàng nhảy tung lên ngoạm vào cẳng chân viên phi công làm chiếc trực thăng rơi xuống giữa đầm. Từ đó, em nhận xét về đặc điểm của nhân vật Ánh Vàng. Ví dụ: Ánh Vàng thông minh, nhanh nhẹn và rất dũng cảm.
5. Để trả lời câu hỏi này, em cần kết nối sự việc Sói Lam cứu em gái Ánh Vàng trong văn bản *Mắt sói* ở SGK (tr. 8) với chi tiết "có một đêm, cô ấy đi đâu đó

với một người anh", bộ lông Ánh Vàng không sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời nữa mà chỉ còn màu rơm vàng, "Mọi người nói là cô để tang cho anh mình.". Từ đó, em có thể suy luận về việc sói Gà Gô chẳng bao giờ thấy Ánh Vàng cười. Chẳng hạn: Ánh Vàng buồn đau và không thể quên người anh Sói Lam của mình.

Bài tập 5

1. C; 2. D

3. Người hoạ sĩ nhận thấy cuộc đời quá phong phú và rộng lớn mà nghệ thuật dù nỗ lực đến đâu cũng khó nắm bắt, khám phá và thể hiện được hết.

4. Anh thanh niên giới thiệu cho người hoạ sĩ ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét. Điều đó cho thấy anh thanh niên rất khiêm tốn. Anh thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé.

5. Em tìm một câu trong đoạn trích có thán từ. Ví dụ: "*Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài.*". Thán từ *chao ôi* thể hiện sự xúc động, trăn trở của ông hoạ sĩ khi ông nhận thấy gặp được anh thanh niên là cơ hội hiếm có trong sáng tác nhưng hoàn thành được sáng tác đó còn là một chặng đường dài.

Bài tập 6

1. A; 2. D; 3. B

4. Em bày tỏ ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với đánh giá của Xiu về tác phẩm chiếc lá thường xuân của cụ Bơ-men. Em cần lí giải cho quan điểm của mình. Ví dụ: Em cho rằng chiếc lá cụ Bơ-men vẽ đúng là một kiệt tác. Chiếc lá vẽ xuất sắc đến mức khiến Giôn-xi tưởng đó là chiếc lá thật. Chiếc lá được cụ Bơ-men vẽ trong đêm mưa tuyết với tình yêu thương lớn lao và đức hi sinh cao thượng. Bức vẽ ấy đã đem lại sự sống cho Giôn-xi.

5. Em nêu một bài học rút ra từ đoạn trích. Ví dụ: bài học về sự lạc quan, niềm hi vọng trong cuộc sống; tình yêu thương, lòng nhân hậu của con người;...

Bài tập 7

1. A; 2. D

3. HS tự làm.

4. – Đinh xin lỗi Tâm và Bình vì trò đùa thời học trò (Đinh đọc nhật kí của Bình cho cả lớp nghe khiến Bình và Tâm bị tổn thương và mắc kẹt trong sự hiểu lầm).

– Bình nhắn *"Một lần nữa xin lỗi Tâm!"* vì Bình đã vô tình làm tổn thương Tâm và Bình vẫn ân hận, day dứt vì chưa thể giải thích cho Tâm hiểu rõ sự hiểu lầm đáng tiếc đó.

– Tâm muốn xin lỗi Bình vì Tâm đã không hiểu được tấm lòng nhân hậu, trong sáng, đẹp đẽ của bạn.

5. – Khi Tâm học lớp 8, tin về cuốn nhật kí lan ra khắp trường, Tâm bị các bạn chú ý, trêu chọc, Tâm thấy "căm ghét" Bình, không muốn nói chuyện với Bình, từ chối lời xin lỗi và thanh minh của bạn với "nỗi uất ức dồn nén" và cảm thấy "nhẹ cả người" khi nghe tin gia đình Bình chuyển đi nơi khác.

– Khi đọc những trang nhật kí của Bình, Tâm cảm động vì sự quan tâm và tấm lòng nhân hậu, trong sáng, ấm áp của bạn. Tâm muốn một lần được gặp lại và xin lỗi Bình vì sự hiểu lầm trước đây nhưng không thể.

6. Từ lời nói, hành động của Bình với Tâm, em nêu cảm nhận về nhân vật Bình. Ví dụ: Bình có trách nhiệm, không muốn làm người khác hiểu lầm (Bình gặp Tâm xin lỗi và thanh minh với bạn). Bình có tấm lòng nhân hậu, yêu thương, quan tâm đến bạn bè (thấy bạn ngồi bán rau, Bình thương bạn). Bình có tâm hồn đẹp đẽ, tinh tế và sâu sắc khi luôn cảm thấy có lỗi với Tâm (từ khói lửa chiến tranh miền Nam, Bình nhờ Đinh chuyển tới Tâm món quà là cuốn sổ nhật kí để Tâm hiểu mình và muốn gửi tới Tâm lời xin lỗi).

7. Em nêu một bài học rút ra từ văn bản. Ví dụ: bài học về sự cần trọng khi đánh giá một con người hay sự việc; tấm lòng yêu thương, nhân hậu và sự quan tâm đến người khác; việc nói lời xin lỗi với người khác về những sai lầm và hiểu lầm;...

VIẾT

Bài tập 1

Em có thể lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý sau:

– *Mở bài*: Giới thiệu về tác phẩm (truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O. Hen-ry), nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.

– *Thân bài*:

+ Nêu nội dung chính của tác phẩm. (Ví dụ: Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ nghèo cùng nhau thuê và sống trong một căn hộ giá rẻ. Vào mùa đông, Giôn-xi bị mắc chứng viêm phổi rất nặng. Cô đếm ngược từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân ở bức tường gạch phía trước mặt và tin rằng khi nào chiếc lá cuối cùng rụng thì cô cũng ra đi. Biết được ý nghĩ đó của Giôn-xi, cụ Bơ-men đã âm thầm vẽ chiếc lá thường xuân trong một đêm mưa tuyết khủng khiếp. Chiếc lá cuối cùng đã không rụng khiến Giôn-xi lạc quan hơn và muốn được sống. Tuy nhiên, cụ Bơ-men lại chết vì sưng phổi sau đêm vẽ chiếc lá cuối cùng ấy.)

+ Nêu chủ đề của tác phẩm. (Ví dụ: Tác giả thể hiện tình yêu thương với những người nghèo khổ và ca ngợi tấm lòng nhân hậu, cao thượng của họ.)

+ Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. (Ví dụ: nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật kể chuyện độc đáo,...)

– *Kết bài*: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

Bài tập 2

HS tự làm.

Bài tập 3

Em viết bài văn dựa trên kết quả thực hiện bài tập 7 (phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt).

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

– Em có thể chọn hai trong số những cuốn sách (truyện) mà em đã đọc như: *Hoàng tử bé* (Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri), *Tôi là Bê-tô* (Nguyễn Nhật Ánh), *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* (Lu-i Xe-pun-ve-da), *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* (Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô), *Những ngày thơ ấu* (Nguyên Hồng), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần), *Mắt sói* (Đa-ni-en Pen-nắc),... hoặc hai tác phẩm truyện bất kì mà em yêu thích.

– Em kẻ bảng và điền thông tin về hai cuốn sách (truyện) theo bảng gợi ý.

Bài tập 2

Dựa vào thông tin đã có sau khi hoàn thành bài tập 1, em hãy chuẩn bị nội dung trình bày theo gợi ý sau:

– Mở đầu: Nêu tên cuốn sách (truyện) và lí do em giới thiệu cuốn sách (truyện) đó với người nghe.

– Triển khai: Trình bày một số thông tin quan trọng về cuốn sách (tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, nội dung chính, chủ đề, một vài nét nổi bật về hình thức nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...).

– Kết thúc: Nêu cảm nghĩ, đánh giá của em về cuốn sách và khích lệ người nghe tìm đọc.

Em có thể giới thiệu cuốn sách cho các bạn trong lớp, trong nhóm học tập nghe hoặc quay phim bài trình bày của mình để chia sẻ với nhiều người.

Bài 7 TIN YÊU VÀ ƯỚC VỌNG

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. – Người bộc lộ cảm xúc trong đoạn thơ là một người lính trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, xuất thân từ nông dân.

   – Cảm xúc được thể hiện trong đoạn thơ là niềm xúc động trước tình đồng chí, đồng đội của những người lính.

2. Những biểu hiện của tình đồng chí thể hiện trong đoạn thơ:

   – Thấu hiểu tâm tư, tình cảm của nhau: mặc dù sẵn sàng ra đi chiến đấu nhưng trong sâu thẳm tâm hồn mỗi người luôn day dứt vì chưa hoàn thành trách nhiệm với quê nhà.

   – Chia sẻ những khó khăn, gian khổ trong chiến đấu: cùng vượt qua thiếu thốn trong sinh hoạt hằng ngày (thiếu thốn thuốc men, quần áo, giấy, chăn ấm,...), nguy hiểm trong chiến đấu (canh gác chờ giặc tới).

   – Dành cho nhau tình cảm yêu thương (nắm lấy bàn tay).

3. – Biện pháp tu từ được dùng trong câu thơ *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính* là nhân hoá: sử dụng từ ngữ vốn chỉ cảm xúc của con người để miêu tả sự vật.

   – Tác dụng: biểu đạt kín đáo, ý nhị tình cảm của quê hương, của người thân dành cho người cầm súng lên đường đi chiến đấu.

4. Phó từ *từng*, bổ sung ý nghĩa về số lượng.

Bài tập 2

1. – Thể thơ : tự do.

   – Đặc điểm vần, nhịp của bài thơ:

   + Bài thơ sử dụng vần chân, vần hỗn hợp bao gồm vần liền (*rồi – ngồi, thẳng – đắng, tim – chim,...*) và vần cách (*già – ha, rơi – tới, đội – rồi,...*).

   + Nhịp thơ linh hoạt. Ví dụ:

   Không có kính/ không phải vì/ xe không có kính
   Bom giật,/ bom rung/ kính vỡ đi rồi
   Ung dung/ buồng lái ta ngồi,
   Nhìn đất/ nhìn trời,/ nhìn thẳng.

2. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là một người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Anh bộc lộ tình cảm yêu thương, chia sẻ với đồng đội của mình – những người lính trong tiểu đội xe không kính và tình yêu đối với miền Nam, với quê hương, đất nước.

3. Mạch cảm xúc trong bài thơ:

– Bốn khổ thơ đầu: cảm phục tinh thần lạc quan, coi thường gian khó, sẵn sàng lên đường ra mặt trận của những người lính lái xe.

– Hai khổ thơ tiếp theo: xúc động trước tình đồng chí, đồng đội giữa những người lính.

– Khổ thơ cuối: ngưỡng mộ tình cảm đối với miền Nam, với đất nước của những người lính lái xe.

4. Cảm nhận về hình ảnh những chiếc xe không kính:

– Đó là những chiếc xe không bình thường: không có kính ("bom giật, bom rung" làm kính bị vỡ), không có mui, không có đèn,... Đó là dấu vết, là chứng tích của những trận chiến khốc liệt mà người lính và chiếc xe đã trải qua.

– Xe không kính nên người lính lái xe phải chịu cảnh gió, bụi, "mưa tuôn mưa xối như ngoài trời"; sao trời, cánh chim như sa, như ùa vào buồng lái. Hình ảnh những chiếc xe không kính phản ánh những gian khổ mà người lính phải trải qua.

– Những chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe dũng cảm, gan dạ, không sờn lòng trước hiểm nguy, gian khó.

5. Vẻ đẹp của hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn trong bài thơ:

– Dũng cảm, kiên cường, ngang tàng, ung dung đối mặt và vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm.

– Tình đồng chí, đồng đội sâu nặng.

– Yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì đất nước.

6. Các biện pháp tu từ được dùng ở khổ thơ thứ nhất và tác dụng của chúng:

– Biện pháp tu từ điệp ngữ:

+ Điệp ngữ *không, có kính, bom* làm nổi bật hình ảnh những chiếc xe mang đầy thương tích của chiến tranh khốc liệt.

+ Điệp ngữ *nhìn* tô đậm vẻ đẹp của những người lính lái xe:

• Khắc phục thiếu thốn; dũng cảm đối mặt và vượt qua nguy hiểm để thực hiện nhiệm vụ; luôn ung dung, lạc quan tiến lên phía trước; nhìn thẳng vào mọi gian khổ, hi sinh; không hề run sợ, né tránh.

• Biểu hiện sự tập trung, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

• Thể hiện một tâm hồn lãng mạn, tinh tế, chủ động chiêm ngưỡng và tận hưởng từng vẻ đẹp của thiên nhiên, của cả không gian, đất trời từ buồng lái đã bị vỡ kính.

– Biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong câu thơ *"Ung dung buồng lái ta ngồi"*: nhấn mạnh tư thế ngồi ung dung, thư thái, không có gì lo lắng, run sợ, từ đó ca ngợi tinh thần dũng cảm của người chiến sĩ.

7. – Trong câu thơ *"Chỉ cần trong xe có một trái tim"*, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ. *Trái tim* là hình ảnh hoán dụ khơi gợi nhiều liên tưởng:

+ Biểu tượng của tinh thần yêu nước nồng nàn, tất cả vì miền Nam thân yêu.

+ Thể hiện tình đồng chí, đồng đội sâu sắc.

+ Bản lĩnh vững vàng, lòng dũng cảm.

+ Tinh thần lạc quan và niềm tin mãnh liệt vào ngày thống nhất đất nước.

– *Trái tim* là nhãn tự của bài thơ, đồng thời cũng là hình ảnh hội tụ nội dung tư tưởng toàn bài, kết tinh vẻ đẹp của những người lính và để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

8. Một số từ ngữ: *ừ thì, phì phèo*. Các từ ngữ đó cho thấy nét dân dã, mộc mạc mà cũng rất tinh nghịch, trẻ trung, ngang tàng, hóm hỉnh của người lính.

Bài tập 3

1. – Thể thơ: tự do.

– Căn cứ để xếp đoạn thơ vào thể thơ tự do:

+ Số tiếng trong các dòng thơ không bằng nhau, có dòng 7 tiếng, có dòng 3 tiếng,...

+ Cách gieo vần: vần chân, vần cách (*mây – may*), vần liền (*cỏ – cỏ – cỏ*). Tác dụng: tạo sự liên kết về âm điệu cho những dòng thơ.

+ Cách ngắt nhịp: linh hoạt, phù hợp với cảm xúc của nhà thơ: 2/3 (*chúng tôi/ không mệt đâu*), *3/3* (*nhưng có sắc/ mà ấm quá!*), *3/4* (*nhiều đổi thay/ như một thoáng mây*), *4/5* (*khi chúng tôi nằm/ nó vẫn ngồi nguyên đó*),...

2. – Người bộc lộ tình cảm, cảm xúc trong đoạn thơ là một người lính đã chiến đấu, hiến dâng tuổi thanh xuân cho Tổ quốc.

– Tình cảm, cảm xúc ấy được dành cho: đồng đội của anh, những người lính đã ngã xuống vì đất nước.

3. Cảm xúc trong đoạn thơ vận động theo diễn trình:

– Cảm xúc về người em – một đồng đội trẻ tuổi đã anh dũng hi sinh: khổ 1, 2.

– Cảm xúc về những đóng góp, hi sinh của thế hệ mình: khổ 3, 4.

– Ý thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân với Tổ quốc: khổ 5, 6.

4. Cách chia khổ của đoạn thơ rất đặc biệt. Các khổ thơ có độ dài không bằng nhau: 1 dòng, 2 dòng, 3 dòng, 4 dòng, 5 dòng. Gợi ý về tác dụng của cách chia khổ trong việc biểu đạt mạch cảm xúc của nhà thơ:

– Khổ 3 gồm 5 dòng thơ thể hiện những suy tư sâu sắc, niềm xúc động khôn nguôi về những vẻ đẹp của tuổi hai mươi: kiên cường, đoàn kết, có sức sống mạnh mẽ, tâm hồn lãng mạn; tình yêu quê hương, đất nước tha thiết; những cảm xúc về ý nghĩa thiêng liêng, cao cả của sự hi sinh của tuổi trẻ cho đất nước.

– Khổ cuối chỉ có một câu nhắc lại nội dung của câu thơ thứ hai trong khổ 1, để lại dư âm trong lòng người đọc về:

+ Tình yêu của quê hương, đất nước với người đã hi sinh: Các anh trở về trong vòng tay ấm áp của đất mẹ.

+ Vẻ đẹp của tuổi hai mươi: ý chí kiên cường, mạnh mẽ, tình yêu quê hương nồng nàn.

5. Biện pháp tu từ so sánh: làm nổi bật sự ra đi nhẹ nhàng, thanh thản của người lính trẻ, cũng như sự bất tử của anh trong trái tim đồng đội, trong kí ức nhân gian. Anh đã hoá cánh chim trời, hoá làn mây trôi vào vĩnh cửu.

6. Những câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá, điệp ngữ và tác dụng:

– Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá: *hoa chuẩn bị âm thầm trong đất.*

Tác dụng: diễn tả một cách hình ảnh, sinh động ý nghĩa sự hi sinh thiêng liêng của những người lính trẻ. Các anh nằm xuống để cây đời xanh tươi, đơm hoa kết trái, mang mùa xuân về cho đất nước.

– Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ:

+ *chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ (nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)*

Tác dụng: nhấn mạnh tinh thần hi sinh cao cả của những người lính. Mặc dù rất khát khao được sống tuổi hai mươi – lứa tuổi đẹp nhất của cuộc đời con người nhưng họ vẫn sẵn sàng dâng hiến tuổi trẻ cho độc lập dân tộc, hoà bình của đất nước.

+ *mười tám hai mươi sắc như cỏ/ dày như cỏ/ yếu mềm và mãnh liệt như cỏ*

Tác dụng: ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp của tuổi hai mươi kiên cường, mạnh mẽ mà yếu mềm, hiền lành như cỏ.

7. Cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ là ca ngợi tuổi trẻ Việt Nam những năm chiến tranh – những con người kiên cường, mạnh mẽ, tâm hồn lãng mạn, nồng nàn yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì đất nước.

Bài tập 4

1. – Bài thơ được viết theo thể thơ tự do.

– Căn cứ để xác định thể thơ:

+ Số tiếng trong các câu thơ không đều nhau, có câu 2 tiếng, có câu 9 tiếng,...

+ Vần, nhịp của bài thơ: tự do, phóng khoáng.

• Vần chân, vần liền (*giặc – bắc, mắt – tắt,...*), vần cách (*đâu – dầu – thâu,...*): tạo sự kết nối linh hoạt về âm điệu giữa các dòng thơ.

• Nhịp: ngắt nhịp tự do theo cảm xúc. Chẳng hạn: 2/2 (*Đi nhanh/ đi nhanh*), 2/4 (*Trên đường/ ta đi đánh giặc*), 3/4 (*Ta về nam/ hay ta lên bắc*), 3/5 (*Những ngọn đèn/ không bao giờ nhắm mắt*), 4/5 (*Như những tâm hồn/ không bao giờ biết tắt*).

2. – Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là một người lính trên đường đi đánh giặc.

– Cảm xúc bộc lộ trong bài thơ là niềm tự hào, xúc động trước tình cảm của nhân dân với những người lính, với miền Nam, với đất nước.

– Cảm xúc vận động, phát triển:

+ 7 dòng thơ đầu: Trên đường đi đánh giặc, người lính bắt gặp hình ảnh những ngọn đèn dầu trong đêm thâu.

+ 16 dòng thơ tiếp theo: Từ hình ảnh ngọn đèn, nhà thơ liên tưởng tới tình cảm của cả nước với miền Nam và tình cảm của miền Nam với cả nước.

+ 4 dòng thơ cuối: Cảm nhận về ý nghĩa của những ngọn đèn – tình yêu đất nước của nhân dân – đối với cuộc kháng chiến.

3. Hình ảnh xuyên suốt bài thơ là ngọn đèn. Đó là ngọn đèn dầu bình dị mà sức sống bền bỉ, tượng trưng cho:

– Tình cảm của nhân dân cả nước với miền Nam.

– Tình cảm của miền Nam đối với cả nước.

– Tình yêu đất nước của nhân dân.

Những tình cảm đó cháy sáng không bao giờ tắt, xua đi bóng đêm tăm tối của chiến tranh và tội ác của kẻ thù.

4. Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và tác dụng:

– Biện pháp tu từ nhân hoá: *Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt.* Tác dụng: khiến cho những ngọn đèn hiện lên sinh động, khơi gợi liên tưởng tới con người luôn thao thức, trăn trở.

– Biện pháp tu từ so sánh: Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt được so sánh như những tâm hồn không bao giờ biết tắt, như miền Nam hai mươi năm không ngủ, như cả nước với miền Nam đêm nào cũng thức. Tác dụng: giúp người đọc hình dung cụ thể tình cảm thuỷ chung son sắt của miền Nam đối với cả nước, cả nước đối với miền Nam.

– Biện pháp tu từ điệp ngữ: *không bao giờ, đêm nào, miền Nam, như,...* nhấn mạnh tình cảm của nhân dân cả nước đối với miền Nam và tình cảm của miền Nam đối với cả nước. Tình cảm ấy luôn thường trực trong trái tim mỗi người như những ngọn đèn luôn cháy sáng.

5. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là ca ngợi tình yêu đất nước nồng nàn, cháy bỏng của người dân Việt Nam trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Bài tập 5

1. – Thể thơ của bài thơ: thể thơ tự do.

– Những đặc trưng của thể thơ tự do được thể hiện trong bài thơ:

+ Số lượng tiếng trong các dòng không đều nhau: dòng 9 tiếng, dòng 8 tiếng, dòng 7 tiếng, dòng 2 tiếng,...

+ Vần chân, vần liền: *đỏ – đó, nghe – xe, vội – ối, bi – lì, hát – cát, tầm – rầm,...*

+ Bài thơ ngắt nhịp linh hoạt, góp phần biểu đạt cảm xúc của bài thơ. Ví dụ: Câu thơ *Trăng/ lên* chỉ có hai tiếng ngắt nhịp 1/1 nhấn mạnh sự xuất hiện của vầng trăng rạng rỡ – biểu tượng của hoà bình trong bối cảnh bom rơi đạn nổ ác liệt, từ đó tô đậm khát vọng hoà bình của nhà thơ, cũng là của mọi người dân Việt Nam. Câu thơ *Trong ánh chớp nhoáng nhoàng/ cây cối ngả nghiêng* có 9 tiếng, ngắt nhịp 5/4 miêu tả ánh chớp của bom nổ, nhấn mạnh ấn tượng về những hiểm hoạ rình rập thường xuyên, đe doạ những người chiến sĩ, từ đó làm nổi bật tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời của những người lính.

2. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là một người lính đang sống và chiến đấu ở chiến trường, hằng ngày, hằng giờ đối mặt với bom rơi đạn nổ. Cảm xúc của anh dành cho những đồng chí, đồng đội đang ngày đêm sống trong thiếu thốn, hiểm nguy nhưng vẫn luôn lạc quan, yêu đời; dành cho đất nước gian lao, anh dũng đang chiến đấu để giành độc lập, hoà bình như vầng trăng vượt lên trên quầng lửa để toả sáng.

3. Quá trình vận động của cảm xúc trong bài thơ *Vầng trăng và những quầng lửa*:

– Khổ 1: Cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn từ hai hình ảnh tương phản mà nhà thơ chứng kiến: trăng mọc lên từ đỉnh đồi – nơi những quầng lửa bom vừa cháy.

– Khổ 2, 3, 4: Cảm xúc của nhà thơ trước tinh thần chiến đấu dũng cảm, quên mình vì nhân dân, đất nước, trong hiểm nguy vẫn lạc quan, yêu đời của những người lính công binh, lái xe,... Họ – những người con của đất nước – đã chiến đấu quên mình để biến khát vọng hoà bình thành hiện thực.

– Khổ 5: Cảm xúc về sức mạnh của đất nước, dân tộc vượt lên gian lao giành độc lập, hoà bình.

4. Xuất hiện xuyên suốt bài thơ là hai hình ảnh vầng trăng và những quầng lửa. Việc đặt hai hình ảnh đó bên nhau thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ:

– Quầng lửa – hiện thân của chiến tranh tàn khốc.

– Vầng trăng – biểu tượng cho hoà bình, cho đất nước.

– Hình ảnh vầng trăng vượt lên quầng lửa mọc lên cao biểu đạt tư thế, sức mạnh của đất nước trong chiến tranh.

5. Dưới ánh sáng của vầng trăng và những quầng lửa, nhiều hình ảnh đã hiện lên:

– Một tổ công binh đang ngồi bên trạm gác, có chiến sĩ trẻ măng cất lên tiếng hát.

– Những đoàn xe buông bạt kín rú ga đi vội.

– Những đồng chí công binh lầm lì, mùi bộc phá trộn vào trong tiếng hát. Trên áo giáp lấm đầy đất cát.

Gợi ý cảm nhận về những hình ảnh ấy: Hình ảnh những người lính in dấu ấn của chiến tranh tàn khốc. Nhưng họ có tinh thần dũng cảm, không hề run sợ trước bom đạn của kẻ thù; sẵn sàng làm nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao; luôn lạc quan, yêu đời.

6. – Các từ láy trong bài thơ: *lốm đốm, nhoáng nhoàng, lầm lì, lộp độp, hun hút, rì rầm.*

– Gợi ý tác dụng của một số từ láy:

+ Từ láy *lộp độp* trong câu thơ mô phỏng tiếng những trận bom bi ở trên cao rơi xuống chiến trường liên tiếp, từ đó làm nổi bật tính chất khốc liệt của chiến tranh.

+ Từ láy *hun hút* làm nổi bật hình ảnh những con đường ra mặt trận hẹp, kéo dài mãi, từ đó gợi liên tưởng đến một cuộc trường chinh gian khổ mà cả dân tộc đang trải qua.

7. Cảm hứng chủ đạo đã khơi gợi mạch cảm xúc của bài thơ: ngợi ca quê hương, đất nước anh dũng, kiên cường vượt lên gian lao, gian khổ để giành độc lập, hoà bình.

Bài tập 6

1. Bài thơ *Lá bưởi lá chanh* của nhà thơ Lưu Quang Vũ là một bài thơ tự do.

   – Số lượng tiếng trong các dòng thơ không bằng nhau, cách chia khổ linh hoạt.

   – Bài thơ gieo vần chân, gồm cả vần liền, vần cách: *xanh – chanh, ao – rào, hạ – quả, vương – hương, hậu – đấu, xưa – lửa,...*; tạo sự luyến láy và sự gắn kết về âm điệu giữa những dòng thơ.

   – Bài thơ ngắt nhịp linh hoạt, biểu đạt phong phú các cung bậc cảm xúc của nhà thơ. Ví dụ:

   Ôi/ lá bưởi/ lá chanh

   Hương vị quê nhà/ quen thuộc quá

   Như ngày/ thơ nhỏ

   Có cây bưởi/ cạnh cầu ao

   Mấy gốc chanh/ ven hàng rào

   Bưởi chín/ về mùa thu

   Chanh sai/ về mùa hạ

   Mẹ chăm gốc nhiều/ nên ngon quả.

2. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ và đối tượng của cảm xúc đó:

   – Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là một người lính chiến đấu xa nhà.

   – Tình cảm của anh dành cho những người mẹ, người em ở nơi anh đóng quân. Họ là đại diện của nhân dân với những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3. Cảm xúc của bài thơ vận động theo trình tự:

   – Khổ 1, 2, 3: cảm động trước hình ảnh các mẹ già, em thơ mang lá bưởi, lá chanh để nguỵ trang cho những cỗ pháo.

   – Khổ 4, 5: bồi hồi nhớ về những kỉ niệm thân thương nơi quê nhà.

   – Khổ 6, 7, 8: niềm xúc động của người lính trước sự đồng hành, sát cánh của nhân dân trong cuộc chiến giành độc lập dân tộc.

4. Cảm nhận về ý nghĩa của hình ảnh lá bưởi, lá chanh:

– Hình ảnh lá bưởi, lá chanh mang ý nghĩa biểu tượng cho tình cảm của nhân dân dành cho những người lính đang trực tiếp chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

– Hình ảnh đó cũng thể hiện ý chí, khát vọng hoà bình, độc lập của nhân dân ta.

– Lá bưởi, lá chanh biểu tượng cho tình yêu quê hương, đất nước, khát vọng đóng góp sức mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

5. – Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ là nhân hoá.

– Biện pháp tu từ được sử dụng đã diễn tả tình cảm xót xa của nhà thơ với cỏ cây và thái độ lên án chiến tranh. Trong cảm nhận của nhà thơ, cỏ cây không vô tri vô giác mà có cảm xúc như con người. Cây cũng biết đau khi bị bom đạn kẻ thù cắt đứt thân cành.

6. – Trong câu thơ có sự kết hợp từ ngữ đặc biệt. Từ *hương vị* thường được kết hợp với các từ ngữ chỉ sự vật cụ thể (có hương vị) như *nước giải khát, bánh kẹo, trái chín* trong các cụm từ như *hương vị nước giải khát, hương vị bánh kẹo,...* Trong câu thơ, nhà thơ dùng *hương vị* kết hợp với *quê nhà*, một cụm từ chỉ sự vật trừu tượng.

– Tác dụng của sự kết hợp từ ngữ đặc biệt đó là vừa khẳng định hương bưởi, hương chanh là mùi vị của đặc sản quê nhà, vừa mang nghĩa trừu tượng chỉ một sắc thái, đặc trưng của quê hương.

7. Cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn từ cảm hứng ca ngợi tình cảm của quê hương, của nhân dân đối với những người lính, đối với đất nước.

VIẾT

Bài tập 1

– Em có thể viết đoạn văn theo dàn ý sau đây:

+ Mở đoạn: giới thiệu nhan đề (*Lá bưởi lá chanh*), tác giả (Lưu Quang Vũ), cảm nghĩ chung về bài thơ.

+ Thân đoạn: lần lượt nêu cảm nghĩ về các yếu tố nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...) và nội dung của bài thơ (tình cảm của người dân dành cho các anh bộ đội, cho đất nước).

+ Kết đoạn: khái quát cảm nghĩ của em về bài thơ.

– Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu về dung lượng (khoảng 9 – 12 câu), liên kết, diễn đạt (sử dụng ít nhất một biện pháp tu từ) và quy cách trình bày.

Bài tập 2

Em có thể viết đoạn văn theo dàn ý sau đây:

– Mở đoạn: giới thiệu nhan đề (*Vầng trăng và những quầng lửa*), tác giả (Phạm Tiến Duật), cảm nghĩ chung về bài thơ.

– Thân đoạn: lần lượt nêu cảm nghĩ về các yếu tố nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, biện pháp tu từ, từ láy tượng thanh, tượng hình,...) và nội dung của bài thơ (tình yêu quê hương, đất nước của những người lính; khát vọng hoà bình và sức mạnh của dân tộc Việt Nam trong chiến tranh,...).

– Kết đoạn: khái quát cảm nghĩ của em về bài thơ.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Em có thể chuẩn bị một bài nói dựa trên dàn ý gồm các phần sau đây và luyện tập theo điều kiện phù hợp:

– Giải thích câu danh ngôn:

+ Câu danh ngôn nói lên một quy luật của thiên nhiên: đêm trôi qua, bình minh sẽ xuất hiện, xua đi bóng tối và đem ánh sáng, hơi ấm đến muôn nơi.

+ Câu danh ngôn cũng khẳng định hãy tin tưởng, hi vọng vào những điều tốt đẹp dù thực tại có khó khăn, gian nan, thử thách đến mức nào.

– Nêu ý kiến bàn luận: khẳng định vấn đề nêu trong câu danh ngôn là đúng vì nó phản ánh thực tế niềm tin và hi vọng sẽ giúp con người có bản lĩnh, ý chí vượt qua khó khăn, thử thách ở thời điểm hiện tại để đạt đến ước mơ, mục đích tốt đẹp.

– Mở rộng vấn đề:

+ Trong thực tế, nhiều người có ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn; có niềm tin và hi vọng vào những điều tốt đẹp và đã gặt hái thành quả.

+ Tuy nhiên, vẫn còn những cá nhân tỏ ra bi quan, thất vọng khi gặp khó khăn. Họ không cố gắng vượt qua những thử thách trước mắt mà buông xuôi, đầu hàng hoàn cảnh. Thái độ sống này rất đáng phê phán.

– Liên hệ bản thân:

+ Không bi quan, thất vọng, chán nản khi gặp khó khăn.

+ Lạc quan, tin tưởng và luôn cố gắng thực hiện ước mơ.

Bài tập 2

Để chuẩn bị bài nói, em hãy lập dàn ý rồi tập luyện theo gợi ý tương tự ở bài tập 1.

Dàn ý bài nói:

– Giải thích câu danh ngôn:

+ Lí tưởng sống là gì? Lí tưởng là mục tiêu tốt đẹp, cao cả mà con người đặt ra để phấn đấu đạt tới.

+ Vì sao tuổi trẻ không có lí tưởng sẽ giống như bình minh không có ánh sáng mặt trời? Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường soi sáng, định hướng cho cuộc đời mỗi người; có lí tưởng con người sẽ có mục đích để phấn đấu vươn lên; lí tưởng sống cao đẹp là điều kiện để con người sống có ý nghĩa, giúp con người hoàn thiện nhân cách.

– Bàn luận vấn đề: Câu danh ngôn hoàn toàn đúng vì trong cuộc sống, con người không có lí tưởng, không có mục đích thì sẽ không làm được gì cả và nếu mục đích tầm thường thì không làm được điều gì to lớn và có ý nghĩa.

– Mở rộng vấn đề:

+ Nhiều cá nhân sống có lí tưởng cao đẹp, mình vì mọi người. Đó là lối sống cao đẹp, đáng trân trọng.

+ Có những cá nhân sống ích kỉ, chỉ lo cho bản thân mình. Đó là lối sống đáng phê phán.

– Liên hệ bản thân:

+ Luôn suy nghĩ tích cực; trau dồi kiến thức, rèn luyện kĩ năng, tăng cường sức khoẻ để phát triển và hoàn thiện bản thân.

+ Đặt ra những mục tiêu cụ thể và có kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó; luôn gắn mục tiêu của cá nhân với lợi ích của xã hội, đất nước.

+ Tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Khi đọc một tác phẩm truyện, em cần nắm bắt đề tài, chủ đề, các sự kiện chính, nhân vật và đặc biệt là kiểu cốt truyện (cốt truyện đơn tuyến hay cốt truyện đa tuyến). Nếu là truyện kể có cốt truyện đa tuyến thì các mạch sự kiện sẽ phức tạp hơn, thường đặt ra những thách thức cao hơn đối với người đọc. Em có thể đặt ra và trả lời những câu hỏi để tìm hiểu các yếu tố của truyện: *Chủ đề của truyện là gì? Truyện có những sự kiện chính nào (nếu là truyện kể có cốt truyện đơn tuyến)? Các mạch sự kiện chính có quan hệ với nhau ra sao (nếu là truyện kể có cốt truyện đa tuyến)? Nhân vật trong truyện gồm những ai? Nhân vật nào có tính cách đáng chú ý? Tính cách của nhân vật đó thể hiện như thế nào qua suy nghĩ, hành động, lời thoại,...? Em có thay đổi gì trong suy nghĩ, tình cảm,... sau khi đọc tác phẩm?*

Hãy ghi lại đầy đủ thông tin vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế. Em cần ghi nhớ: Việc này không chỉ là cách hoàn thành bài tập mà còn giúp em chuẩn bị thông tin và ý tưởng để trao đổi kết quả đọc với thầy cô và các bạn trong tiết Đọc mở rộng tại lớp. Nhật kí đọc sách có thể gồm những nội dung như gợi ý dưới đây:

NHẬT KÍ ĐỌC SÁCH
Ngày đọc:
Tên truyện, tác giả:
Đề tài:
Chủ đề:
Những sự kiện (hoặc mạch sự kiện) chính:
Các nhân vật:
Tính cách của nhân vật chính:
Các chi tiết tiêu biểu:
Đặc điểm của cốt truyện:
Sự thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm,... của em sau khi đọc tác phẩm:

Bài tập 2

Khi đọc, em cần nắm được đề tài, chủ đề của bài thơ; nhận biết được những đặc điểm của thể thơ tự do được thể hiện trong bài thơ; những điểm nổi bật của bài thơ như bố cục, mạch cảm xúc, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, cảm hứng chủ đạo,.... Em có thể tự trả lời những câu hỏi như: *Đề tài, chủ đề của bài thơ là gì? Đặc điểm của thể thơ tự do thể hiện như thế nào qua bài thơ? Bài thơ có bố cục như thế nào (gồm mấy phần)? Mạch cảm xúc triển khai như thế nào trong bài thơ? Từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ khiến em chú ý hay có ấn tượng đặc biệt? Biện pháp tu từ nào được dùng trong bài? Biện pháp tu từ đó có tác dụng gì? Cảm hứng chủ đạo của nhà thơ là gì? Em có cảm nghĩ như thế nào về bài thơ đã đọc?*

Bằng cách đặt và trả lời những câu hỏi đó, em tiếp tục phát triển kĩ năng đọc một bài thơ tự do. Nhớ ghi đầy đủ nội dung vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế. Việc ghi nhật kí đọc sách không chỉ để hoàn thành bài tập mà còn giúp em chuẩn bị thông tin và ý tưởng cho tiết Đọc mở rộng tại lớp khi em được yêu cầu cùng các bạn trao đổi, thảo luận về một bài thơ mà em yêu thích.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8 NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. Nội dung chính của đoạn trích: *Thu ẩm* là bài thơ khái quát về cảnh thu ở nhiều thời điểm khác nhau, và cảnh thu ấy mang vẻ đẹp bình dị, chân thực. Ta có thể xác định được nội dung trên dựa vào hai câu văn nằm ở phần đầu, khái quát ý của toàn đoạn trích:

   – *Không còn những ước lệ văn hoa sang trọng "rèm châu", "lầu ngọc", "chén vàng",... mà bình dân, "nhà cỏ thấp le te", tiến lên hiện thực rồi.*

   – *Bài thơ này, theo tôi, không phải chỉ nói trong một thời điểm, là trong một đêm trăng hạn định, mà là tổng hợp nhiều thời điểm, khái niệm, khái quát về cảnh thu.*

2. Những lí lẽ, bằng chứng mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ nhận định *Thu ẩm* là "tổng hợp của nhiều thời điểm, khái niệm, khái quát về cảnh thu":

   – Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng, thì bài thơ tù túng và thiếu lô-gíc.

   – *Ngõ tối đêm sâu* thì mâu thuẫn với *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*

   – Đưa *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt* vào cảnh một đêm có trăng, thì không hợp, không điển hình gì cả.

   – *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt* chắc hẳn không phải là trời một đêm trăng, mà phải là trời một buổi chiều.

   Như vậy, tác giả đã dùng các lí lẽ, bằng chứng để phủ nhận việc coi *Thu ẩm* là bài thơ viết về một thời điểm và khẳng định bài thơ là tổng hợp cảnh thu ở nhiều thời điểm khác nhau, bao gồm: đêm có trăng; đêm tối, sâu và buổi chiều.

3. Câu thơ *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe* được Xuân Diệu cảm nhận như sau:

   – Bóng trăng vàng từ mặt nước ao sáng loé ra.

   – Bốn chữ "*l*" khá nặng (*làn, lóng, lánh, loe*) gợi chất vàng nước kim loại.

   – Ba dấu sắc khứ thanh (*lóng, lánh, bóng*) gợi ánh sáng bắn đi.

   – Từ *loe* với âm *oe* gợi cái gì tròn (tròn xoe), như cái ao.

   – Đây là một câu thơ hiếm có của một thi sĩ thật có tài.

Xuân Diệu đã cảm nhận về vẻ đẹp của câu thơ trên cả phương diện nội dung và hình thức. Ông đã tưởng tượng, liên tưởng để hình dung về hình ảnh "bóng trăng vàng từ mặt nước ao sáng loé ra". Đây là cảm nhận về nội dung, về đối tượng được nói đến trong câu thơ. Không chỉ vậy, ông còn phân tích kĩ lưỡng về hình thức nghệ thuật của câu thơ, từ cách dùng bốn phụ âm "*l*" liên tiếp, đến thanh điệu, vần điệu. Trên cơ sở các phân tích đó, ông đánh giá "Đây là một câu thơ hiếm có" "của một thi sĩ thật có tài". Có thể thấy, Xuân Diệu có cảm nhận rất toàn diện, tinh tế về vẻ đẹp của câu thơ. Những phân tích của ông bám sát từ ngữ, hình ảnh trong câu thơ. Đánh giá, kết luận đưa ra giàu sức thuyết phục dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cụ thể.

4. Các cụm từ *theo tôi, cho nên tôi hiểu* trong đoạn trích thể hiện đây là quan điểm, đánh giá của cá nhân tác giả. Trong văn bản nghị luận văn học, tác giả thường dùng cách diễn đạt này để nhấn mạnh quan điểm của mình.

5. Khi đánh giá các câu 2, 3, 4, 5 của bài thơ *Thu ẩm* "hay trong cái thực của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, chứ không bay đi đâu xa khác" tức là tác giả cho rằng các câu thơ trên hay ở chỗ chúng gợi ra vẻ đẹp giản dị, chân thực của mùa thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. "Cái thực" ở đây là những hình ảnh giản dị, chân thực, thường thấy ở làng quê miền Bắc như *ngõ tối đêm sâu, đóm lập loè, lưng giậu, làn ao.* "Bay đi đâu xa khác" có nghĩa là mùa thu ở những phương trời khác, thường được thể hiện bằng những hình ảnh ước lệ, văn hoa, sang trọng, xa lạ, không mang đặc trưng của cảnh sắc Việt Nam.

Bài tập 2

1. Đoạn trích thể hiện nội dung: *Thu vịnh* là bài thơ mang cái hồn, cái thần của cảnh vật mùa thu nhất trong chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến.

   Có thể xác định nội dung của đoạn trích dựa vào câu chủ đề: *"Trong ba bài thơ, bài này mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả, cái thanh, cái trong, cái nhẹ, cái cao."*. Các câu còn lại trong đoạn đều hướng đến làm sáng tỏ ý được nói đến trong câu chủ đề.

2. Nhận xét "Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở trong bầu trời, ở trên trời thu." được làm sáng tỏ qua các lí lẽ, bằng chứng:

   – "Trời thu rất xanh rất cao toả xuống cả cảnh vật."

   – "Cây tre Việt Nam ta [...] như cái cần câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ, thật là thanh đạm, hợp với hồn thu."

   – "*Song thưa để mặc bóng trăng vào* cũng thuộc về trời cao."

   – ...

Tác giả đã lựa chọn phân tích những hình ảnh gắn với bầu trời, được cảm nhận trong không gian bầu trời để làm rõ cho nhận xét trên.

3. Ý của hai câu kết được diễn giải như sau: "Sao ta còn bị buộc chân ở đây, sa lầy trong vòng danh lợi ố bẩn phi nghĩa này? Sao ta chưa trả mũ từ quan quy khứ như Đào Uyên Minh, cho nhẹ nhõm trong sáng?".

Hai câu kết được tác giả phân tích bằng cách giải thích rõ ý thơ, khiến cho người đọc hiểu được nỗi "thẹn" của Nguyễn Khuyến là gì, và vì sao có nỗi thẹn đó. Xuân Diệu đã đặt mình vào vị trí của Nguyễn Khuyến, nói hộ nỗi lòng của Tam Nguyên Yên Đổ qua từ *ta*. Cách xưng hô "ta" như vậy khiến người đọc thấy được sự đồng cảm sâu sắc giữa tác giả của bài văn nghị luận – Xuân Diệu – và tác giả của bài thơ – Nguyễn Khuyến. Hơn nữa, Xuân Diệu đã diễn giải, phân tích hai câu thơ kết dưới hình thức câu hỏi tu từ. Điều này khiến cách diễn đạt không khô khan, xuôi chiều mà giàu cảm xúc, thu hút sự chú ý của người đọc.

4. Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng hai cách nêu bằng chứng:

– Trích dẫn trực tiếp cả câu thơ (các câu *Song thưa để mặc bóng trăng vào, Một tiếng trên không ngỗng nước nào, Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái, Nước biếc trông như tầng khói phủ*).

– Dẫn ý được nói đến trong câu (các câu *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao, Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu, Nhân hứng cũng vừa toan cất bút, Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào* được dẫn ý, diễn giải ý nghĩa của câu thơ chứ không trích nguyên văn).

Có thể thấy, việc nêu bằng chứng theo cả hai cách như trên khiến các bằng chứng đưa ra vừa đảm bảo tính chân thực, cụ thể lại vừa linh hoạt, phong phú.

5. Em tự đối chiếu cách phân tích bằng chứng trong đoạn trích ở bài tập 1 và bài tập 2, từ đó tìm ra sự khác biệt.

Lưu ý: Cách phân tích bằng chứng trong đoạn trích ở bài tập 1 thiên về giải thích, cắt nghĩa từ ngữ, mô tả hình ảnh. Cách phân tích bằng chứng trong đoạn trích ở bài tập 2 thiên về gợi mở ý được nói đến trong câu thơ. Ngoài hai bằng chứng *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao, Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu* được nhà thơ diễn giải, mô tả cụ thể, trong những câu thơ sau, Xuân Diệu không hình dung cụ thể vẻ đẹp của cảnh thu, mà chỉ gợi tình – ý được gửi gắm trong đó. Thêm nữa, việc phân tích bằng chứng trong đoạn trích ở bài tập 1 còn gắn với so sánh, liên tưởng, mở rộng. Nhưng việc phân tích bằng chứng trong đoạn trích ở bài tập 2 không có sự so sánh, liên tưởng, mở rộng như vậy.

Từ việc tìm ra các điểm khác biệt, em cần ý thức rằng, trong văn bản nghị luận văn học, tác giả có thể phân tích bằng chứng theo nhiều cách khác nhau. Điều đó tạo nên sự phong phú, đa dạng trong cách phân tích, tiếp cận đối tượng, khiến bài văn nghị luận trở nên hấp dẫn, thu hút độc giả.

Bài tập 3

1. B; 2. C; 3. C; 4. D; 5. B

Bài tập 4

1. Theo tác giả, ý nghĩa của văn học nằm ở:

   – Trong văn bản;

   – Trong mối liên hệ nhiều mặt giữa văn bản với cuộc đời.

2. Em căn cứ vào những tác phẩm đã học, đã đọc, tự lấy ví dụ chứng minh. Chẳng hạn, khi hiểu về ý nghĩa của đêm giao thừa là đêm đoàn tụ, mỗi người cho dù đi đâu xa cũng cố gắng trở về quây quần bên gia đình trong buổi tối trước thềm năm mới, người đọc sẽ hiểu hơn về sự bất hạnh của em bé bán diêm, đồng thời hiểu hơn những khao khát cháy bỏng của em khi thắp lên những que diêm bé nhỏ.

3. Em căn cứ vào trải nghiệm đọc của mình để làm sáng tỏ ý kiến. Ví dụ, khổ thơ *Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng/ Dài bao thương nhớ/ Mùa xuân nhân gian* trong bài *Đồng dao mùa xuân* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có thể hiểu là nỗi thương nhớ dành cho những mùa xuân tươi đẹp ở trần gian của người lính đã hi sinh, lại vừa có thể hiểu là nỗi thương nhớ của những người ở lại (đồng đội, nhân dân) dành cho người lính ấy.

4. Trong đoạn trích, có ba câu được bắt đầu bằng cụm từ *không ai* ("Không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong", "Không ai có tiếng nói cuối cùng", "Không ai là người duy nhất đúng"). Việc lặp lại như vậy có tác dụng khẳng định, nhấn mạnh quan điểm của tác giả về tính đa nghĩa của tác phẩm văn học và sự bình đẳng của người đọc trong việc tiếp nhận tác phẩm. Việc lặp lại như vậy cũng khiến lời văn nghị luận trở nên hùng hồn, giàu nhịp điệu, gia tăng sức hấp dẫn cho lời văn.

5. Em đọc kĩ văn bản và đưa ra nhận xét về cách sử dụng lí lẽ của tác giả. Lưu ý: Lí lẽ của tác giả vừa dựa trên cơ sở lí thuyết (lí thuyết tiếp nhận), vừa dựa trên cơ sở thực tiễn (thực tế tác phẩm văn học có nhiều tầng nghĩa, đa nghĩa, mơ hồ). Bởi vậy, những lí lẽ mà tác giả đưa ra rất chặt chẽ và giàu sức thuyết phục.

Bài tập 5

1. Văn bản *Nắng mới – sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng* bàn về cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình, đồng thời phân tích vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ (cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh).

2. Em đọc kĩ đoạn từ *Hai chữ "nắng mới"* đến *được gợi lên từ đó* (SGK, tr. 84) để chỉ ra cách giải thích của nhà thơ về ý nghĩa của cụm từ *nắng mới*.

3. Em đọc kĩ đoạn từ *Song có một điều lạ* đến *điểm son trong nỗi nhớ về tuổi thơ* (SGK, tr. 84) để tìm ra sự khác biệt của nắng mới trong hiện tại và hoài niệm. Em cần chỉ ra nắng mới trong hiện tại buồn, mông lung; còn nắng mới trong hoài niệm thì nao nức, tươi vui.

   Sở dĩ có sự khác biệt ấy, bởi theo tác giả, nắng mới trong hoài niệm gắn với hình ảnh người mẹ và cậu bé lên mười được mẹ chăm chút. Còn trong hiện tại, mẹ đã không còn, nhà thơ chìm trong tâm trạng "quạnh hiu, xa vắng".

4. Tác giả cho rằng bài thơ "không nhiều hình ảnh nhưng hình ảnh nào cũng linh động, cũng rất có hồn". Tác giả đã tập trung phân tích các hình ảnh: nắng mới (trong hiện tại – bên song và trong quá vãng – ngoài nội, trước giậu thưa); màu áo đỏ; người mẹ (phơi áo đỏ, nét cười đen nhánh). Nhận xét về cách phân tích của tác giả:

   – Phân tích các hình ảnh theo thứ tự xuất hiện trong bài thơ.

   – Các hình ảnh trong bài thơ đều được tác giả nói đến, nhưng tác giả không phân tích dàn trải mà lựa chọn những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật để tập trung phân tích kĩ lưỡng và đưa ra lời bình ấn tượng (hình ảnh nắng mới, màu áo đỏ, và nét cười đen nhánh).

   – Phân tích bám sát các từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ. Tác giả làm rõ cái hay của ngôn ngữ thơ bằng cách đưa ra các từ gần nghĩa, từ đó khiến người đọc thấy được sự lựa chọn ngôn ngữ của nhà thơ là tinh tế, ấn tượng (đoạn phân tích từ "nét" trong "nét cười đen nhánh").

   – Phân tích gắn với liên tưởng, so sánh (so sánh nét cười của mẹ với nụ cười của những cô hàng xén trong bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm,...).

   – Các lí giải lô-gíc, chặt chẽ (chú ý các từ ngữ tạo sự liên kết, lô-gíc trong văn bản như *sở dĩ, chính vì*,...).

5. Tác giả cho rằng: "*Nắng mới* là một bài thơ hết sức thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng". Ý kiến này có thể hiểu như sau:

– *Nắng mới* thể hiện sự thành thực của tâm hồn nhà thơ. Cảm xúc của nhà thơ được thể hiện rất chân thực, từ nỗi buồn trong hiện tại đến niềm vui được có mẹ trong quá vãng.

– Lưu Trọng Lư là nhà thơ có tâm hồn "giàu mơ mộng". Sự mơ mộng ấy thể hiện ở chất mộng của hoài niệm, ở tâm trạng "chập chờn sống lại".

Như vậy, ý kiến trên khẳng định sự chân thành trong cảm xúc của nhà thơ giàu mơ mộng Lưu Trọng Lư. Theo tác giả, chính bởi sự chân thành ấy mà *Nắng mới* đã "gợi niềm đồng vọng sâu xa ở tâm hồn nhiều bạn đọc".

6. Em đọc kĩ văn bản và chỉ ra những câu văn thể hiện đánh giá chủ quan của người viết. Chú ý những câu văn thể hiện sự phán đoán, ý kiến chủ quan của tác giả. Ví dụ: "Khi viết những dòng ấy, chắc hẳn nhà phê bình có nghĩ đến bài *Nắng mới*", "Có lẽ cũng nhờ màu đỏ ấy mà việc phơi áo của mẹ càng trở thành một điểm son trong nỗi nhớ về tuổi thơ", "Đọc bài thơ này chắc ta chẳng còn thờ ơ với mỗi năm một lần nắng mới",...
7. Từ *chắc* là thành phần tình thái, có tác dụng thể hiện sự phỏng đoán tương đối chắc chắn của tác giả về tình cảm của độc giả sau khi đã đọc bài thơ *Nắng mới*.

Bài tập 6

1. Đoạn trích tập trung phân tích tác dụng của chi tiết mẹ Sơn nói với mọi người về chiếc áo bông cũ của em Duyên trong truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*.
2. Nhận xét "*bé Sơn là cậu bé có tâm hồn đa cảm*" được tác giả làm sáng tỏ qua hai bằng chứng:

   – Sơn "*cầm giơ những cái áo len thấy mát lạnh cả tay*".

   – "*Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ lâu lắm*".
3. Theo tác giả, chi tiết mẹ Sơn nói với mọi người về chiếc áo bông cũ của em Duyên vô cùng quan trọng, vì:

   – Chi tiết này có vai trò như một vĩ thanh của phần đầu, giúp cảm xúc thương mến hướng về người thân đã mất trở nên lắng đọng.

   – Chi tiết này kết nối chặt chẽ với hành động cho áo, là biểu hiện cụ thể để nhà văn thể hiện tấm lòng, tình yêu thương của chị em Sơn với bé Hiên, giúp chị em Sơn "xác lập được hình thức của tình thương".

   – Chi tiết này giúp móc nối với phần sau của câu chuyện, đóng vai trò là đầu mối, giúp mạch truyện có khả năng tung phá, mở ra những hướng đi bất ngờ.

Có thể thấy, tác giả đã giải thích ý nghĩa quan trọng của chi tiết mẹ Sơn nói với mọi người về chiếc áo bông cũ của em Duyên trên cả hai phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm. Cách giải thích như vậy là toàn diện, chặt chẽ, xác đáng và thuyết phục.

4. Các câu văn sử dụng thành phần biệt lập:

– Riêng với Sơn, có lẽ vì gần tuổi với Duyên, nên câu nhắc của mẹ làm Sơn nhớ em mà "cảm động và thương em quá".

=> Thành phần tình thái thể hiện qua từ *có lẽ*.

– Còn người nhắc, có thể cũng do vô tình, nhưng tự nó chạm đến chỗ đau, mẹ Sơn không kém phần thương nhớ Duyên thiệt phận, nhưng bà biết kìm nén lòng mình.

=> Thành phần tình thái thể hiện qua từ *có thể*.

Em căn cứ vào kiến thức đã học để xác định tác dụng của các thành phần tình thái trên.

Bài tập 7

1. C; 2. A; 3. B; 4. B; 5. A; 6. B

Bài tập 8

1. Đoạn trích tập trung bàn luận về vấn đề chất thơ trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*. Căn cứ vào các từ ngữ *chất thơ, bài thơ*, đặc biệt là *chất thơ* được lặp lại nhiều lần trong đoạn trích, người đọc có thể xác định được vấn đề trên.
2. Đoạn trích bao gồm bốn đoạn văn. Mỗi đoạn văn có vai trò khác nhau trong việc thể hiện vấn đề bàn luận. Cụ thể:

– Đoạn (1) giới thiệu và nhận xét khái quát về chất thơ trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.

– Đoạn (2) triển khai ý chất thơ thể hiện trong bức tranh thiên nhiên.

– Đoạn (3) triển khai ý chất thơ thể hiện trong tình huống và các chi tiết đặc sắc của truyện.

– Đoạn (4) triển khai ý chất thơ thể hiện trong những suy nghĩ, cảm xúc, trong các mối quan hệ và cách sống của các nhân vật trong truyện.

3. Tác giả đã chỉ ra chất thơ trong những yếu tố hình thức nghệ thuật sau của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa:* cốt truyện, tình huống, các chi tiết đặc sắc.

Em căn cứ vào văn bản, chọn ra một câu văn thể hiện nhận xét, đánh giá của tác giả về các yếu tố hình thức của truyện. Ví dụ, có thể chọn câu: *Chất thơ ấy còn ở nhiều chi tiết đặc sắc được tác giả dụng công sáng tạo, có khi bất ngờ nhưng vẫn giữ được vẻ tự nhiên.*

4. Trong đoạn (2), tác giả nêu bằng chứng bằng cách trích dẫn trực tiếp các câu văn trong tác phẩm. Còn trong đoạn (3), tác giả nêu bằng chứng theo cách dẫn ý từ các chi tiết trong truyện.

5. Em đọc kĩ đoạn trích, căn cứ vào định nghĩa về *lí lẽ, bằng chứng* trong văn bản nghị luận văn học ở phần *Tri thức ngữ văn* (SGK, tr. 60) để tự nêu ra một số lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng trong đoạn trích.

VIẾT

Bài tập 1

– Em cần đọc lại văn bản *Xe đêm* trong SGK (tr. 71 – 76), lựa chọn một chi tiết tiêu biểu mà bản thân có ấn tượng nhất.

Có thể lưu ý một số chi tiết: An-đéc-xen giúp trả tiền xe còn thiếu cho các cô gái gặp dọc đường, An-đéc-xen tiên đoán về tương lai của các cô gái, An-đéc-xen đem đến niềm vui cho con gái người gác rừng xứ Giuýt-len,...

– Đoạn văn cần giới thiệu được đó là chi tiết gì, chỉ ra ý nghĩa, thông điệp mà nhà văn gửi gắm qua chi tiết nghệ thuật đó.

– Cần đảm bảo các yêu cầu về hình thức đoạn văn, có câu chủ đề, các câu trong đoạn cần liên kết, mạch lạc.

Bài tập 2

– Đọc lại văn bản *Những ngôi sao xa xôi* trong SGK (tr. 42 – 47).

– Xem lại phần hướng dẫn viết kiểu bài này trong SGK (tr. 79 – 81).

– Để tìm ý cho bài viết, cần trả lời các câu hỏi: *Nội dung của truyện là gì? Chủ đề của truyện là gì? Truyện có những nhân vật, sự kiện nào nổi bật? Truyện có đặc điểm nổi bật nào về hình thức nghệ thuật? Những đặc điểm đó có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung?*

– Sau khi tìm ý, em lập dàn ý và viết thành bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần làm nổi bật được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

– Trước hết, cần xác định được chủ đề bài nói: Bài nói tập trung vào vấn đề sự giảm sút nghiêm trọng của thói quen đọc sách ở nhiều người trước sự thu hút của các loại hình giải trí đa phương tiện.

– Sau khi xác định được vấn đề, em lập dàn ý cho bài nói. Dàn ý bài nói cần đảm bảo một số nội dung sau:

+ Nêu vấn đề: thói quen đọc sách của nhiều người ngày càng giảm sút trước sự thu hút của các loại hình giải trí.

+ Chỉ ra thực trạng vấn đề: con người bị thu hút bởi các loại hình giải trí (phim ảnh, trò chơi điện tử, in-tơ-nét,...), bởi vậy, thời gian đọc sách của nhiều người ngày càng thu hẹp.

+ Chỉ ra nguyên nhân của vấn đề: các loại hình giải trí dễ thu hút con người, trong khi đó, đọc sách cần phải tĩnh tâm, kiên trì.

+ Đề xuất giải pháp cho vấn đề: với mỗi cá nhân, cần rèn luyện thói quen đọc sách, phát triển kĩ năng đọc sách; với xã hội, cần có những chính sách thúc đẩy văn hoá đọc, tạo ra được những cộng đồng đọc sách,...

Bài tập 2

Bài nói tập trung vào vấn đề: con người cần ứng xử với tự nhiên một cách văn minh. Em căn cứ vào chủ đề trên, tìm ý, lập dàn ý và trên cơ sở dàn ý trình bày bài nói.

Bài nói của em có thể được trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần tập trung vào một số nội dung sau:

– Nêu vấn đề, khẳng định con người cần phải ứng xử với tự nhiên một cách văn minh.

– Trình bày các luận điểm triển khai vấn đề:

+ Giải thích thế nào là ứng xử với tự nhiên một cách văn minh.

+ Nêu các biểu hiện con người ứng xử văn minh với tự nhiên (yêu thương, tôn trọng, đối xử bình đẳng với các sinh vật; biết tránh xa và lên án các hành động tàn phá môi trường, huỷ hoại tự nhiên,...).

+ Lí do con người phải ứng xử với tự nhiên một cách văn minh (có thể trả lời ý này bằng cách nêu vai trò của tự nhiên với cuộc sống con người).

Trong khi trình bày, cần dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm (lựa chọn những bằng chứng tiêu biểu từ sách vở và trong thực tế).

Bài 9 HÔM NAY VÀ NGÀY MAI

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. Câu hỏi nhắc em khi đọc văn bản phải luôn chú ý đến các thông tin được nhan đề mách bảo. Từ nhan đề, cần dự đoán hướng tác giả triển khai các vấn đề liên quan, để khi đọc hết văn bản, em sẽ chủ động hơn trong việc đánh giá nội dung văn bản và cách trình bày của tác giả. Qua nhan đề *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ*, có thể dự đoán như sau về các nội dung sẽ được đề cập:

   – Nhận thức và cách giải thích phổ biến trước đây về lũ nói chung, lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

   – Những lợi ích mà lũ có thể mang lại ngoài phần tác hại của nó.

   – Khuyến nghị về nhận thức và hành động cần có trước hiện tượng lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long.

   Lưu ý: Điều được nhan đề báo hiệu và nội dung thực tế của văn bản không phải lúc nào cũng trùng nhau.

2. Trước hết, cần xác định được mục đích viết của tác giả, sau đó tìm hiểu xem phần giải thích hiện tượng lũ lụt nằm ở vị trí nào trong bố cục của văn bản và nó có mối quan hệ ra sao với các phần khác. Hai ý cơ bản cần nói được:

   – Mục đích viết của tác giả: nêu sự cần thiết của việc thay đổi nhận thức về hiện tượng lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long.

   – Phần giải thích hiện tượng lũ nói chung, lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng đã xác định cơ sở khoa học của khuyến nghị được tác giả đưa ra. Nó cho thấy "chào đón lũ" là một ứng xử thích hợp trong bối cảnh hiện nay, thay cho việc "chấp nhận" ở thế bị động hay việc "chống lại" theo cách tư duy cũ. Điều đó cũng có nghĩa là nội dung phần viết này đã hỗ trợ tích cực cho việc thể hiện mục đích viết của tác giả.

3. Cần đọc kĩ đoạn văn bản từ *Những vị lão nông tri điền* đến *rừng ngập mặn khó tồn tại* (tr. 91) để có thể nêu được những ý nói về ích lợi của lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Những ý này cần được liệt kê theo hình thức gạch đầu dòng. Chú ý thâu tóm nội dung cốt lõi của ý, không trích nguyên cả câu văn của tác giả.

4. Cần xác định được đoạn nào nói về khẩu hiệu "sống chung với lũ" trong văn bản, đọc kĩ đoạn đó để có thể tìm ra câu trả lời thoả đáng. Chú ý liên hệ với những cách tiếp cận khác về vấn đề (theo tìm hiểu riêng của em) để đánh giá quan điểm của tác giả một cách có căn cứ. Gợi ý:

   – Theo tác giả, khẩu hiệu "sống chung với lũ" gắn với một nếp ứng xử hoàn toàn có cơ sở thực tế, đã hình thành từ lâu trong đời sống của cư dân miền châu thổ sông Cửu Long. Tuy nhiên, theo diễn biến mới hiện nay, một khi "tình trạng lũ thấp và trung bình trong mùa mưa lũ có xu thế gia tăng" thì khẩu hiệu đó không còn phù hợp nữa.

   – Quan điểm nêu trên của tác giả thực ra đã được một số nhà khoa học phát biểu trước đó trên các diễn đàn khác nhau. Tính thuyết phục của quan điểm không chỉ thể hiện qua việc giải thích một hiện tượng tự nhiên mà còn qua việc phân tích sự phát triển của nông nghiệp trên vùng đất "chín Rồng". Rõ ràng, đây là quan điểm của người thực sự quan tâm đến việc đề xuất các giải pháp giúp sản xuất nông nghiệp ở miền Tây Nam Bộ thực hiện được bước vượt khó hợp lí trong bối cảnh hiện nay.

5. Cần đặc biệt chú ý các đoạn thuộc nửa sau của văn bản (SGK, tr. 91 – 92) để tìm ý khi thực hiện yêu cầu của bài tập. Có thể diễn đạt khác đi yêu cầu mà sách đã nêu để dễ xác định nội dung cần nói: *Vì sao hiện nay cư dân Đồng bằng sông Cửu Long lại có tâm thế chào đón lũ?*

Bài tập 2

1. Để trả lời được câu hỏi, em cần đọc lại mục *Văn bản giới thiệu một bộ phim* trong phần *Tri thức ngữ văn* của bài học (SGK, tr. 87). Trong văn bản, tác giả đã cho biết nhiều thông tin về loạt phim *Hành tinh của chúng ta*, nhưng không đặt các thông tin đó tập trung vào một chỗ. Với yêu cầu "thuật lại ngắn gọn", em cần tập hợp các thông tin ấy và sắp xếp chúng theo một trật tự khác, giúp người đọc có được cái nhìn bao quát nhất về loạt phim. Trật tự đó có thể là: hãng sản xuất phim, năm phát hành phim, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, loại phim, dung lượng phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim,...
2. Cần lưu ý: câu hỏi yêu cầu tìm từ khoá của văn bản giới thiệu phim chứ không phải từ khoá của kịch bản phim. Từ khoá của văn bản giới thiệu phim thể hiện tính chất của thông tin mà tác giả muốn đưa tới cho người đọc. Đọc văn bản, có thể thấy điều tác giả muốn nhấn mạnh là thông điệp toát ra từ loạt phim,

mà thông điệp đó lại được khái quát ở nhan đề và các đề mục. Đây là những tín hiệu mà em không nên bỏ qua khi tìm câu trả lời.

3. Ngoài nhan đề, em cần tìm thêm câu trong văn bản mà ở đó từ *choáng ngợp* xuất hiện để biết từ này được dùng để miêu tả phản ứng cảm xúc của khán giả về điều gì. Khi lí giải mối liên quan giữa "choáng ngợp" và "đau đớn", có thể liên hệ với những trải nghiệm cảm xúc từng có của bản thân (trước một sự kiện đã chứng kiến hay một bộ phim nào đó đã xem) nhưng điều quan trọng nhất là bám vào những diễn giải ngầm của tác giả ở nửa sau của phần *Rất nhiều loài đang đứng bên bờ vực tuyệt chủng* trong văn bản.
4. Để trả lời từng ý hỏi, trước hết, cần xem lại các hình ảnh đã được chọn đưa vào văn bản trong SGK, xem chúng đã tương hợp như thế nào với các nội dung chính của văn bản. Có thể đặt ra cho bản thân các câu hỏi nhỏ nhằm tìm ý: *Đã có ảnh về vẻ đẹp kì diệu của môi trường sống trên hành tinh chưa? Ảnh nào phản ánh được tình trạng nhiều giống loài đang đứng bên bờ vực tuyệt chủng? Đâu là ảnh gắn với thông tin về nỗ lực của con người nhằm phục hồi sự sống trên Trái Đất?* Từ việc trả lời đầy đủ các câu hỏi chi tiết đó, em sẽ nêu được nguyên tắc chọn hình ảnh khi giới thiệu một bộ phim tài liệu (Lưu ý: với phim truyện, ảnh nên được chọn không chỉ liên quan đến nội dung cơ bản của phim mà còn liên quan đến các nhân vật thủ vai chính hay nhân vật có diễn xuất đặc biệt ấn tượng).
5. Câu hỏi đề cập hai thông điệp: thông điệp toát ra từ loạt phim *Hành tinh của chúng ta* mà tác giả Lâm Lê cảm nhận được và thông điệp của chính văn bản giới thiệu phim (trong SGK). Không nên đồng nhất thông điệp được đưa tới từ hai đối tượng khác nhau này mặc dù có thể nói tới mối liên hệ và sự cộng hưởng giữa chúng.

Bài tập 3

1. Tác giả không trực tiếp giải thích khái niệm "dấu chân sinh thái", vì vậy, qua những gì được trình bày, thuật lại trong văn bản, em cần rút ra được nhận xét khái quát. Ngoài ra, em có thể tra cứu, tìm hiểu thêm về khái niệm này ở các tài liệu được phổ biến trên in-tơ-nét. Gợi ý:

   – "Dấu chân sinh thái" là thuật ngữ chỉ phần tác động đối với môi trường sống trên Trái Đất mà mỗi cá nhân con người tạo nên, thông qua toàn bộ cách sống, cách thức làm việc, di chuyển của mình. "Dấu chân sinh thái" được biểu thị bằng một chỉ số.

– Công cụ để đo "dấu chân sinh thái" là bài trắc nghiệm gồm nhiều câu hỏi mà kết quả trả lời có thể cung cấp những tham số chính xác để đánh giá mức độ thân thiện với môi trường của những hoạt động mà mỗi người thực hiện trong cuộc sống. Theo bài trắc nghiệm, "kết quả lí tưởng phải nhỏ hơn hoặc bằng 1".

– Bài trắc nghiệm đo "dấu chân sinh thái" có trên trang *Máy đo dấu chân* (*Footprint calculator*).

2. Khi trả lời câu hỏi này, cần lưu ý việc tác giả đặt kết quả đo "dấu chân sinh thái" của mình trong tương quan so sánh với kết quả đo "dấu chân sinh thái" của các bạn quốc tế. Để giải thích nguyên nhân khiến tác giả ngỡ ngàng và xấu hổ, cần nói được hai ý:

– Sự chênh lệch về chỉ số hiện lên trong kết quả đo: Tác giả có chỉ số quá cao, trong khi bạn bè mình có chỉ số thấp hơn nhiều.

– Qua kết quả bài trắc nghiệm, tác giả nhận ra rằng hoạt động của mình đã gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực cho môi trường Trái Đất.

Khi nêu cảm nhận của mình về trạng thái cảm xúc của tác giả, em cần nói được sự ý thức và tinh thần trách nhiệm của tác giả về vấn đề môi trường, về những gì mà các hoạt động của bản thân có thể gây ảnh hưởng tiêu cực cho Trái Đất.

3. Chú ý tránh đồng nhất thông điệp từ Trái Đất mà tác giả nhận thức được và thông điệp của văn bản. Hai thông điệp này có mối quan hệ với nhau nhưng không phải là một.

Trong các tình huống có thể nhắc tới, cần đặc biệt nhấn mạnh tình huống dịch bệnh COVID-19 gây ra cái chết của hơn mười vạn người (con số được tạm thống kê vào thời điểm tác giả viết bài báo), khiến con người "co cụm lại". Các tình huống còn lại chỉ là "tình huống hệ quả", như: các chỉ số môi trường được cải thiện (lượng khí thải nhà kính giảm, bầu trời xanh trong hơn, nhiều loài sinh vật có cơ hội tìm được sự tự do trong môi trường sống quen thuộc của chúng), mỗi người tìm được yên vui trong mái nhà riêng của mình,... Nói chung, không có chuỗi tình huống nêu trên, nhận thức của chúng ta về chuyện môi trường vẫn chưa thoát khỏi tính trừu tượng. Phải có bài học trực quan, đập mạnh vào tri giác, cảm xúc thì mới mong con người thấm thía được bản chất của vấn đề.

Khi phân tích tình huống quan trọng nhất, cần thấy được tính hai mặt của dịch bệnh COVID-19. Mặt tiêu cực, mang tính chất thảm hoạ đã thể hiện rõ,

có thể không cần nói thêm, nhưng mặt tích cực thì không thể không đề cập: chính COVID-19 đã làm con người dần tỉnh ngộ.

Từ những phân tích theo hướng trên, em có thể khái quát về thông điệp mà Trái Đất đã gửi tới cho con người: Cần phải chấn chỉnh lại hành vi, hoạt động, ứng xử với môi trường sống, với Trái Đất, nếu không, con người sẽ tự tước bỏ cơ hội tồn tại của chính mình.

4. Với câu hỏi này, mỗi người có thể sẽ có câu trả lời riêng của mình. Em cần tự nêu ý kiến của bản thân, không sao chép lại những câu nói đã trở thành công thức. Gợi ý: Khi nêu ý kiến, chú ý sử dụng một số từ khoá như: *trách nhiệm, lắng nghe, điều chỉnh, giảm thiểu, tăng cường,...*

5. Em cần xem lại phần thuyết minh về các kiểu câu ở phần *Tri thức ngữ văn* (SGK, tr. 88) và nội dung của khung *nhận biết* (SGK, tr. 93). Khi lập bảng, nên dành một cột để giải thích về sự chọn lựa – phân loại của mình hoặc để nêu dấu hiệu nhận biết về kiểu câu của câu đã chọn. Gợi ý mẫu bảng:

STT	Các kiểu câu	Ngữ liệu lấy từ văn bản	Dấu hiệu nhận biết
1	Câu hỏi	1. ... 2. ...	1. Với ngữ liệu 1:... 2. Với ngữ liệu 2:...
2	Câu khiến	1. ... 2. ...	1. Với ngữ liệu 1:... 2. Với ngữ liệu 2:...
3	Câu cảm	1. ... 2. ...	1. Với ngữ liệu 1:... 2. Với ngữ liệu 2:...
4	Câu kể	1. ... 2. ...	1. Với ngữ liệu 1:... 2. Với ngữ liệu 2:...

6. Em cần thực hiện yêu cầu của câu này theo cách đã làm với câu 5. Ở câu này, chỉ tìm những ví dụ về câu phủ định và câu khẳng định.

Bài tập 4

1. *"Chỉ biết rằng, với một liều kháng thể đầu tiên của Trái Đất, "vi-rút loài người" đã co cụm lại, và địa cầu lần đầu tiên khoẻ khoắn hơn."* là câu có thể gây tranh cãi, bởi ở đây, loài người vốn là nạn nhân của vi-rút gây đại dịch toàn cầu lại bị xem là vi-rút gây hại cho Trái Đất! Phải chăng tác giả đã tàn nhẫn khi đưa ra so sánh này? Em cần đặt ra câu hỏi mang tính chất "phản vấn" như vậy để xác định chính xác điều tác giả muốn nói. Sự thực, trong câu đã dẫn, tác giả không đề cập hậu quả

thảm khốc và tính bi thương của đại dịch COVID-19, mà chỉ muốn nói đến khía cạnh tích cực của việc nhận thức đúng về đại dịch. Đại dịch mở ra cơ hội cho con người thấy rõ mình đã làm tổn thương Trái Đất như thế nào khi tự do hành động theo ý chí riêng, phớt lờ những tác động tiêu cực đến môi trường.

2. Đưa thông tin một cách khách quan là đòi hỏi có tính nguyên tắc đối với người viết văn bản thông tin. Tính khách quan ở đây thể hiện qua việc thông tin có thể kiểm chứng được với những sự việc, con người có thật hay những số liệu chính xác do những cơ quan có thẩm quyền đưa ra. Trên cơ sở hiểu vấn đề như vậy, em có thể nhìn ra được những cách mà tác giả đã sử dụng để nhấn mạnh tính khách quan của thông tin. Gợi ý:

   – Tác giả đã dẫn câu nói của một nhà môi trường học có uy tín.

   – Tác giả đã đưa ra con số cụ thể (phần trăm) về mức giảm khí thải.

3. Cần xem lại mục *Mục đích của văn bản thông tin, mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan* ở phần *Tri thức ngữ văn* (SGK, tr. 87) để có cơ sở thực hiện yêu cầu của câu hỏi. Khi xác định đâu là yếu tố chủ quan, cần chú ý những câu, những đoạn mà ở đó tác giả thể hiện cảm xúc hay đưa ra những bình luận về con người và các sự vật, sự việc. Các yếu tố chủ quan được trình bày xen kẽ với các thông tin khách quan trong suốt văn bản. Để đánh giá hiệu quả của các yếu tố đó (tích cực hay không tích cực), cần đặt nó trong mối liên hệ với từng nội dung cụ thể mà tác giả muốn biểu đạt.

4. Cả 4 nhận xét được nêu đều có cơ sở. Tuy nhiên, em cần chú ý cụm từ *phản ánh đúng tinh thần của đoạn văn bản*. Tinh thần của đoạn văn bản cũng là tinh thần chung toát ra từ toàn văn bản gắn với các "từ khoá" như *dấu chân sinh thái, thông điệp, cảnh báo*. Em hãy cân nhắc để đánh dấu đúng nhận xét phù hợp.

5. Câu này trong bài tập đòi hỏi em phải suy nghĩ rộng hơn về những điều có vẻ như nghịch lí trong cuộc sống. Gợi ý trả lời đã ngầm ẩn trong chính câu hỏi, tuy nhiên, em có thể phát biểu quan điểm khác về vấn đề, với điều kiện phải đưa ra được lập luận thuyết phục.

Bài tập 5

1. Để có thể đặt cho đoạn trích một nhan đề thoả đáng, một mặt, phải đọc kĩ nội dung đoạn trích, mặt khác, cần chú ý yêu cầu cần đạt đầu tiên của bài học: "nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng

tự nhiên...". Nhan đề có thể mang hình thức của một câu hỏi hoặc chỉ đơn thuần là cụm từ nói về đối tượng được đề cập.

2. Đọc lại mục *Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên* trong phần *Tri thức ngữ văn* của bài học (SGK, tr. 87), đặc biệt cần chú ý đến ý sau: "Trước khi giải thích hiện tượng bằng những căn cứ và lập luận khoa học, người thực hiện văn bản phải miêu tả được hiện tượng với những biểu hiện điển hình...". Chính ý vừa dẫn đã gợi ý cho em về điều cần bổ sung vào đoạn trích khi muốn chuyển đoạn trích thành một văn bản hoàn chỉnh.

3. Nhiều hiện tượng tự nhiên tồn tại từ lâu đời theo quy luật khách quan. Hiện tượng được nêu trong đoạn trích cũng vậy. Nó đã gây thắc mắc cho con người từ thuở bình minh của nhân loại và con người thời ấy cũng đã cố gắng giải thích nguyên nhân. Tuy nhiên, không thể xếp cách giải thích trong câu chuyện về con rùa khổng lồ vào phạm trù khoa học, dù con người thời nguyên thuỷ có thể thực lòng tin như vậy. Trong thời đại văn minh với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ, người ta chỉ chấp nhận những cách giải thích dựa trên sự phân tích khách quan các dữ kiện hiện có dưới cái nhìn tổng thể. Nếu chưa đi đến tận cùng vấn đề thì cũng tạo được cơ sở vững chắc để người sau tiếp tục tìm lời giải thích thoả đáng, dựa trên những dữ kiện được tập hợp đầy đủ hơn. Đó là lí do câu chuyện đã nêu chỉ có thể được xếp vào loại truyện thần thoại chứ không thể xếp vào loại văn bản thông tin mang tính chất khoa học.

4. Em cần ôn lại những kiến thức vật lí đã học về sự tồn tại của các hành tinh trong Hệ Mặt Trời khi trả lời câu hỏi này.

5. Khi thực hiện yêu cầu của câu hỏi, cần xem lại kiến thức về mạch lạc và liên kết của văn bản ở phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK *Ngữ văn 7*, tập hai (tr. 26). Những dấu hiệu chứng tỏ đoạn trích có mối liên kết rất chặt giữa các câu văn:

   – Thuật ngữ *vệ tinh của chúng ta* ở câu 2 hô ứng với thuật ngữ *Mặt Trăng* ở câu 1, cho thấy về nội dung, hai câu vẫn duy trì mạch viết về tác động của Mặt Trăng đối với sự vận động của nước trên các đại dương.

   – Các từ ngữ như *chẳng hạn* (đầu câu 3), *ở đó* (đầu câu 4), *nhưng* (đầu câu 5), *sở dĩ, như vậy* (đầu câu 6) đã đóng vai trò tích cực trong việc liên kết các câu trong đoạn trích.

Bài tập 6

1. Để trả lời ý hỏi thứ nhất, em cần xác định được từ khoá của văn bản. Từ khoá đó là *chim di cư*. Trả lời: văn bản giải thích hiện tượng chim di cư theo mùa.

Với ý hỏi thứ hai, lời đáp đã có trong văn bản. Em hãy tìm và viết ra các câu có hình thức của câu hỏi (câu nghi vấn) là đáp ứng được yêu cầu.

2. Khi thực hiện yêu cầu của câu này, cần bám vào kết quả giải đáp câu hỏi 1 để xác định các câu then chốt trong nội dung giải thích của tác giả. Nội dung giải thích tương ứng với câu hỏi do chính tác giả văn bản đặt ra.

3. Cần đọc hai câu đã dẫn trong mối liên hệ với những trải nghiệm của em để suy nghĩ về vấn đề mà câu hỏi đặt ra.

Hai câu trích cho thấy việc giải thích một hiện tượng tự nhiên không hề dễ dàng. Đã tồn tại nhiều cách giải thích khác nhau về một hiện tượng tự nhiên, xét theo cả hai chiều thời gian và không gian. Trong số những cách giải thích đã đưa ra, ở một thời điểm hay thời kì nhất định, thường chỉ có một cách giải thích được xác định là hợp lí hay chính xác nhất. Tuy nhiên, cách giải thích đó vẫn liên tục được xem xét lại dựa trên những khám phá mới của con người về giới tự nhiên, dựa trên sự tiến bộ của khoa học. Có khi nó bị bác bỏ nhưng cũng có khi nó được khẳng định lại với những cứ liệu mới. Như vậy, trong việc giải thích một hiện tượng tự nhiên, con người không thể thoả mãn hoàn toàn với những lời đáp đã có, chưa kể những hiện tượng mà con người mới chỉ đưa ra được các ức đoán, giả thuyết chờ được xác nhận thêm.

4. Với yêu cầu ở câu này, em cần nêu những câu hỏi của chính mình về hiện tượng chim di cư. Tài liệu khoa học đáng tin cậy ở đây có thể hiểu là loại tài liệu mà tác giả của chúng là những nhà chuyên môn có uy tín, có thẩm quyền nói về vấn đề em muốn tìm hiểu.

5. Như khi thực hiện yêu cầu 5 của bài tập 5, em cần xem lại kiến thức về mạch lạc và liên kết của văn bản ở phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK *Ngữ văn 7*, tập hai (tr. 26). Cần chú ý sự khác nhau giữa mạch lạc và liên kết. Mạch lạc thể hiện sự liền mạch về nội dung của đoạn văn hoặc văn bản. Liên kết thể hiện mối quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản. Một số gợi ý:

– Mạch lạc của văn bản: các đoạn văn trong văn bản đều tập trung giải thích hiện tượng chim di cư xoay quanh hai vấn đề chính: nguyên nhân của hiện tượng chim di cư và cách các loài chim xác định phương hướng khi thực hiện các chuyến bay định kì của mình.

– Liên kết của văn bản: một số cụm từ then chốt ở câu trước được lặp lại trong câu sau để đảm bảo sự liên tục của mạch diễn đạt; có sự xuất hiện của các từ ngữ đảm bảo chức năng kết nối giữa các câu như: *vậy tại sao, tuy nhiên,...*

Bài tập 7

1. Cần lần lượt bám vào từng đoạn văn nhỏ của đoạn trích để lọc ra những thông tin chính về bộ phim. Nên trình bày các thông tin đó theo hình thức gạch đầu dòng, tránh chép lại toàn bộ câu văn của tác giả. Gợi ý về cách nêu thông tin chứa đựng trong đoạn văn thứ nhất (với các đoạn văn còn lại, em có thể thực hiện theo cách này):

   – Bộ phim do Nguyễn Vinh Sơn làm đạo diễn.

   – Bộ phim được chuyển thể từ bộ truyện dài *Tuổi thơ dữ dội* của nhà văn Phùng Quán. Đề tài: những du kích thiếu niên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

   – Bộ phim được hoàn thành vào năm 1989.

2. Xem lại mục *Văn bản giới thiệu một bộ phim* ở phần *Tri thức ngữ văn* (SGK, tr. 87) để có thêm căn cứ trả lời câu hỏi, nên lưu ý câu văn có nói về các loại phim.

   Khi so sánh loại thông tin có trong văn bản *Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim "Hành tinh của chúng ta"* và loại thông tin được nêu trong đoạn trích, cần chú ý sự khác biệt về đề tài hoặc đối tượng được từng tác phẩm nói tới (đề tài thiên nhiên, môi trường với các loài sinh vật sống trên Trái Đất và đề tài về cuộc sống của con người với những nhân vật thiếu niên tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp). Để lí giải về sự khác biệt này, không thể không nói tới sự chi phối của đối tượng được giới thiệu: *Hành tinh của chúng ta* thuộc loại phim tài liệu truyền hình, còn *Tuổi thơ dữ dội* thuộc loại phim truyện nhựa. Với mỗi đối tượng như vậy, thông tin được truyền tải qua văn bản giới thiệu không thể đồng nhất.

3. Để trả lời câu hỏi, cần nhớ lại cách em từng thuật kể với người khác về một bộ phim truyện mà mình đã xem. Đồng thời, cũng cần căn cứ vào sự chờ đợi của chính em đối với việc giới thiệu bộ phim *Tuổi thơ dữ dội* ở văn bản này để suy đoán về nội dung có thể đã bị tỉnh lược (trong đoạn trích, diễn biến câu chuyện trong phim chưa được nói đầy đủ và phần đánh giá về thành công trên phương diện ngôn ngữ điện ảnh của tác phẩm vẫn còn thiếu). *Lưu ý*: Do giới hạn về dung lượng của cuốn sách, văn bản của tác giả Lê Hồng Lâm đã không được giới thiệu trọn vẹn.

4. Chú ý đọc kĩ hai đoạn đầu tiên của đoạn trích để tìm câu trả lời. Mấy điểm cần tập trung suy nghĩ:

   – Tác phẩm văn học được chuyển thể lên màn ảnh – *Tuổi thơ dữ dội* – là một bộ truyện dài nổi tiếng.

– Truyện *Tuổi thơ dữ dội* có 8 tập với nhiều nhân vật chính, trong khi phim chỉ có 2 tập, được chiếu trong khoảng 2 tiếng.

5. Xem lại mục *Câu phủ định và câu khẳng định* trong phần *Tri thức ngữ văn* (SGK, tr. 88) và khung *nhận biết* trong phần *Thực hành tiếng Việt* (SGK, tr. 101). Câu thứ nhất là câu phủ định và câu thứ hai là câu khẳng định.

VIẾT

Bài tập 1

– Đọc lại đoạn thứ nhất của phần *Giới thiệu bài học* (SGK, tr. 86) để nắm được định hướng chọn lựa văn bản trong bài (Hướng về chủ đề gì?).

– Nêu khái quát về thông điệp chung toát lên từ 4 văn bản đọc trong bài học (trong đó có văn bản thực hành đọc). Các văn bản muốn nhắn gửi hay nêu bài học gì qua những câu chuyện cụ thể có liên quan đến môi trường?

– Nêu cụ thể sự đồng cảm của em đối với thông điệp chung của các văn bản (Thông điệp tác động như thế nào đến suy nghĩ, cảm xúc của em? Thông điệp gợi ý những hành động gì mà em thấy mình cần phải thực hiện?).

Bài tập 2

Chọn hiện tượng tự nhiên khiến em hứng thú và có thể giải thích được (bằng kiến thức vốn có hoặc bằng việc tra cứu những tài liệu có thể tìm kiếm được). Chú ý định danh hiện tượng bằng một cụm từ khái quát. Nội dung tiếp đó được triển khai theo trình tự sau:

– Miêu tả những đặc điểm nổi bật của hiện tượng.

– Giải thích hiện tượng bằng căn cứ xác đáng và lập luận thuyết phục.

Bài tập 3

1. Hai yêu cầu của câu này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Việc sơ đồ hoá chính xác nội dung văn bản sẽ giúp em nhận ra ngay sự tương đồng giữa văn bản này và các văn bản thuộc loại kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

Có thể sơ đồ hoá như sau: Gọi tên hiện tượng → Miêu tả hoặc nêu các biểu hiện của hiện tượng → Chỉ ra tác động tiêu cực của hiện tượng → Bày tỏ mong muốn hiện tượng sẽ được chấn chỉnh hoặc loại bỏ.

Nêu điểm tương đồng: giống nhau về hiện tượng, vấn đề được đề cập (hiện tượng có tính tiêu cực, vấn đề gây nhiều băn khoăn đòi hỏi được giải quyết), giống nhau về cấu trúc văn bản (ở phần nội dung chính).

2. Tổ chức lại văn bản đã dẫn thành một văn bản kiến nghị hoàn chỉnh:

– Xem lại yêu cầu của kiểu văn bản kiến nghị và phần hướng dẫn viết văn bản kiến nghị trong SGK.

– Chú ý bổ sung những thông tin đáp ứng yêu cầu về thể thức của kiểu văn bản (chủ yếu ở phần đầu và phần cuối).

– Bổ sung ý cho phần nêu các biểu hiện của hiện tượng.

– Chỉnh lại câu cuối của văn bản cho đúng với tính chất của một kiến nghị (nêu yêu cầu rõ ràng và dứt khoát hơn).

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

– Xác định vấn đề mà em muốn kiến nghị (định danh vấn đề bằng một cụm từ mang tính khái quát).

– Sắp xếp các ý dự định phát biểu theo trình tự hợp lí, dựa vào trình tự triển khai của văn bản kiến nghị đã được hướng dẫn viết trong SGK (em nên lược bỏ các thông tin có tính nghi thức).

Bài tập 2

– Xác định bộ phim sẽ làm đề tài của cuộc thảo luận (nên chọn bộ phim đã được nhiều bạn trong nhóm học tập biết tới).

– Xác định vấn đề cần thảo luận được nêu trong bộ phim (bộ phim có thể cùng lúc đề cập nhiều vấn đề, nên chọn vấn đề có ý nghĩa thiết thân với em, giúp em liên hệ với bản thân một cách thuận lợi).

– Lập dàn ý cho ý kiến dự định trình bày.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Các văn bản đọc mở rộng ở bài 8 và bài 9 thuộc văn bản phi hư cấu: nghị luận văn học và văn bản thông tin. Việc tìm kiếm văn bản nghị luận văn học ở phần đọc mở rộng cho bài 8 (bài tập 1) có phần khó, vì vậy nội dung văn bản em tìm đọc có thể mở và linh hoạt hơn, miễn là văn bản tìm được đúng là văn bản nghị luận văn học. Em có thể tìm thấy văn bản nghị luận văn học phù hợp từ các tiểu luận, sách phê bình văn học có trong tủ sách của lớp, thư viện trường hoặc ở hiệu sách.

Một số văn bản loại này cũng được đăng tải trên in-tơ-nét. Tuy nhiên, với nguồn văn bản trên in-tơ-nét, em cần lưu ý chọn đọc những văn bản có nguồn gốc đáng tin cậy, chẳng hạn từ trang web của các khoa, trường đại học, viện nghiên cứu văn học, tạp chí chuyên ngành văn học.

Khi đọc các văn bản nghị luận văn học, trước hết, em cần nắm được: *Vấn đề được bàn luận trong văn bản là gì? Ý kiến của người viết về vấn đề đó như thế nào?* Thông thường, em có thể tìm thấy câu trả lời cho hai câu hỏi này ngay từ phần mở đầu của văn bản. Để thuyết phục người đọc đồng ý với ý kiến của mình về vấn đề được bàn, trong một văn bản nghị luận, người viết thường sử dụng nhiều lí lẽ và bằng chứng để chứng minh. Các lí lẽ thường được trình bày tách bạch trong những đoạn văn riêng biệt. Ngoài việc lựa chọn vấn đề bàn luận và ý kiến của người viết về vấn đề đó thì cách mà người viết sử dụng, sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng để đạt mục đích thuyết phục người đọc cũng là những nội dung quan trọng mà em cần chú ý khi đọc một văn bản nghị luận. Khác với văn bản nghị luận xã hội, bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học là những câu văn, đoạn văn, dòng thơ, chi tiết, hình ảnh,... được dẫn từ tác phẩm văn học; những tài liệu, trích dẫn liên quan đến tác phẩm, tác giả, thể loại văn học được dùng để làm sáng tỏ luận điểm.

Hãy ghi lại đầy đủ nội dung vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế.

Bài tập 2

So với văn bản nghị luận văn học ở bài tập đọc mở rộng cho bài 8 (bài tập 1) thì nguồn văn bản thông tin ở phần đọc mở rộng cho bài 9 (bài tập 2) có thể phong phú hơn vì loại văn bản thông tin có tính đại chúng hơn, được dùng phổ biến trong đời sống hằng ngày. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim có thể tìm thấy trên báo, tạp chí in phát hành theo ngày, tuần hoặc tháng và trên in-tơ-nét. Em cũng cần tận dụng tối đa nguồn văn bản từ tủ sách của lớp, thư viện trường.

Như bài tập yêu cầu, khi đọc, em cần nắm được nội dung chính, cách triển khai nội dung trong văn bản thông tin (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng hoặc các đối tượng được phân loại), hiệu quả của phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...) trong việc truyền đạt thông tin (chẳng hạn giúp cho người đọc tiếp nhận thông tin đầy đủ hơn, chính xác hơn, thuận lợi hơn, nhớ lâu hơn,...); lưu ý kết nối thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. Cần ghi những thông tin quan trọng vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế.

Bài 10 SÁCH – NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

Để xây dựng mục tiêu đọc sách và danh mục sách cần đọc trong dự án *Sách – người bạn đồng hành*, em cần lưu ý:

– Đọc kĩ yêu cầu cần đạt của bài học – đây cũng là yêu cầu, mục tiêu chính của dự án đọc sách. Mục tiêu đọc sách của mỗi cá nhân là sự cụ thể hoá mục tiêu chung của bài học. Trong dự án đọc sách này, các mục tiêu quan trọng cần được hiện thực hoá là:

+ Hiểu được nội dung cuốn sách, cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả biểu hiện trong sách.

+ Sau khi đọc và tìm hiểu kĩ về cuốn sách, viết được lời giới thiệu và từ đó sử dụng tư liệu đã viết để chuyển thành bài nói nhằm trình bày về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của cuốn sách tới cộng đồng.

– Dự án *Sách – người bạn đồng hành* trong bài 10 được thực hiện sau 9 bài học của *Ngữ văn 8*, do đó, việc xác định mục tiêu đọc sách và xây dựng danh mục sách của mỗi cá nhân cần chú ý đến sự tương thích với các bài học trước đó về thể loại, loại văn bản và chủ đề. Có thể đưa vào danh mục những tác phẩm có đoạn trích đã được học (*Lá cờ thêu sáu chữ vàng* của Nguyễn Huy Tưởng, *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái, *Mắt sói* của Đa-ni-en Pen-nắc, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* của Nguyễn Ngọc Thuần,...) để đọc toàn bộ văn bản nhằm mục đích tìm hiểu sâu hơn đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm. Cũng có thể mở rộng để đọc thêm các tập thơ trong đó có tác phẩm của những tác giả đã xuất hiện trong các bài học như tác giả: Trần Nhân Tông, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu, Phạm Tiến Duật,... Hoặc, em cũng có thể lựa chọn thêm những cuốn sách mới phù hợp mục tiêu đọc đã xác định.

Bài tập 2

Thực hiện bài tập này, em có thể hiểu sâu hơn về cách viết lời giới thiệu một cuốn sách: Trên cơ sở những thông tin quan trọng về tác giả, thể loại, đề tài, chủ đề, đặc điểm nội dung, nghệ thuật của cuốn sách, có thể sắp xếp các ý cần trình bày một cách linh hoạt, sáng tạo để tạo ấn tượng mới mẻ, sức thu hút mạnh mẽ. Sau đây là một số gợi ý:

1. Nhà báo Trương Anh Ngọc nhấn mạnh sự khác biệt của cuốn sách mà ông đang chọn giới thiệu so với các cuốn sách khác thuộc thể loại du kí. Nét đặc biệt đó là ở chính thực tế hành trình mà tác giả Lekima Hùng đã trải nghiệm. Nhà báo Trương Anh Ngọc so sánh hành trình của mình và hành trình của tác giả Lekima Hùng để làm nổi bật sự khác biệt. Điều này tạo nên tính chất đáng tin cậy, khả năng thuyết phục mạnh mẽ của lời giới thiệu: Người viết lời giới thiệu không chỉ là độc giả mà còn như một người bạn thấu hiểu, đồng cảm với tác giả Lekima Hùng.
2. Để trả lời câu hỏi này, em cần đọc kĩ tất cả các đoạn trong lời giới thiệu. Khi xác định được đoạn văn nêu bật nội dung chính trong cuốn sách của Lekima Hùng, hãy tóm tắt lại ý chính để trả lời câu hỏi. Từ đó, có thể rút ra rằng: Bố cục của lời giới thiệu có thể linh hoạt nhưng vẫn luôn cần phải có phần tóm tắt nội dung, vấn đề cốt lõi mà cuốn sách đề cập.
3. Đọc kĩ một lần nữa đoạn (3) để có thể tìm ra câu trả lời đúng và xác đáng nhất. Hãy chú ý rằng Lekima Hùng vốn không phải nhà văn, cũng không phải người lữ hành. Nhưng cuốn sách lại được viết theo thể loại du kí (như đã được giới thiệu ở đoạn (1). Cùng với việc sử dụng ngôn ngữ để viết, tác giả Lekima Hùng còn dùng phương tiện gì khác để tạo nên sự đặc biệt trong hình thức nghệ thuật của cuốn sách?
4. Đọc kĩ đoạn (4) để có thể trả lời câu hỏi này. Em lưu ý: *Du kí xanh* là nhan đề chính. *Hành trình cứu biển* là phụ đề của nhan đề đó.
5. Quan điểm của nhà báo Trương Anh Ngọc về vấn đề cuốn sách đặt ra được thể hiện trong toàn bài viết nhưng thể hiện tập trung nhất trong đoạn (1) và đoạn (2):

   – Đoạn (1): Nhấn mạnh tính chất đặc biệt trong hành trình du kí của tác giả cuốn sách so với những hành trình du kí thông thường. Đây cũng là một điểm quan trọng cho thấy sự khác biệt trong đề tài của cuốn du kí này: thông thường người lữ khách đi để tìm kiếm cảnh đẹp, nhưng hành trình du kí của Lekima Hùng là hành trình đến với những nơi ô nhiễm trên cung đường từ Bắc vào Nam của đất nước.

   – Đoạn (2): Nhấn mạnh tính chất quan trọng của vấn đề được phản ánh trong cuốn sách: vấn đề mang tính nghiêm trọng, có ý nghĩa cảnh báo, đánh động (thể hiện rõ qua những từ ngữ cụ thể được tác giả lời giới thiệu sử dụng).

Bài tập 3

Thực hiện bài tập này, em có thêm vốn hiểu biết về quá trình lao động nghệ thuật vốn vẫn được quan niệm là đầy bí ẩn, khác thường của nhà văn. Đọc kĩ những lời "tự bạch" của Nguyên Hồng về quá trình viết *Cửa biển*, em sẽ hiểu rõ

hơn về mối quan hệ giữa văn học và cuộc sống, những yếu tố ảnh hưởng sâu sắc, tác động tới quá trình sáng tạo và quan niệm của nhà văn về cuộc sống và con người được thể hiện trong tác phẩm. Sau đây là một số gợi ý:

1. Đọc nhan đề và các phần trong bài viết, đặc biệt chú ý phần mở đầu để có thể trả lời câu hỏi. Việc trả lời câu hỏi này sẽ giúp em hiểu rõ hơn cái "tôi" của nhà văn Nguyên Hồng trong mối quan hệ với quê hương Hải Phòng, với đất nước và những năm tháng lịch sử của cuộc cách mạng gian khổ, hào hùng.

   – "Tôi" – Nguyên Hồng – nhà văn trong bài viết này chính là tác giả của tiểu thuyết *Cửa biển*. Ở đây nhà văn đang tự viết về quá trình sáng tác tác phẩm lớn này của mình.

   – "Tôi" – nhà văn Nguyên Hồng – người mà sự nghiệp sáng tác gắn bó máu thịt với đời sống của Hải Phòng (như ông đã tự thuật), bối cảnh đời sống được phản ánh trong toàn bộ tác phẩm *Cửa biển* của ông.

   Từ đó, em có thể nhận diện được tính xác thực, độ tin cậy trong những điều nhà văn chia sẻ về quá trình lao động nghệ thuật.

2. Đọc các phần của bài viết để có thể tóm tắt được bối cảnh chung: Cuộc sống của nhân dân Hải Phòng và của chính nhà văn trong giai đoạn trước cách mạng (1935 – 1939), trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sau đó (kháng chiến chống thực dân Pháp thành công và xây dựng lại đất nước). Đọc kĩ hơn những đoạn văn sau để có thể tìm câu trả lời:

   – Đoạn từ *Hải Phòng với những quần chúng cách mạng* đến *là tập "Sóng gầm."*

   – Đoạn từ *Tất cả những nhân vật, những cuộc đời* đến *phong trào Mặt trận bình dân từ năm 1935 – 1939.*

   – Đoạn từ *1958, tôi đi thực tế ở Nhà máy xi măng* đến *tưởng tượng và tưởng tượng.*

3. Trong bài viết có nhiều chất liệu thực tế cho thấy mối quan hệ giữa cuộc sống và đề tài được khai thác trong tác phẩm *Cửa biển*. Tuy nhiên, sau khi đọc toàn văn bản, cần chú ý những đoạn có từ khoá *đề tài*: *"Hải Phòng với những quần chúng cách mạng của nó, Hải Phòng với những con người và cuộc sống lầm than, đau khổ của nó, Hải Phòng với những năm từ 1935 đến 1945, qua bao nhiêu cuộc biến chuyển với bao nhiêu sự phân hoá trong các tầng lớp xã hội, Hải Phòng thương yêu, đau xót, tin tưởng và chiến đấu của tôi ấy, là đề tài của bộ "Cửa biển" của tôi, mà tôi đã hoàn thành xong phần một là "Sóng gầm".*

4. Em đọc toàn văn bản và lưu ý những đoạn có các từ khoá như *cuộc đời, cuộc sống, nhân vật, con người*:

   – Đoạn từ *Tất cả những nhân vật, những cuộc đời* đến *phong trào Mặt trận bình dân từ năm 1935 – 1939.*

– Đoạn từ *Tôi sống một sự sống rất hằng ngày* đến *những con người đã có mặt trên mặt đất với tôi.*

Lưu ý rằng em có thể chọn được nhiều đoạn trong bài viết này nhấn mạnh vấn đề mối quan hệ giữa cuộc sống và thế giới trong tác phẩm, đời thực và trang viết của nhà văn. Trong mối quan hệ này, có thể thấy đời thực có vai trò quyết định đối với cảm hứng, với việc lựa chọn xây dựng hình tượng trong tác phẩm, nếu như không có chất sống thực đó, không có vốn hiểu biết về thực tế đó thì nhà văn không thể sáng tạo nên cuộc sống trong tác phẩm văn học.

5. Đọc kĩ những câu, đoạn có từ khoá *tưởng tượng*, *sáng tạo* để tìm câu trả lời phù hợp: từ *1958, tôi đi thực tế ở Nhà máy xi măng* đến *Tôi phải sáng tạo.*

VIẾT

Bài tập 1

Để viết lời giới thiệu sách theo yêu cầu của bài tập này, em cần chú ý:

– Trong vai trò là một độc giả: Em cần đọc kĩ một cuốn sách đã được lựa chọn phù hợp với mục tiêu đọc đã xây dựng. Từ đó:

+ Xác định được hoàn cảnh ra đời, tác giả, thông tin xuất bản của cuốn sách.

+ Tìm hiểu và nhận diện được đặc điểm hình thức nghệ thuật của cuốn sách: thể loại, bố cục, những điểm nổi bật về ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện,...

+ Tìm hiểu nội dung của cuốn sách: đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo, cốt truyện (nếu là tác phẩm truyện),...

– Trong vai trò một nhà phê bình, để viết lời giới thiệu cuốn sách, em cần chú ý thêm những vấn đề sau:

+ Mối quan hệ giữa cuốn sách và đời sống: những yếu tố đời sống tác động đến nghệ thuật và nội dung của cuốn sách, tầm ảnh hưởng của cuốn sách với độc giả và các vấn đề xã hội.

+ Sự tương đồng, khác biệt của cuốn sách so với những tác phẩm cùng thể loại hoặc đề tài mà em đã đọc.

+ Cần sáng tạo và linh hoạt trong cách sắp xếp các nội dung quan trọng trong lời giới thiệu sách để bài viết có sự độc đáo và tạo ấn tượng với người đọc.

Bài tập 2

Em chuẩn bị ý tưởng và bắt tay vào viết tác phẩm của mình bằng cách thực hiện các bước theo gợi ý sau:

a. Xác định đề tài em quan tâm và muốn thể hiện trong tác phẩm.

b. Lựa chọn một thể loại yêu thích và phù hợp: thơ, truyện, tuỳ bút, tản văn.

c. Hình dung về cảm xúc chủ đạo của bài thơ hoặc cốt truyện mà em định xây dựng.

d. Nếu em định làm thơ, hãy thử viết ý tưởng đầu tiên của mình bằng 1 – 2 câu với các thể thơ khác nhau: thơ lục bát hoặc thơ bốn chữ, năm chữ, thơ tự do,... Nếu em định viết truyện, hãy xây dựng cốt truyện và lập dàn ý ngắn gọn cho cốt truyện mà em định triển khai trong tác phẩm: *Sự kiện chính của câu chuyện là gì? Sự kiện diễn ra trong thời gian, không gian nào? Những ai là nhân vật chính tham gia vào sự kiện? Họ đã làm gì và suy nghĩ như thế nào? Câu chuyện mở đầu, diễn biến và kết thúc ra sao?*

e. Mọi tác phẩm dù dài hay ngắn đều bắt đầu từ những từ ngữ đầu tiên. Một số từ ngữ hoặc những câu đầu tiên em định viết khi bắt đầu tác phẩm có thể là: nhan đề, lời đề từ, câu mở đầu, đoạn mở đầu:

– Viết một vài nhan đề mà em yêu thích và định dùng cho tác phẩm của mình. Lựa chọn nhan đề mà em thấy phù hợp nhất.

– Viết thêm lời đề từ nếu em muốn làm rõ hơn cho nhan đề và ý tưởng của tác phẩm.

– Viết câu mở đầu để gợi ra bối cảnh (thời gian, không gian), cảm xúc hoặc tình huống liên quan đến câu chuyện, bài thơ em định sáng tác.

g. Hoàn thành tác phẩm để thể hiện trọn vẹn ý tưởng của em.

h. Chỉnh sửa và trình bày tác phẩm theo hình thức mà em cảm thấy thú vị nhất.

NÓI VÀ NGHE

Lựa chọn một trong hai bài tập và thực hiện theo yêu cầu.

Thực hiện hai bài tập này theo hình thức thuyết trình, trình bày trực tiếp trên lớp hoặc qua đoạn phim ngắn do em xây dựng để chia sẻ nội dung đã chuẩn bị. Có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ như:

– Văn bản đa phương thức: đoạn phim ngắn, nội dung minh hoạ trên bản trình chiếu, pô-xtơ hoặc các phần mềm ứng dụng phù hợp.

– Văn bản đã hoàn thiện trong phần Viết.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. Chọn phương án trả lời đúng

Câu 1. C; **Câu 2.** C; **Câu 3.** B

2. Trả lời các câu hỏi

Câu 1. Em hiểu và xác định những đặc điểm của nhân vật trữ tình và hình tượng chủ đạo trong đoạn thơ.

– "Tôi" là nhân vật trữ tình – trong bài thơ này là người lính, người chiến sĩ hành quân trên con đường mà "cô gái mở đường" đã chiến đấu và hi sinh. Câu thơ *Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn* giúp người đọc nhận diện và hiểu được điều đó.

– "Em" chính là hình tượng "cô gái mở đường" – những nữ thanh niên xung phong (có thể liên hệ bài thơ *Lá đỏ* của Nguyễn Đình Thi và truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê để hiểu rõ hơn điều này).

Câu 2. Em rút ra ý nghĩa của hình tượng thơ dựa trên những từ ngữ, hình ảnh cụ thể:

– Bài thơ bắt đầu bằng lời kể, tái hiện câu chuyện về cô gái mở đường với giọng điệu trang trọng gợi không khí thiêng liêng: *Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường.*

– Những từ ngữ, hình ảnh tái hiện hành động của cô gái mở đường: "để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương/ cho đoàn xe kịp giờ ra trận", "em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa"... Cô gái mở đường "đánh lạc hướng thù", cứu được con đường nhưng cô đã hi sinh anh dũng khi "hứng lấy luồng bom". Hành động đó thể hiện sự dũng cảm, quyết liệt của cô thanh niên xung phong trong bài thơ. Khi cần cứu con đường cho đoàn xe kịp giờ ra trận, cô đã có một lựa chọn thật phi thường: nhận về mình luồng bom – nhận về cái chết để dành sự sống cho con đường hành quân của những người lính, những đoàn xe đang ra trận để giải phóng quê hương, đất nước.

– Ý nghĩa của hình tượng: "Em" trong bài thơ được nhắc đến như là một cô gái – một con người cụ thể, nhưng "em" cũng là hình tượng đại diện cho rất nhiều cô gái, nhiều nữ thanh niên xung phong đã "mở đường" trong cuộc kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước. Đó chính là những cô gái đã hi sinh tuổi thanh xuân, hi sinh cuộc sống của mình vì độc lập, tự do của đất nước.

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng:

– Biện pháp tu từ so sánh: *Em nằm dưới đất sâu/ Như khoảng trời đã nằm yên trong đất*. Hình ảnh cô gái mở đường đã hi sinh và nằm trong lòng đất mẹ được nhà thơ liên tưởng, so sánh với hình ảnh "khoảng trời nằm yên trong đất". Hình ảnh "khoảng trời" gợi liên tưởng tới một không gian tươi sáng, với "mây trắng", với ánh sáng, với cả "những vì sao"... Từ hố bom sâu có nước mưa đọng lại, soi bóng khoảng trời mây trắng ở khổ thơ trước đó, nhà thơ đã tiếp tục liên tưởng tới hình ảnh cô gái trong lòng đất mẹ với vẻ đẹp bình yên và rạng ngời, rất đỗi thanh thản và vô cùng cao cả "như khoảng trời đã nằm yên trong đất". Có thể nói thêm về sự giao hoà giữa đất và trời được gợi lên trong hình ảnh so sánh này. Điều đó góp phần khắc hoạ rõ hơn ý nghĩa thiêng liêng trong sự hi sinh của cô gái mở đường.

– Biện pháp tu từ ẩn dụ: *Đêm đêm, tâm hồn em toả sáng/ Những vì sao ngời chói, lung linh*. Hình ảnh "những vì sao ngời chói, lung linh" là hình ảnh ẩn dụ gợi lên vẻ đẹp tâm hồn của "em" – cô gái mở đường. Cô gái đã hi sinh, đã trở về trong lòng đất mẹ nhưng dường như tâm hồn cô, vẻ đẹp của trái tim yêu thương và lòng dũng cảm vẫn còn toả rạng, bất diệt, vĩnh cửu như những vì sao sáng mãi, rực rỡ, "ngời chói" và "lung linh" trên bầu trời.

– Sự phối hợp của cả hình ảnh so sánh và ẩn dụ trong khổ thơ gợi lên những liên tưởng phong phú, sâu sắc cho người đọc.

Câu 4. Em cần hiểu và trình bày được ý nghĩa của những hình ảnh chủ đạo trong mạch cảm xúc và hình tượng của bài thơ.

– "Hố bom" trước hết là hình ảnh thực gắn với sự khốc liệt của chiến trường: Bom đạn của kẻ thù dội xuống để lại những dấu ấn chết chóc trên mảnh đất quê hương. Hố bom đó đã chôn vùi tuổi thanh xuân của các "cô gái mở đường", những người đã "hứng lấy luồng bom" để cho tuyến đường thông suốt, đoàn xe kịp giờ ra trận.

– "Khoảng trời" cũng là hình ảnh thực: Khoảng trời trên những hố bom nơi chiến trường đã soi bóng xuống hố bom – nơi nước mưa đọng lại: *Tôi nhìn xuống hố bom đã giết em/ Mưa đọng lại một khoảng trời nho nhỏ.*

– Hình ảnh "khoảng trời" và "hố bom" được kết hợp trong mạch cảm xúc của bài thơ đã tạo nên những liên tưởng độc đáo, bất ngờ, sâu sắc mang ý nghĩa ẩn dụ: *Đất nước mình nhân hậu/ Lấy nước trời xoa dịu vết thương đau*. Khoảng trời soi bóng và vũng nước mưa đọng trong hố bom đã không chỉ "xoa dịu vết thương đau" mà dường như còn làm cho sự sống hồi sinh và tình yêu thương

của quê hương với "em – cô gái mở đường" cùng tâm hồn người nữ thanh niên xung phong đã hi sinh ấy luôn toả sáng, ngời rạng. Nhờ có "khoảng trời" soi bóng đó mà "hố bom" không còn là hố sâu chết chóc hận thù, "hố bom" trở thành nơi lưu giữ kí ức về những "cô gái mở đường" – những nữ thanh niên xung phong đã hi sinh quên mình, gửi lại tuổi xuân nơi chiến trường vì tình yêu Tổ quốc.

Bài tập 2

1. Chọn phương án trả lời đúng

Câu 1. D; **Câu 2.** C; **Câu 3.** B; **Câu 4.** B

2. Trả lời các câu hỏi

Câu 1

– Câu chuyện được kể trong đoạn trích có cốt truyện đa tuyến.

– Có nhiều tuyến truyện với những nhân vật và sự việc chính khác nhau được sắp xếp kết hợp: Trong cuộc phiêu lưu đến các hành tinh khác nhau, hoàng tử bé đã gặp các nhân vật khác nhau (ông hợm hĩnh, ông nát rượu). Mỗi cuộc gặp gỡ này là một câu chuyện, một sự việc khác nhau được lồng ghép vào trong câu chuyện về cuộc phiêu lưu của nhân vật hoàng tử bé.

Câu 2. Em cần hiểu và giải thích được đặc điểm của câu hỏi tu từ: không phải dùng với mục đích để hỏi mà thực hiện những mục đích khác, những trạng thái cảm xúc đặc biệt của người nói.

a) Hoàng tử bé hỏi không phải để chờ câu trả lời hoặc giải thích của ông hợm hĩnh mà chỉ vì quá ngạc nhiên trước cách giải thích của con người này về chiếc mũ và sở thích rất kì quặc của gã: luôn muốn được hoan hô.

b) Có thể xem đây là câu hỏi tu từ vì người nói không dùng với mục đích để hỏi về điều chưa biết, cần giải đáp mà để bộc lộ cảm xúc, thái độ: bất ngờ và ngạc nhiên trước sự việc đang chứng kiến.

Câu 3. Nhận diện và phân tích ý nghĩa của những chi tiết gây cười trong câu chuyện về ông hợm hĩnh và ông nát rượu.

Chi tiết gây cười thường là chi tiết bất ngờ và có yếu tố phi lí, không theo lô-gíc thông thường như:

– Cái mũ của ông hợm hĩnh dùng để chào khi có người hoan hô nhưng lại chẳng có ai đến hành tinh của gã, trừ hoàng tử bé, chính vì thế mà hoàng tử bé là người duy nhất mà ông hợm hĩnh gặp và phải liên tục vỗ tay khi ông hợm hĩnh ngả mũ chào "một cách khiêm tốn". Ông hợm hĩnh chào "một cách

khiêm tốn" nhưng thực ra ông lại rất thèm khát được ngưỡng mộ, dù chẳng có lí do gì, điều này khiến ông trở nên vừa nực cười vừa thảm hại.

– Ông nát rượu giải thích lí do vì sao ông uống rượu mãi không dứt: uống để quên nỗi xấu hổ vì đã trót uống rượu say. Chính vì thế mà chẳng bao giờ ông hết say và hết xấu hổ. Chi tiết này cho thấy sự vô lí trong cách giải thích của ông nát rượu, mang ý nghĩa phê phán thói xấu nghiện ngập và thái độ nguỵ biện trước thói hư tật xấu đó.

Câu 4. Để trả lời câu 4, em cần hiểu và phân tích, suy luận được ý nghĩa từ những đặc điểm cụ thể của nhân vật. Từ ngôn ngữ, hành động bộc lộ thói xấu và thái độ cố tình nguỵ biện hoặc thoả mãn thói xấu của hai nhân vật trong câu chuyện, em có thể tìm câu trả lời thích hợp cho câu hỏi này.

Câu 5. Em cần hiểu và chỉ rõ đối tượng châm biếm trong đoạn trích: nhân vật ông hợm hĩnh và ông nát rượu là đại diện cho những thói hư tật xấu mà con người rất dễ mắc phải như: tính kiêu căng vô lối và vô nghĩa, thói nghiện ngập bê tha. Do đó, đối tượng châm biếm không chỉ là hai nhân vật cụ thể mà còn là những thói hư tật xấu của con người, thái độ cố tình thoả mãn hoặc nguỵ biện cho thói xấu đó. Có thể liên hệ thêm với các truyện cười dân gian và hài kịch *Trưởng giả học làm sang* của Mô-li-e để làm rõ hơn vấn đề này.

VIẾT

Bài tập 1

Để viết đoạn văn trình bày cảm xúc về hình tượng "cô gái mở đường" trong đoạn thơ được trích dẫn ở bài tập 1 phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt, em cần chú ý những vấn đề sau:

– Xem lại các yêu cầu của kiểu bài viết phân tích một tác phẩm văn học (lớp 8) và kiểu bài viết trình bày cảm xúc về bài thơ, đoạn thơ (lớp 6, 7). Trình bày cảm xúc về một hình tượng thơ vẫn thuộc kiểu bài viết trình bày cảm xúc về bài thơ, đoạn thơ nhưng chú ý đến một phương diện cụ thể (hình tượng thơ). Đồng thời, với lớp 8, em cần chú ý thêm những yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học (ở đây là tác phẩm thơ) để có thể nhận diện và phân tích rõ hơn những yếu tố nghệ thuật được dùng để biểu hiện hình tượng thơ.

– Nêu được những yếu tố (ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ) biểu hiện hình tượng "cô gái mở đường" và phân tích được ý nghĩa của các yếu tố này:

+ "Cô gái mở đường" được tái hiện qua lời thơ đầy xúc động, trang nghiêm, thiêng liêng: *"Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường"*. "Cô gái mở đường"

không hiện lên trực tiếp nhưng rất sống động trong kí ức của đồng đội, của những người chiến sĩ trên con đường hành quân ra trận.

+ "Cô gái mở đường" hiện lên trong đoạn thơ như một nhân vật, một con người cụ thể với hành động quyết liệt, dũng cảm, sẵn sàng hi sinh cho cuộc chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc: *Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương/ Cho đoàn xe kịp giờ ra trận/ Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa/ Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom.*

+ Sự hi sinh của "cô gái mở đường" để lại bao yêu thương, trân trọng trong kí ức đồng đội, trong những câu chuyện kể của người ở lại: *Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn/ Gặp hố bom nhắc chuyện người con gái.* Nơi cô gái nằm xuống, tình yêu thương của đồng đội, của quê hương vẫn "bồi đắp" mãi lên.

+ Hình ảnh "khoảng trời" và "hố bom" gắn với sự hi sinh của "em – cô gái mở đường" mang ý nghĩa sâu sắc: Từ hố sâu của chiến tranh và chết chóc, vẻ đẹp tâm hồn của cô gái mở đường và tình yêu thương, lòng nhân hậu, ấp ủ của quê hương cùng toả sáng bất diệt.

– Nêu được cảm nghĩ của bản thân sau khi đã phân tích hình tượng thơ: Có thể liên hệ thêm với hình tượng cô gái "trên cao lộng gió" nơi "rừng lạ ào ào lá đỏ" trong bài *Lá đỏ* của Nguyễn Đình Thi, các cô thanh niên xung phong trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê,... để có thể hiểu sâu và nêu được cảm xúc về những điểm tương đồng và cả những nét riêng của hình tượng "cô gái mở đường" trong bài thơ.

Bài tập 2

Để có thể viết bài văn trình bày suy nghĩ về một trong những thói xấu của con người được gợi lên từ câu chuyện về hoàng tử bé và các nhân vật trong đoạn trích đã dẫn ở bài tập 2 phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt, em cần lưu ý:

– Xem lại những yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

– Trong bài tập này, vấn đề đời sống cụ thể là những thói xấu của con người. Điều đáng chú ý là bất kì ai cũng có thể mắc những thói xấu đó. Do đó, việc hiểu rõ và phê phán những thói hư tật xấu này không phải chỉ là để nói về thói xấu nói chung hoặc thói xấu của người khác. Thông qua việc nhận diện để hiểu và phê phán những thói hư tật xấu đó, mỗi người cần tự sửa mình, cần điều chỉnh suy nghĩ và hành vi, tự thanh lọc để trở nên tốt hơn, để không mắc phải những thói tật để rồi trở nên nực cười, thảm hại hoặc đáng xấu hổ như những nhân vật "kì quặc" mà hoàng tử bé gặp trên những hành tinh cậu đã đi qua.

– Thực hiện việc tìm ý và lập dàn ý sau khi đã lựa chọn đề tài cụ thể: Em nhận thấy thói xấu nào cần được nhận diện và phê phán để tránh bị mắc phải và có thể tự rèn luyện, tu dưỡng tốt hơn?

+ Mở bài: Nêu thói xấu em cho là kì quặc và cần phê phán.

+ Thân bài: Nêu những biểu hiện cụ thể của thói xấu: *Trong suy nghĩ, hành vi của con người, thói xấu đó thường bộc lộ với những biểu hiện như thế nào? Làm thế nào để có thể hiểu rõ và nhận diện được khi chính mỗi chúng ta cũng mắc phải thói xấu đó?*

• Nêu được những tác hại của thói xấu với chính bản thân mỗi người và cộng đồng.

• Nêu cách phòng tránh và sửa chữa, khắc phục thói xấu để tự thanh lọc, tu dưỡng bản thân tốt hơn.

+ Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc hiểu biết để phòng tránh thói xấu và điều chỉnh suy nghĩ, hành vi theo hướng tích cực, bồi đắp những phẩm chất tốt trong đời sống của mỗi con người và cộng đồng xã hội.

NÓI VÀ NGHE

Chọn một trong hai đề bài để thực hành nói và nghe.

1. Bài tập này khuyến khích em chia sẻ suy nghĩ của bản thân về tình yêu và trách nhiệm của con người với quê hương, đất nước. Vì vậy, em cần trình bày một cách cởi mở và chân thành những suy nghĩ của mình. Nội dung đoạn văn mà em đã hoàn thành ở bài tập 1 phần Viết cũng có thể gợi cho em một số ý tưởng cho phần Nói và nghe này. Khi trình bày trong nhóm hoặc trước lớp, có thể sử dụng một số phương tiện hỗ trợ (sơ đồ, dàn ý, hình ảnh minh hoạ) để giúp em làm chủ được nội dung trình bày và làm cho bài nói được sinh động.
2. – Em có thể lập dàn ý cho bài nói dựa trên một số câu hỏi tìm ý như sau:

+ Những biểu hiện cụ thể của thói kiêu căng trong suy nghĩ, hành vi của con người là gì?

+ Vì sao thói kiêu căng khiến con người trở nên nực cười?

+ Vì sao thói xấu này còn có thể cản trở sự tiến bộ của mỗi người?

+ Làm thế nào để tránh được thói kiêu căng, tự mãn; rèn luyện đức khiêm tốn, tinh thần học hỏi để ứng xử, hành động đúng đắn và phát triển bản thân trở nên tốt đẹp, tiến bộ hơn?

– Trình bày bài nói trong nhóm. Sau đó có thể điều chỉnh nội dung, cách trình bày sau khi lắng nghe sự góp ý của thầy cô và các bạn.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: THÂN THUỲ TRANG – NGUYỄN THỊ NHIỆM
Thiết kế sách: LÊ THẾ HẢI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG - VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP NGỮ VĂN 8 - TẬP HAI
Mã số: G1BH8V002H23
In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 17 x 24cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/20-2097/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-34963-7
Tập 2: 978-604-0-34964-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH BÀI TẬP LỚP 8 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Bài tập Ngữ văn 8, tập một
2. Bài tập Ngữ văn 8, tập hai
3. Bài tập Toán 8, tập một
4. Bài tập Toán 8, tập hai
5. Bài tập Khoa học tự nhiên 8
6. Bài tập Công nghệ 8
7. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8, phần Lịch sử
8. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8, phần Địa lí
9. Bài tập Mĩ thuật 8
10. Bài tập Âm nhạc 8
11. Bài tập Giáo dục công dân 8
12. Bài tập Tin học 8
13. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8
14. Tiếng Anh 8 – Global Success – Sách bài tập

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-34964-4

9 786040 349644

Giá: ..... đ